

DNTN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LỆ DUNG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CỦA CƠ SỞ:**

**NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CÀ PHÊ QUẢ TƯƠI  
TẠI THÔN CỘP, XÃ HƯỚNG PHÙNG, TỈNH QUẢNG TRỊ**

**QUẢNG TRỊ, NĂM 2025**

DNTN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LỆ DUNG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

CỦA CƠ SỞ:

**NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CÀ PHÊ QUẢ TƯƠI  
TẠI THÔN CỘP, XÃ HƯỚNG PHÙNG, TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CHỦ CƠ SỞ**

**DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN  
TM&DV LỆ DUNG  
CHỦ DOANH NGHIỆP**



**Nguyễn Thị Lệ**

**ĐƠN VI TƯ VẤN**

**TRUNG TÂM QUAN TRẮC  
NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG  
KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lê Văn Phú**

**QUẢNG TRỊ, NĂM 2025**

## MỤC LỤC

<b>MỤC LỤC</b> .....	<b>1</b>
<b>DANH MỤC BẢNG</b> .....	<b>3</b>
<b>DANH MỤC HÌNH</b> .....	<b>3</b>
<b>DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT</b> .....	<b>4</b>
<b>CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ</b> .....	<b>5</b>
1. Tên chủ cơ sở .....	5
2. Tên cơ sở .....	5
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở .....	6
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở .....	6
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở .....	6
3.3. Sản phẩm của Cơ sở .....	9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở .....	9
4.1. Nguyên, nhiên vật liệu .....	9
4.2. Hoá chất sử dụng .....	9
4.3. Nguồn cung cấp điện .....	10
4.4. Nguồn cung cấp nước .....	10
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở .....	11
5.1. Hiện trạng các hạng mục công trình đã đầu tư xây dựng .....	11
<b>CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG</b> .....	<b>14</b>
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường .....	14
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường .....	15
<b>CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ</b> .....	<b>16</b>
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải .....	16
1.1. Thu gom, thoát nước mưa .....	16
1.2. Thu gom, thoát nước thải .....	16
1.3. Xử lý nước thải .....	16
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải .....	24
2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ phương tiện giao thông .....	24
2.2. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình sản xuất .....	24
2.3. Biện pháp xử lý bụi, khí thải của lò đốt cấp nhiệt .....	25
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường .....	28
3.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt .....	28
3.2. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường .....	28
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại .....	29
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung .....	29
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường .....	30
6.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy, nổ .....	30
6.2. Đối với sự cố tai nạn lao động .....	30
6.3. Đối với sự cố về hệ thống xử lý nước thải .....	30

<b>7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....</b>	<b>31</b>
<b>CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ....</b>	<b>33</b>
<b>1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....</b>	<b>33</b>
1.1. Nguồn phát sinh .....	33
1.2. Dòng nước thải.....	33
1.3. Lưu lượng xả nước thải tối đa.....	33
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải .....	33
1.5. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải .....	34
<b>2. Nội dung cấp phép xả khí thải .....</b>	<b>35</b>
2.1. Nguồn phát sinh .....	35
2.2. Dòng khí thải.....	35
2.3. Lưu lượng xả khí thải tối đa.....	35
2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải .....	35
2.5. Vị trí, phương thức xả thải.....	36
<b>3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....</b>	<b>36</b>
<b>CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....</b>	<b>37</b>
<b>1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường.....</b>	<b>37</b>
<b>2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải .....</b>	<b>37</b>
<b>3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải.....</b>	<b>38</b>
<b>4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải).....</b>	<b>39</b>
<b>5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất) .....</b>	<b>39</b>
<b>6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải.....</b>	<b>39</b>
<b>7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở .....</b>	<b>40</b>
<b>CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....</b>	<b>41</b>
<b>1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải .....</b>	<b>41</b>
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	41
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.....	41
<b>2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của Pháp luật.....</b>	<b>41</b>
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	41
2.2. Chương trình quan trắc chất thải tự động, liên tục chất thải .....	42
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở....	42
<b>3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm .....</b>	<b>42</b>
<b>CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....</b>	<b>43</b>
<b>PHỤ LỤC BÁO CÁO .....</b>	<b>44</b>

## **DANH MỤC BẢNG**

Bảng 1. Toạ độ phạm vi ranh giới Cơ sở .....	5
Bảng 2. Danh mục máy móc thiết bị sử dụng .....	8
Bảng 3. Nhu cầu nhiên liệu cấp cho lò đốt.....	9
Bảng 4. Nhu cầu hóa chất hệ thống xử lý nước thải .....	9
Bảng 5. Nhu cầu sử dụng điện của Cơ sở .....	10
Bảng 6. Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động của Cơ sở .....	10
Bảng 7. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình.....	11
Bảng 8. Nguồn phát sinh và lưu lượng nước thải phát sinh của Cơ sở.....	16
Bảng 9. Thông số kỹ thuật các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải .....	24
Bảng 10. Danh mục máy móc thiết bị đã lắp đặt .....	27
Bảng 11. Khối lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh .....	28
Bảng 12. Khối lượng CTNH phát sinh thường xuyên của Cơ sở .....	29
Bảng 13. Các nội dung thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt .....	31
Bảng 14. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải .....	37
Bảng 15. Kết quả quan trắc chất lượng khí thải.....	39

## **DANH MỤC HÌNH**

Hình 1. Sơ đồ quy trình công nghệ chế biến .....	7
Hình 2. Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước mưa .....	16
Hình 3. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải của Cơ sở.....	18
Hình 4. Sơ đồ quy trình xử lý bụi, khí thải của Cơ sở .....	26

**DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

<b>TT</b>	<b>VIẾT TẮT</b>	<b>DIỄN GIẢI</b>
1	BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
2	BVMT	Bảo vệ môi trường
3	CNV	Công nhân viên
4	CTNH	Chất thải nguy hại
5	CTR	Chất thải rắn
6	CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
7	DNTN	Doanh nghiệp tư nhân
8	ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
9	GPMT	Giấy phép môi trường
10	ng.đ	ngày đêm
11	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
12	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
13	QCXD	Quy chuẩn xây dựng
14	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
15	XLNT	Xử lý nước thải

**CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

**1. Tên chủ cơ sở**

- Tên chủ cơ sở: DNTN Thương mại và Dịch vụ Lệ Dung.
- Địa chỉ văn phòng: Km65, Quốc lộ 9, Khóm 3A, xã Khe Sanh, tỉnh Quảng Trị.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Nguyễn Thị Lệ - Chủ doanh nghiệp.
- Điện thoại: 0233 3880808
- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Doanh nghiệp Tư Nhân số 3200305283 đăng ký lần đầu ngày 17/02/2009 và thay đổi lần thứ 1 ngày 12/10/2011.

**2. Tên cơ sở**

- Tên cơ sở: Nhà máy chế biến cà phê quả tươi tại thôn Cọp, xã Hương Phùng, tỉnh Quảng Trị.
- Địa điểm cơ sở: Thôn Cọp, xã Hương Phùng, tỉnh Quảng Trị.

**Bảng 1. Toạ độ phạm vi ranh giới Cơ sở**

Ký hiệu	Hệ tọa độ VN2000 KTT 106°15', múi chiếu 3°		Ký hiệu	Hệ tọa độ VN2000 KTT 106°00', múi chiếu 3°	
	X(m)	Y(m)		X(m)	Y(m)
1	1850486.280	539388.250	1	1850552.504	566045.457
2	1850470.120	539387.220	2	1850536.343	566044.447
3	1850447.820	539403.350	3	1850514.062	566060.606
4	1850383.260	539364.070	4	1850449.451	566021.405
5	1850363.240	539347.480	5	1850429.409	566004.840
6	1850347.930	539327.190	6	1850414.073	565984.568
7	1850341.290	539298.260	7	1850407.397	565955.646
8	1850354.760	539276.040	8	1850420.839	565933.408
9	1850390.100	539249.830	9	1850456.147	565907.153
10	1850405.870	539250.550	10	1850471.919	565907.853
11	1850429.440	539275.330	11	1850495.521	565932.604
12	1850487.280	539308.610	12	1850553.404	565965.813

- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án (nếu có):

+ Giấy phép xây dựng số 37/GPXD ngày 18/10/2011 của UBND huyện Hướng Hoá cấp cho Công ty Cổ phần Thương Phú.

+ Quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày 29/09/2011 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy chế

biến cà phê quả tươi Thương Phú”.

+ Quyết định số 1595/QĐ-UBND ngày 23/06/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Điều chỉnh nhà đầu tư quy định tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Công ty Cổ phần Thương Phú đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public, sau đó chuyển nhượng toàn bộ tài sản nhà máy chế biến cà phê cho Công ty Cổ phần Thực phẩm sạch NesViet).

+ Quyết định số 2361/QĐ-UBND ngày 19/08/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc thu hồi đất để cho Công ty Cổ phần thực phẩm sạch NesViet thuê đất tiếp tục thực hiện dự án: Nhà máy chế biến cà phê.

+ Hợp đồng mua bán tài sản ngày 03/09/2020 giữa Công ty Cổ phần Thực phẩm sạch NesViet và DNTN Thương mại và Dịch vụ Lê Dung.

+ Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc thu hồi đất để cho Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại và Dịch vụ Lê Dung thuê đất tiếp tục thực hiện dự án: Nhà máy chế biến cà phê.

- Quy mô của Cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án có tổng mức đầu tư 9.500.000.000 đồng thuộc lĩnh vực công nghiệp có tiêu chí thuộc dự án nhóm C.

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/NĐ-CP: Không có.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất và chế biến cà phê.

- Phân nhóm dự án đầu tư: Cơ sở thuộc danh mục dự án đầu tư nhóm III thuộc mục 2II Phụ lục V của Nghị định 05/2025/NĐ-CP.

### **3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở**

#### **3.1. Công suất hoạt động của cơ sở**

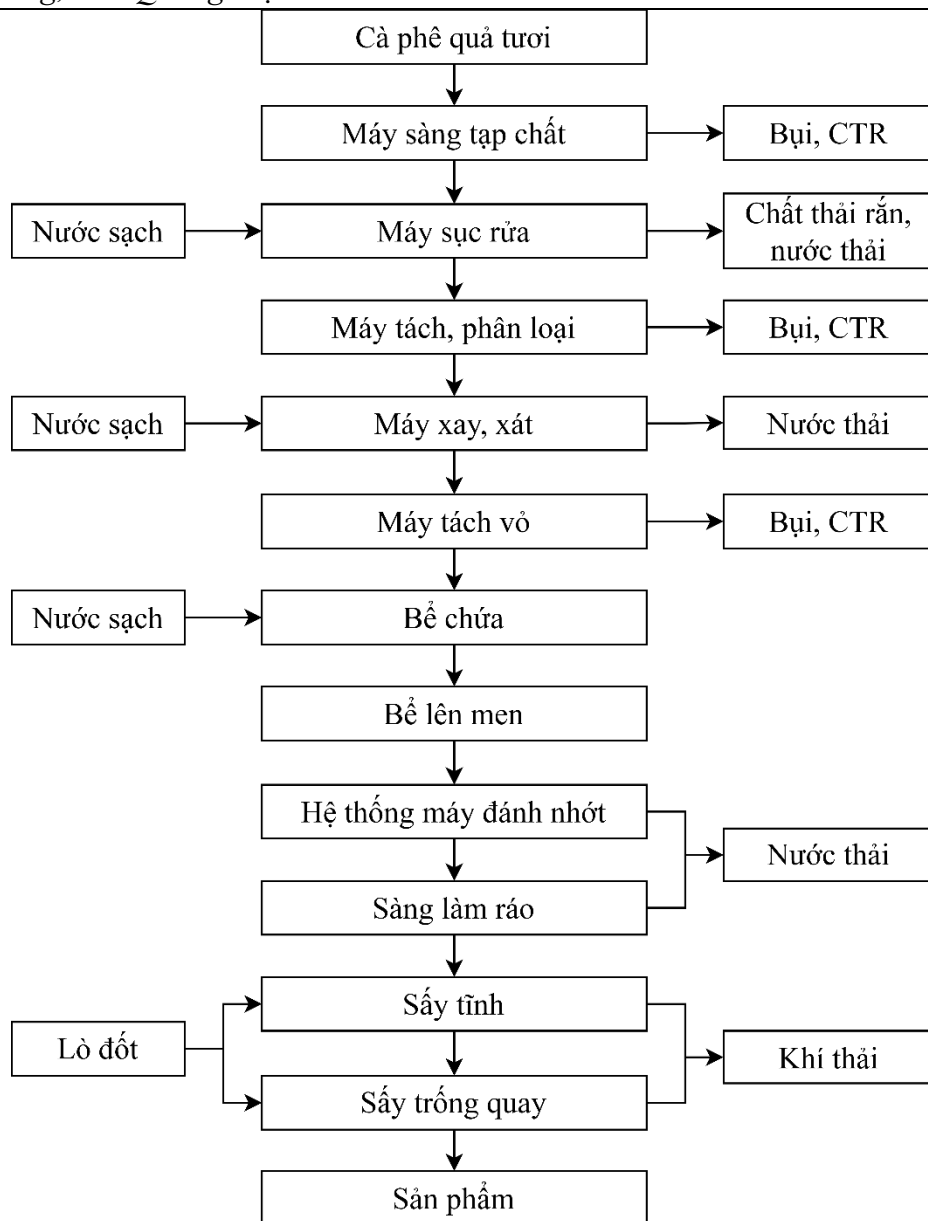
- Quy mô diện tích xây dựng: 14.374m<sup>2</sup>;

- Quy mô công suất hoạt động: 2.500 tấn cà phê tươi/năm.

#### **3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở**

Dây chuyền công nghệ của Cơ sở do Chủ cơ sở (hiện nay là DNTN Thương mại và Dịch vụ Lê Dung) nhận chuyển nhượng từ Chủ đầu tư ban đầu (Công ty Cổ phần Thương Phú) đã được đầu tư từ năm 2011.

Quả cà phê Arabica (cà phê chè) được loại bỏ vỏ, xơ và lớp vỏ thóc bằng máy và nước. Sau đó, hạt cà phê được lên men, rửa sạch và sấy khô. Phương pháp này tạo ra cà phê nhân sạch, chất lượng cao. Quy trình dây chuyền công nghệ được mô tả chi tiết như sau:



**Hình 1. Sơ đồ quy trình công nghệ chế biến**

**Thuyết minh quy trình:**

- Cà phê quả tươi được nạp qua phễu vào máy sàng tạp chất. Tại đây, các tạp chất như đất, đá, cành cây... được loại bỏ. Sau đó, cà phê được đưa vào máy súc rửa nhằm loại bỏ các chất bẩn bám trên bề mặt hạt cà phê.

- Tiếp theo, cà phê được đưa vào máy phân loại nhằm phân loại hạt cà phê. Tách riêng hạt khô, hạt lép, bị sâu mọt. Cà phê hạt chín và hạt xanh đã được rửa sạch, chìm xuống và theo băng tải đến máy đánh vỏ (máy xay).

- Trong thiết bị máy đánh vỏ, vỏ quả tươi được xát tách ra khỏi hạt thóc và đi qua máy tách vỏ nhằm tách vỏ ra khỏi hạt. Hạt cà phê xanh có vỏ bám chắc vào hạt được loại ra khỏi thiết bị theo đường dẫn riêng. Cà phê quá xanh cùng với cà phê khô lép đã loại ra được đem đi chế biến khô. Bã vỏ tươi được hệ thống băng chuyền đưa đến khu vực lưu giữ tại khu vực riêng (sau đó hợp đồng với các cơ sở thu mua vỏ về làm phân bón hữu cơ).

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở: Nhà máy chế biến cà phê quả tươi tại thôn Cọp, xã Hương Phùng, tỉnh Quảng Trị**

- Cà phê đã tách vỏ được đưa vào bể chứa và bơm lên bể ủ lên men trong thời gian khoảng 12 - 14h. Công đoạn ủ lên men làm cho chất lượng hạt cà phê tốt hơn. Sau khi ủ cà phê được đưa vào hệ thống máy đánh nhót. Trong giai đoạn này, các hạt cà phê thóc tươi được chà xát vào nhau nhờ rung động, nên nhót được tách ra khỏi bề mặt hạt cà phê thóc.

- Cuối cùng, hạt cà phê được đưa vào sàng làm ráo, qua công đoạn sấy tĩnh và sấy trống quay.

+ Hệ thống sấy tĩnh (Sấy sàn): Cơ sở trang bị 04 sàng sấy (bể sấy) diện tích lớn. Nhiệt lượng cung cấp cho hệ thống này được lấy từ 02 lò đốt than riêng biệt. Tại mỗi lò đốt, quạt hút công suất lớn sẽ hút hơi nóng sinh ra từ quá trình đốt than đá, thổi qua hệ thống đường ống dẫn nhiệt vào phía dưới các sàng sấy, hơi nóng đi xuyên qua lớp hạt cà phê để tách ẩm và làm khô.

+ Hệ thống sấy trống quay: Đối với cà phê yêu cầu chất lượng cao hoặc ở giai đoạn sấy hoàn thiện, Cơ sở sử dụng hệ thống 04 máy sấy trống quay. Hệ thống này được cấp nhiệt bởi 02 lò đốt (nhiên liệu sử dụng là than đá, củi hoặc trấu). Nhiệt độ sấy được kiểm soát tự động để đảm bảo hạt cà phê chín đều, không bị cháy khét.

- Cà phê thành phẩm được đóng bao và lưu kho chờ xuất bán.

**Bảng 2. Danh mục máy móc thiết bị sử dụng**

TT	Máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Năm sản xuất
1	Thiết bị gom cà phê	Cái	1	2011
2	Máy rửa và phân loại cà phê	Cái	1	2011
3	Gầu tải chuyển cà chín lên máy xát	Cái	1	2011
4	Gầu tải chuyển cà nổi lên máy xát	Cái	1	2011
5	Máy xát cà chín	Cái	2	2011
6	Máy xát cà quả xanh	Cái	2	2011
7	Máy xát cà quả nổi	Cái	2	2011
8	Máy xát lại cà quả nổi lần 2	Cái	1	2014
9	Lồng tách quả sót	Cái	1	2011
10	Vít tải cà xanh lên máy xát	Cái	1	2013
11	Vít tải ngang chuyển vỏ ra ngoài	Cái	1	2011
12	Vít tải nghiêng chuyển vỏ ra bãi vỏ	Cái	1	2013
13	Hệ thống máng dẫn cà phê vào bể ủ	Hệ thống	1	2011
14	Hệ thống bể đỡ	Hệ thống	5	2011
15	Hệ thống đường ống nước cấp cho máy	Hệ thống	3	2011
16	Máng dẫn cấp điện	Cái	3	2011
17	Tủ điện điều khiển	Cái	2	2011
18	Bể ủ cà phê	Cái	3	2011
19	Máy đánh nhót	Cái	2	2011
20	Sàng làm ráo cà sau đánh nhót	Hệ thống	1	2011
21	Gầu tải chuyển cà lên vít tải ngang	Cái	1	2011
22	Vít tải ngang rải cà lên sàn sấy tĩnh	Cái	1	2011

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở: Nhà máy chế biến cà phê quả tươi tại thôn Cọp, xã Hướng Phùng, tỉnh Quảng Trị**

TT	Máy móc, thiết bị	ĐVT	Số lượng	Năm sản xuất
23	Hệ thống sấy tĩnh	Hệ thống	1	2011
24	Hệ thống gom cà sau sấy tĩnh	Hệ thống	1	2012
25	Gàu tải chuyển cà lên trống sấy	Cái	4	2011
26	Vít tải ngang rải cà lên trống sấy	Cái	2	2011

### 3.3. Sản phẩm của Cơ sở

Sản phẩm của Cơ sở là cà phê nhân (cà phê hạt) với khối lượng 650 tấn/năm.

## 4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

### 4.1. Nguyên, nhiên vật liệu

Nhu cầu nguyên liệu phục vụ hoạt động sản xuất của Cơ sở là 2.500 tấn cà phê tươi/năm, thời gian hoạt động của cơ sở khoảng 3 tháng/năm, hoạt động vào các tháng 10, 11 và 12), tương ứng trung bình khoảng 28 tấn cà phê quả tươi/ngày. Nguồn nguyên liệu được thu mua trong vùng (xã Hướng Phùng, tỉnh Quảng Trị).

Để cung cấp nhiệt cho lò sấy của Cơ sở, nhiên liệu được cung cấp từ nhiều nguồn khác nhau như than đá, củi, trấu,... Khối lượng sử dụng cụ thể như sau:

**Bảng 3. Nhu cầu nhiên liệu cấp cho lò đốt**

TT	Loại nhiên liệu	Nhu cầu sử dụng (kg/giờ)
1	Củi	35
2	Than đá	20
3	Trấu	10

Máy sấy hoạt động khoảng 20 giờ/ngày (để đáp ứng công suất trung bình 28 tấn quả tươi/ngày trong vụ mùa).

### 4.2. Hoá chất sử dụng

- Nhu cầu hoá chất cho hệ thống xử lý khí thải: Hệ thống sử dụng tháp rửa khí với dung dịch hấp thụ để loại bỏ khí thải. Với định mức sử dụng CaCO<sub>3</sub> khoảng 0,8kg/giờ, lượng CaCO<sub>3</sub> cần cấp mỗi ngày (20h): 0,8 kg/giờ × 20 giờ = 16 kg/ngày.

- Nhu cầu hoá chất cho hệ thống xử lý nước thải: Với công suất hệ thống xử lý nước thải 120 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, nhu cầu hóa chất cho hệ thống hàng ngày như sau:

**Bảng 4. Nhu cầu hóa chất hệ thống xử lý nước thải**

TT	Tên hóa chất	Mục đích sử dụng	Định mức pha/châm (g/m <sup>3</sup> )	Nhu cầu sử dụng (kg/ngày)
1	NaOH	Điều chỉnh pH (Tại bể điều hòa)	100	12
2	PAC	Keo tụ (Tại bể phản ứng hóa lý)	300	36
3	Polymer	Trợ keo tụ (Tại bể phản ứng hóa lý)	4	0,48

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở: Nhà máy chế biến cà phê quả tươi tại thôn Cọp, xã Hướng Phùng, tỉnh Quảng Trị**

TT	Tên hóa chất	Mục đích sử dụng	Định mức pha/châm (g/m <sup>3</sup> )	Nhu cầu sử dụng (kg/ngày)
4	Chlorine	Khử trùng (Tại bể khử trùng)	10	1,2

#### 4.3. Nguồn cung cấp điện

Các hạng mục chính sử dụng điện trong nhà máy chế biến cà phê bao gồm máy sàng tạp chất, máy súc rửa, máy phân loại, máy đánh vỏ, hệ thống băng tải, máy đánh nhót, hệ thống sàng sấy, và hệ thống điều khiển cùng chiếu sáng. Ngoài ra, Cơ sở còn sử dụng điện phục vụ cho hoạt động sinh hoạt của CBCNV.

Nhu cầu sử dụng điện của Cơ sở biến động theo thời điểm, tập trung vào các tháng thời vụ, thống kê khối lượng điện sử dụng của Cơ sở như sau:

**Bảng 5. Nhu cầu sử dụng điện của Cơ sở**

Nguồn năng lượng	Tháng 10/2024	Tháng 11/2024	Tháng 11/2025	Đơn vị cung cấp
Điện	47.762 kWh	64.847 kWh	38.078	Công ty CP Điện lực Quảng Trị

#### 4.4. Nguồn cung cấp nước

- Nước sinh hoạt: Nước cấp cho hoạt động sinh hoạt của 15 CBCNV, lượng nước sử dụng theo định mức của TCVN 13606:2023 là 120 lít/người/ng.đ. Nhu cầu nước sinh hoạt cho Cơ sở là 1,8 m<sup>3</sup>/ng.đ. Nguồn cấp nước được lấy từ giếng khoan tại Cơ sở (Cơ sở đã thực hiện đăng ký khai thác nước dưới đất và được UBND huyện Hướng Hoá xác nhận tại Văn bản số 1312/UBND-NNMT ngày 06/6/2025).

- Nước sản xuất:

+ Định mức sử dụng nước cho quy trình sản xuất cà phê phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau như công nghệ và thiết bị sử dụng, năng suất của dây chuyền sản xuất, và thực tiễn quản lý nước tại mỗi cơ sở. Nguồn cấp nước phục vụ sản xuất được lấy từ suối tự nhiên nằm giáp Cơ sở về phía Đông.

+ Nước cấp cho tháp rửa khí (tháp hấp thụ) dùng để bù vào lượng nước bị bay hơi do khí thải nóng và lượng nước xả đáy. Để tránh dung dịch bị bão hòa muối và cặn, cần xả bỏ một phần nước và nước bị mang theo bùn thải. Lượng này thường ước tính bằng 20% lượng bay hơi. Lượng nước cấp cần thiết tương ứng khoảng 170 lít/giờ.

Tổng lượng nước cấp cho hoạt động của Cơ sở như sau:

**Bảng 6. Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động của Cơ sở**

TT	Hạng mục sử dụng nước	Định mức sử dụng nước	Công suất	Nhu cầu sử dụng nước (m <sup>3</sup> /ngày)	Nguồn cấp nước
1	Nước sinh hoạt	120 lít/người/ngày.đêm	15 người	1,80	Nước dưới đất (giếng khoan)
2	Nước sản xuất			76,80	Nước mặt (lấy từ suối)
-	Súc rửa	2.500 lít/tấn		75,00	

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở: Nhà máy chế biến cà phê quả tươi tại thôn Cọp, xã Hương Phùng, tỉnh Quảng Trị**

TT	Hạng mục sử dụng nước	Định mức sử dụng nước	Công suất	Nhu cầu sử dụng nước (m <sup>3</sup> /ngày)	Nguồn cấp nước
-	Phân tách và loại vỏ	50 lít/tấn	30 tấn/ngày	1,50	
-	Đánh nhót	10 lít/tấn		0,30	
3	Nước cấp cho hoạt động xử lý khí thải	170 lít/giờ	20 giờ	3,40	
	<b>Tổng cộng</b>			<b>82,00</b>	

*Ghi chú: Định mức sử dụng nước dựa trên thực tế hoạt động của Cơ sở*

## 5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

### 5.1. Hiện trạng các hạng mục công trình đã đầu tư xây dựng

#### 5.1.1. Hiện trạng của Cơ sở

Cơ sở có tổng diện tích 14.374m<sup>2</sup> đã được Chủ cơ sở nhận chuyển nhượng tài sản từ năm 2020. Từ thời điểm nhận chuyển nhượng, Chủ cơ sở đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm tăng cường bảo vệ môi trường, trong đó có việc đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Quy mô các hạng mục của Cơ sở hiện tại như sau:

**Bảng 7. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình**

TT	Hạng mục	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Hạng mục chính</b>	<b>1.476,00</b>	<b>10,27</b>
1	Nhà máy xát quả tươi	612,00	4,26
2	Nhà máy sấy tĩnh	504,00	3,51
3	Nhà máy sấy trống quay	360,00	2,50
<b>II</b>	<b>Hạng mục công trình phụ trợ</b>	<b>3.400,00</b>	<b>23,65</b>
1	Bãi chứa vỏ cà phê	350,00	2,43
2	Bãi chứa máy móc	1.200,00	8,35
3	Trạm cân	40,00	0,28
4	Nhà văn phòng	260,00	1,81
5	Nhà nghỉ ca công nhân	100,00	0,70
6	Sân bãi, đường giao thông	1.400,00	9,74
7	Bể chứa nước sản xuất	50,00	0,35
<b>III</b>	<b>Hạng mục công trình BVMT</b>	<b>9.498,00</b>	<b>66,08</b>
1	Hệ thống bể xử lý nước thải	250,00	1,74
2	Hệ thống xử lý khí thải	30,00	0,21
3	Hồ chứa nước tự nhiên	440,00	3,06
4	Hồ biogas	1.600,00	11,13
5	Hồ sinh học	325,00	2,26
6	Khuôn viên cây xanh	6.853,00	47,68
	<b>Tổng cộng</b>	<b>14.374,00</b>	<b>100,00</b>

#### 5.1.2. Đối với công tác bảo vệ môi trường tại Dự án

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở: Nhà máy chế biến cà phê quả tươi tại thôn Cọp, xã Hướng Phùng, tỉnh Quảng Trị**

---

- Biện pháp thu gom, thoát nước mưa: Nước mưa tại Cơ sở được thu gom bằng hệ thống mương hở, kết cấu mương đất kích thước (30x30)cm, hệ thống ống dẫn được bố trí dọc theo tuyến đường nội bộ của Cơ sở, bố trí các hố ga để lắng các tạp chất trước khi nước mưa đổ ra suối tự nhiên nằm về phía Đông của Cơ sở.

- Biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh, nhà bếp được thu gom bằng đường ống PVC D90 dẫn về bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 9m<sup>3</sup> đã được xây dựng tại Cơ sở.

+ Nước thải sản xuất: Chủ cơ sở đã cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải trước đây theo công nghệ mới là SBR để xử lý nước thải của Cơ sở với công suất xử lý 120m<sup>3</sup>/ng.đ.

- Biện pháp xử lý bụi, khí thải: Cơ sở giảm thiểu bụi phát tán thông qua việc vệ sinh nhà xưởng, tưới ẩm đường nội bộ, trồng cây xanh và bảo dưỡng định kỳ phương tiện vận chuyển. Đối với nguồn thải chính từ lò đốt, Cơ sở áp dụng quy trình xử lý liên hoàn gồm Cyclone (lọc bụi ly tâm) để tách bụi thô và Tháp rửa khí (hấp thụ ướt) dùng dung dịch để loại bỏ triệt để bụi mịn và khí độc. Khí thải sau xử lý đạt chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B; kp = 1; kv = 1,4) được xả qua ống khói, nước thải và bùn cặn từ tháp rửa được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Biện pháp xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: CTR sinh hoạt được thu gom, phân loại, lưu trữ vào 03 thùng rác 60L bố trí tại Nhà làm việc, Nhà xưởng. Định kỳ vận chuyển ra bãi rác tập trung của xã Hướng Phùng để xử lý.

+ Chất thải rắn sản xuất: Vỏ quả cà phê bán cho các hộ dân để ủ thành phân bón vi sinh, trong khi bã cà phê sau chế biến được sử dụng làm thức ăn cho gia súc. Các tạp chất không tái chế sẽ được thu gom và xử lý tại bãi rác tập trung. Việc này giúp tiết kiệm chi phí, giảm ô nhiễm và phát triển nông nghiệp bền vững.

+ Chất thải nguy hại: CTNH đã được thu gom tập trung vào 01 thùng rác loại 120L, có nắp đậy và tại các thùng chứa CTNH được dán nhãn để nhân viên thu gom biết phân loại chất thải, sau đó lưu vào khu vực kho. Chủ cơ sở đã hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh để đưa đi xử lý theo đúng quy định (*Giấy phép xử lý CTNH mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.089.VX*).

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: Phân chia khu vực sản xuất gây tiếng ồn xa khu vực lưu trú; bảo trì máy móc và sử dụng đế chống rung để giảm tiếng ồn; cung cấp tai nghe chống ồn cho công nhân để bảo vệ sức khỏe thính giác.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

+ Biện pháp PCCC: Chủ cơ sở sẽ thành lập đội PCCC, xây dựng nội quy và trang bị thiết bị chữa cháy. Đảm bảo hệ thống điện an toàn, sử dụng vật liệu chống cháy và lắp đặt biển báo cấm lửa tại khu vực hầm biogas. Tổ chức tập huấn định kỳ cho CBCNV và thông báo kịp thời khi có sự cố để ứng phó hiệu quả.

+ Biện pháp an toàn lao động: Đề phòng ngừa tai nạn lao động, Chủ cơ sở sẽ tổ chức tập huấn an toàn cho CBCNV, trang bị các phương tiện bảo hộ và đào tạo sơ

cứu kịp thời.

+ Đối với hệ thống xử lý nước thải: Thực hiện bảo trì định kỳ cho hệ thống SBR và hầm biogas, kiểm tra thiết bị để phát hiện sớm hư hỏng. Theo dõi chất lượng nước đầu vào và đầu ra, đào tạo nhân viên về vận hành và xử lý sự cố. Khi xảy ra sự cố, ngừng hoạt động ngay lập tức, xả khí an toàn và khắc phục sự cố phù hợp.

### **5.1.3. Tổ chức quản lý và hoạt động của Cơ sở**

*\* Hình thức quản lý*

Chủ cơ sở là DNTN Thương mại và Dịch vụ Lê Dung.

*\* Chế độ làm việc và bố trí nhân lực:*

- Nhà máy chế biến cà phê quả tươi tại thôn Cọp, xã Hương Phùng, tỉnh Quảng Trị có 15 CBCNV.

- Thời gian hoạt động 3 tháng/năm (theo mùa vụ, từ tháng 10-12).

## **CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHIỤ TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

### **1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường**

Nội dung này đã được đánh giá trong quá trình thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của Cơ sở và đã được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày 29/09/2011 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, hiện nay không có sự thay đổi. Tuy nhiên, qua rà soát bổ sung thì Cơ sở phù hợp với các quy hoạch, chiến lược phát triển do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt sau đây:

- Về quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia: Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050:

+ Tính chất cơ sở: Nhà máy là cơ sở sản xuất, chế biến nông sản (cà phê), không phải là dự án xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia hay cấp vùng. Do đó, cơ sở không thuộc đối tượng phải bố trí theo các vị trí quy hoạch khu xử lý chất thải tập trung quốc gia.

+ Đánh giá: Cơ sở phù hợp với định hướng chung về việc các cơ sở sản xuất phải tự đầu tư hệ thống xử lý chất thải hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng (Cơ sở đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải SBR, hệ thống xử lý khí thải Cyclone + tháp rửa). Điều này phù hợp với quan điểm “nguồn thải phải được quản lý, xử lý” của quy hoạch quốc gia.

- Về quy hoạch tỉnh và phân vùng môi trường: Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050:

+ Phát triển các vùng nông nghiệp ứng dụng CNC, vùng nông nghiệp tập trung theo tiêu chuẩn VietGAP, vùng chuyên canh quy mô lớn, tại các địa phương có điều kiện phù hợp với định hướng phát triển chung của toàn tỉnh. Phát triển các vùng trồng cà phê, hồ tiêu, cây ăn quả, rau hoa, cây dược liệu tại các huyện Hướng Hoá, Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Cam Lộ, Đakrông; vùng canh tác lúa tại các huyện Hải Lăng, Triệu Phong, Gio Linh, Vĩnh Linh; vùng chăn nuôi tổng hợp, lợn, gia cầm, bò tại các xã vùng gò đồi, trung du các huyện Hải Lăng, Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong và một số xã thuộc các huyện Cam Lộ, Đakrông và Hướng Hóa. Vùng nuôi trồng thủy sản tại các huyện Gio Linh, Vĩnh Linh, Triệu Phong, Hải Lăng, thành phố Đông Hà. Vị trí Cơ sở xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa. Đây là vùng nguyên liệu cà phê trọng điểm của tỉnh.

+ Phân vùng môi trường: Cơ sở nằm trong vùng đệm khu bảo tồn, hành lang đa dạng sinh học của Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông và Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hoá thuộc vùng hạn chế phát thải. Do đó, Cơ sở được phép hoạt động nhưng phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về xử lý chất thải.

***Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở: Nhà máy chế biến cà phê quả tươi tại thôn Cọp, xã Hướng Phùng, tỉnh Quảng Trị***

---

- Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 24/04/2017 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Đề án tái canh và phát triển bền vững cây cà phê trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017 - 2020, tính đến năm 2025:

+ Tăng cường liên kết trong sản xuất và tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm, các doanh nghiệp cần chủ động liên kết với các nhóm nông dân, hỗ trợ sản xuất, phân phối lợi ích hợp lý, để phát triển vùng nguyên liệu theo quy hoạch, nhằm ổn định sản lượng và chất lượng nguyên liệu cho chế biến.

**2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường**

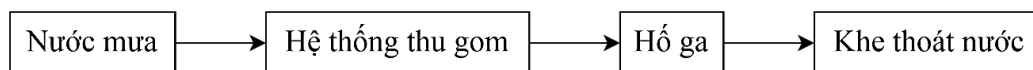
Nước thải sau xử lý của Cơ sở sẽ đổ ra hồ sinh học nằm về phía Đông Nam của Cơ sở (nằm trong ranh giới Cơ sở), sau đó thoát ra suối tự nhiên, nước suối không dùng cấp nước sinh hoạt, chủ yếu phục vụ mục đích tưới tiêu nông nghiệp (tưới cà phê, hoa màu) cho người dân địa phương canh tác dọc hai bên bờ. Các khu vực/lưu vực này chưa được cấp có thẩm quyền công bố/ban hành khả năng chịu tải, do đó báo cáo đề xuất cấp GPMT của Cơ sở chưa có căn cứ đánh giá sức chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải.

### **CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

#### **1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải**

##### **1.1. Thu gom, thoát nước mưa**

Nước mưa tại Cơ sở được thu gom bằng hệ thống mương hở, kết cấu mương đất kích thước (30x30)cm. Hệ thống mương thoát nước mưa của Cơ sở có tổng chiều dài ước tính khoảng 220m chạy bao quanh các khu vực sân bãi và đường nội bộ để đảm bảo thoát nước triệt để ra khu vực bên ngoài Cơ sở.



**Hình 2. Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước mưa**

##### **1.2. Thu gom, thoát nước thải**

- Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà vệ sinh, nhà bếp được thu gom bằng đường ống PVC D90 dẫn về bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 9m<sup>3</sup> đã được xây dựng tại Cơ sở.

- Đối với nước thải sản xuất:

+ Hệ thống gồm tuyến chính dài 40m và tuyến nhánh 15m dẫn nước từ nhà xưởng về bể tập trung. Mương xây bằng gạch Tuynen, đáy lót bê tông đá 4x6, mặt trong trát vữa chống thấm dày 3cm. Kích thước lòng mương rộng 400mm, sâu từ 300-600mm với độ dốc đáy 0,3% để nước tự chảy. Đoạn cuối sử dụng ống nhựa uPVC D300 dài 4m để đầu nối trực tiếp vào trong bể tiếp nhận. Cấu trúc này đảm bảo thu gom triệt để nước thải phát sinh từ khu vực sản xuất và bãi chứa.

+ Hệ thống kết nối các hạng mục xử lý từ khu vực Bể tiếp nhận sang hồ Biogas và sang hồ sinh học. Sử dụng ống nhựa uPVC D150 làm chất liệu chủ đạo để đảm bảo độ bền và lưu thông ổn định. Tuyến ống từ khu vực xử lý sang Biogas dài 25m; tuyến từ Biogas sang hồ sinh học dài 30m. Các đường ống này được lắp đặt ngầm hoặc nổi tùy theo địa hình thực tế của các công đoạn. Chức năng chính là vận chuyển nước thải liên tục giữa các bước xử lý kỵ khí và hiếu khí.

+ Nước thải sau xử lý được dẫn ra hồ sinh học đảm bảo nước đầu ra đạt tiêu chuẩn môi trường trước khi đổ ra suối tự nhiên.

##### **1.3. Xử lý nước thải**

###### **1.3.1. Mô tả từng công trình xử lý nước thải**

**Bảng 8. Nguồn phát sinh và lưu lượng nước thải phát sinh của Cơ sở**

TT	Hạng mục sử dụng nước	Nhu cầu sử dụng nước (m <sup>3</sup> /ngày)	Tỷ lệ phát sinh nước thải	Lượng nước thải phát sinh (m <sup>3</sup> /ngày)
1	Nước sinh hoạt	1,80	100%	1,80
2	Nước sản xuất	76,80	80%	61,44
-	Súc rửa	75,00	80%	60,00

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở: Nhà máy chế biến cà phê quả tươi tại thôn Cọp, xã Hương Phùng, tỉnh Quảng Trị**

<b>TT</b>	<b>Hạng mục sử dụng nước</b>	<b>Nhu cầu sử dụng nước (m<sup>3</sup>/ngày)</b>	<b>Tỷ lệ phát sinh nước thải</b>	<b>Lượng nước thải phát sinh (m<sup>3</sup>/ngày)</b>
-	Phân tách và loại vỏ	1,50	80%	1,20
-	Đánh nhót	0,30	80%	0,24
3	Nước cấp cho hoạt động xử lý khí thải	3,40	80%	2,72
	<b>Tổng cộng</b>	<b>82,00</b>		<b>65,96</b>

**a. Nước thải sinh hoạt**

Hoạt động của Cơ sở phát sinh nước thải sinh hoạt của 15 CNV với khối lượng khoảng 1,8 m<sup>3</sup>/ngày. Cơ sở đã xây dựng 3 bể tự hoại ba ngăn thể tích 9m<sup>3</sup>. Phần bùn thải được hợp đồng với đơn vị chức năng địa phương để thu gom, xử lý. Với thời gian lưu nước thực tế là 5 ngày, lớn hơn rất nhiều so với yêu cầu tối thiểu (1-3 ngày). Điều này giúp quá trình lắng cặn và phân hủy diễn ra triệt để hơn, nước đầu ra trong hơn.

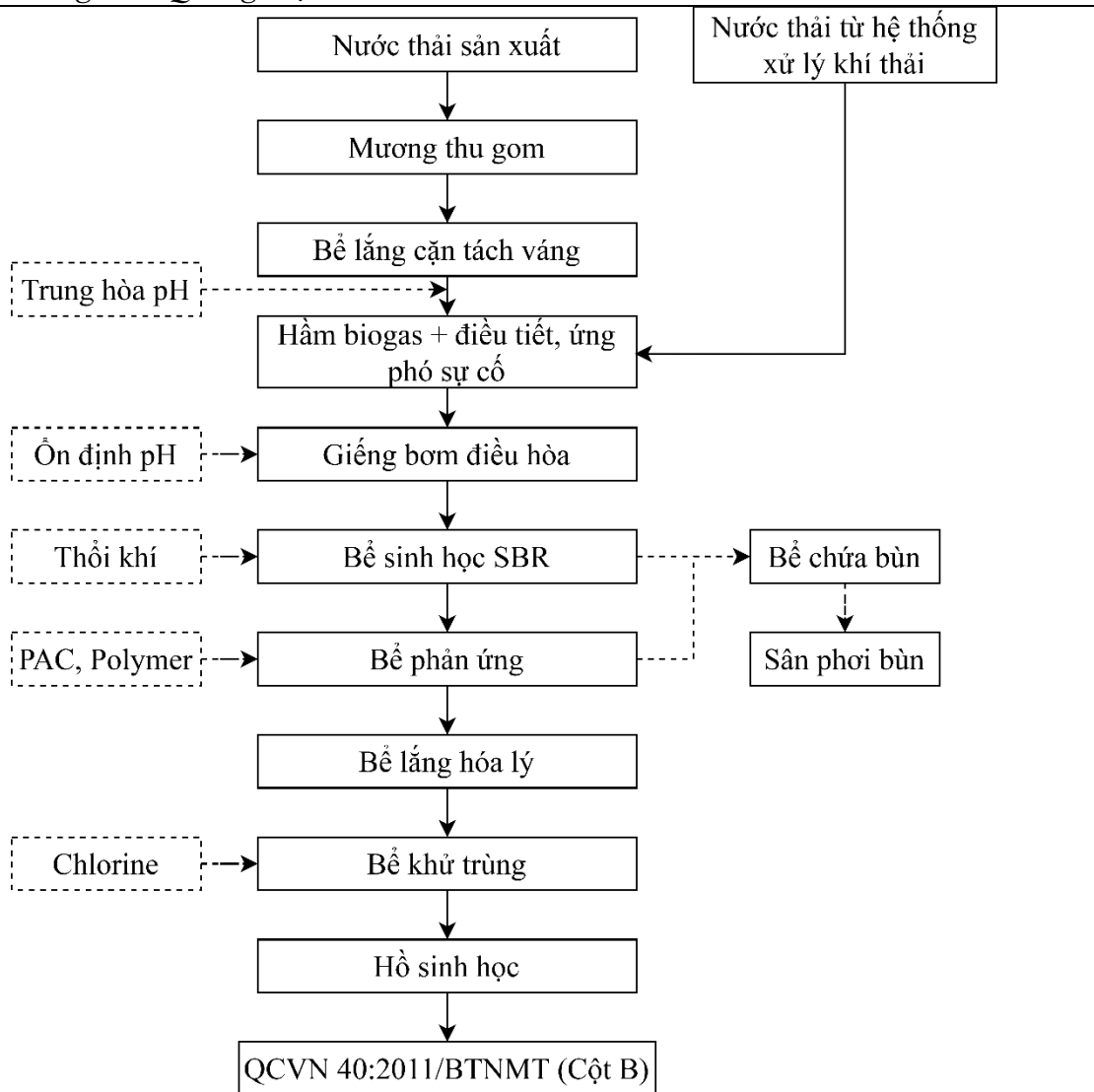
**b. Nước thải sản xuất**

Với lưu lượng nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất là 61,44 m<sup>3</sup>/ngày và lưu lượng nước thải phát sinh từ hoạt động xử lý khí thải là 2,72 m<sup>3</sup>/ngày. Tổng lượng nước thải cần xử lý là 65,96 m<sup>3</sup>/ngày.

Nước thải từ nhà máy chế biến cà phê quả tươi có nồng độ chất hữu cơ cao, tải lượng cặn lơ lửng lớn, độ pH thấp và hàm lượng chất dinh dưỡng cao, gây mùi khó chịu. Chủ cơ sở đã đầu tư vào hệ thống xử lý nước thải theo công nghệ SBR (Sequencing Batch Reactor) với công suất 120 m<sup>3</sup>/ng.đ, một phương pháp hiệu quả cho việc xử lý nước thải có nồng độ ô nhiễm cao.

Công nghệ SBR cho phép xử lý nước thải theo chu kỳ, giúp phân hủy các chất hữu cơ và giảm nồng độ nitơ, photpho. Điều này rất quan trọng trong việc cải thiện chất lượng nước thải trước khi thải ra môi trường. Hệ thống SBR hoạt động theo quy trình tuần hoàn với các bước: làm đầy, sục khí, lắng, rút nước và nghỉ. Quy trình này giúp tối ưu hóa việc xử lý và dễ dàng điều chỉnh theo lưu lượng và nồng độ ô nhiễm của nước thải.

Quy trình công nghệ xử lý nước thải của Cơ sở được thể hiện như sau:



**Hình 3. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải của Cơ sở**

**Thuyết minh quy trình:**

**(1) Mương thu gom nước thải**

Nước thải của cơ sở sau khi đưa về mương thu gom nước thải sẽ được tách rác (vỏ cà phê quả tươi) bằng các song chắn rác thô trước khi đưa về bể lắng cặn tách váng. Lượng rác thô sau tách sẽ được công nhân hàng ngày thu gom đổ đúng nơi quy định.

**(2) Bể lắng cặn tách váng**

Nước thải sau khi được tách rác thô sẽ còn một số ít cặn bẩn trôi theo dòng nước qua bể lắng cặn tách váng sẽ được tiếp tục tách rác tinh (vỏ cà phê vụn) còn sót lại bằng các giỏ lưới chắn rác tinh. Ngoài ra ở bể này có lắp các ống tự chảy lắng cặn tách váng nhằm lắng cát, đất bùn, cặn bã có tỷ trọng nặng và tách được tuyệt đối lượng cặn/bã vỏ cà phê còn sót lại có tỷ trọng nhẹ trôi theo dòng nước trước khi về các công trình xử lý phía sau, hạn chế tối đa khả năng gây ảnh hưởng đến đường ống và thiết bị hệ thống xử lý nước thải phía sau.

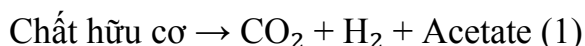
**(3) Hàm Biogas và điều tiết, ứng phó sự cố:**

Nước thải sau khi qua bể lắng cặn tách váng sẽ được đưa về Hầm Biogas lót, phủ kín bằng bạt HDPE bằng đường ống dẫn nước thải uPVC 200. Hầm biogas là nơi chứa đựng chất thải của bã vỏ cà phê sau khi tách vẫn còn chứa hàm lượng các chất ô nhiễm khá cao... Do đó, trong hầm biogas này xảy ra các hiện tượng phân hủy chất thải hữu cơ dưới tác động của các vi sinh vật trong môi trường hiếm khí sẽ bị phân huỷ thành các chất hoà tan và chất khí. Sản phẩm của quá trình phân huỷ bao gồm hỗn hợp khí CH<sub>4</sub>, CO<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>S, H<sub>2</sub>O... Cơ chế phân huỷ gồm các giai đoạn sau:

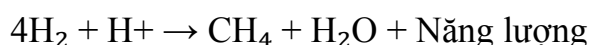
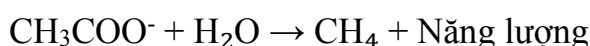
- Giai đoạn phân giải các chất hữu cơ (thủy phân): Rất nhiều chất thải hữu cơ chứa các polymer hữu cơ như protein, polysaccharide, chất béo, lignin... được phân huỷ bởi các enzyme ngoại bào của vi khuẩn, tạo ra những chất có phân tử lượng nhỏ hơn và có khả năng tan trong nước, những chất này được các vi khuẩn sinh axit hấp thụ.

- Giai đoạn axit: Sau khi các monomer được tạo thành từ quá trình phân giải chui được vào tế bào vi khuẩn, bắt đầu chuyển hóa thành axit. Các quá trình chuyển hóa này được thực hiện bởi các vi khuẩn Acetogenic và sản phẩm được tạo thành nhất là axit béo bay hơi. Các axit béo bay hơi sẽ chuyển hóa thành acetate và từ acetate sẽ chuyển hóa tiếp thành CO<sub>2</sub> và H<sub>2</sub>O. Ngoài acetate ra, trong tế bào vi khuẩn còn tích lũy CO<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>, etanol và methanol.

- Giai đoạn tạo thành khí CH<sub>4</sub>: Giai đoạn này được tạo thành bởi nhóm vi khuẩn Methanogens. Quá trình lên men qua hai con đường:



- Theo con đường (1), các loài vi khuẩn Acetoclastic sử dụng trực tiếp Acetate để tạo thành CH<sub>4</sub>.



Qua nhiều quá trình phản ứng, phần lớn các chất khí được chuyển hoá thành metan và khí cacbonic hay còn gọi là khí gas. Một phần nhỏ các nguyên tố khác như nitơ (N), phốt pho (P),... cũng bị thất thoát qua quá trình phân huỷ từ hầm biogas, với lượng khí này có thể được tái sử dụng cho việc đun nấu thức ăn sinh hoạt cho công nhân...

Ngoài ra, ở đây còn có một giếng thu (gồm 2 bơm chìm) và hệ đường ống thu bùn đáy hầm biogas để bơm tuần hoàn đảo trộn, phân phối lượng bùn sinh học hiếm khí về 4 góc hầm để tăng hiệu suất xử lý của hầm biogas và đồng thời khi lượng bùn hiếm khí của hầm biogas dư thì sẽ được bơm về ngăn tiếp nhận để tiến hành đưa vào ép chung với máy tách phân.

Thời gian lưu ở hầm Biogas là 768h (dung tích hữu dụng: ~ 5.000 m<sup>3</sup>) ~ 60 ngày.

Tại giếng thu bùn có lắp đặt 02 bơm chìm chạy luân phiên (theo Timer cài đặt sẵn) và có phao điện ngắt tự động khi giếng cạn nước.

#### **(4) Giếng bơm điều hòa:**

Sau khi nước thải qua hầm biogas (hoặc được bơm từ hồ điều tiết và ứng phó sự cố) sẽ được đưa qua giếng bơm điều hòa. Tại giếng này sẽ tập trung nguồn nước thải của cơ sở thành một nguồn duy nhất sau khi xử lý sơ bộ qua các công trình phía trước. Do tính chất nguồn phát sinh của nước thải thay đổi theo từng thời điểm hoạt động nên giếng này còn có chức năng điều hòa ổn định lưu lượng, nồng độ ô nhiễm, dòng chảy và điều chỉnh pH (*bằng cách châm hoá chất bazơ thông bộ venturi hút hoá chất từ bồn chứa hoá chất*) nhằm tránh sốc tải trọng xử lý vi sinh của hệ thống phía sau.

Thời gian lưu nước của giếng này có thể dao động từ 1h - 2h.

Tại giếng này có lắp đặt 02 bơm chìm chạy cùng lúc (theo Timer cài đặt sẵn) để bơm nước thải qua bể sinh học công nghệ SBR và 01 bồn chứa hoá chất có tích hợp bộ venturi hút định lượng hoá chất điều chỉnh pH.

#### **(5) Bể sinh học SBR - Sequencing Batch Reactor:**

##### **a. Nguyên tắc hoạt động của SBR**

Công nghệ SBR là một dạng cải tiến của bể bùn hoạt tính, khác với các công trình bể bùn hoạt tính khác, SBR kết hợp cả các giai đoạn và quá trình xử lý trong một bể trong khi đó các công trình kia thì sử dụng nhiều bể. Chu kỳ vận hành của bể SBR gồm có 5 pha cơ bản: pha làm đầy - pha phản ứng - pha lắng - pha xả nước - pha chờ (có thể bỏ qua pha này).

- **Pha làm đầy:** Trong pha này, nước thải sẽ được nạp đầy bể, nước thải vào sẽ mang theo một hàm lượng thức ăn cho các vi khuẩn trong bùn hoạt tính, tạo ra một môi trường cho phản ứng sinh hóa xảy ra. Đưa nước thải vào bể có thể vận hành ở 3 chế độ: làm đầy tĩnh, làm đầy khuấy trộn, làm đầy sục khí.

+ Làm đầy tĩnh: Nước thải đưa vào bể ở trạng thái tĩnh, nghĩa là không cung cấp thiết bị khuấy trộn và sục khí. Trạng thái này thường áp dụng trong công trình không cần quá trình nitrat hóa và quá trình phản nitrat và những công trình lưu lượng nước thải thấp để tiết kiệm năng lượng, chi phí vận hành, bảo dưỡng...

+ Làm đầy có khuấy trộn thì giúp điều hòa nồng độ, ổn định thành phần nước thải, đồng thời xảy ra các quá trình oxy hóa cơ chất trong điều kiện hiếu khí và thiếu khí, tăng hiệu quả xử lý nitơ trong nước thải.

+ Làm đầy có thổi khí nhằm duy trì vùng hiếu khí trong bể. Tạo điều kiện cho vi sinh vật sinh trưởng và phát triển mạnh mẽ, trong bể xảy ra quá trình oxy hóa các hợp chất hữu cơ, loại bỏ một phần COD/BOD trong nước thải. Tạo điều kiện cho quá trình nitrat hóa xảy ra.

- **Pha phản ứng:** Sau khi cho nước vào bể, hệ thống bơm nước thải vào sẽ ngừng hoạt động, thay vào đó hệ thống sục khí sẽ được khởi động để tiến hành quá trình nitrit hóa, nitrat hóa và phân giải các hợp chất hữu cơ. Do trong pha này, không có nước thải vào trong bể vì vậy thể tích nước thải và tải trọng hữu cơ không được bổ sung, quá trình sục khí được duy trì, các vi sinh vật hiếu khí sẽ oxy hóa các hợp chất hữu cơ để sinh trưởng và phát triển. Vì vậy các hợp chất hữu cơ sẽ được loại bỏ.

Trong pha này còn xảy ra quá trình nitrat hóa, ammoniac có trong nước thải sẽ được chuyển hóa thành nitrit và nitrat.

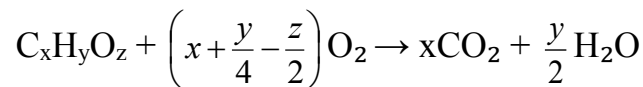
- **Pha lắng:** các thiết bị sục khí ngừng hoạt động, quá trình lắng diễn ra trong môi trường tĩnh hoàn toàn, thời gian lắng thường nhỏ hơn 2 giờ. Trong pha này, các bông bùn đã được hình thành sẽ được lắng xuống đáy bể, đồng thời xảy ra quá trình phản nitrat, nitrat và nitrit được tạo ra ở pha trên sẽ bị khử thành nitơ.

- **Pha xả nước:** nước đã lắng sẽ được hệ thống thu nước tháo ra đến công trình tiếp theo, đồng thời trong quá trình này bùn cũng được tháo ra.

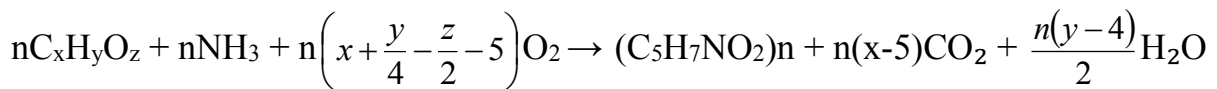
- **Pha chờ:** thời gian chờ nạp mẻ tiếp theo (có thể bỏ qua pha này).

#### **b. Quá trình xử lý trong pha hiếu khí:**

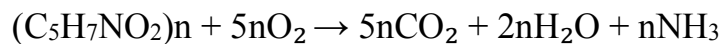
- **Cơ chế của quá trình khử BOD:**



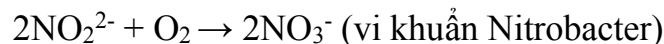
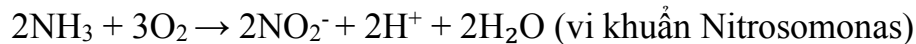
- **Tổng hợp sinh khối tế bào:**



- **Tự oxy hóa vật liệu tế bào (phân hủy nội bào):**



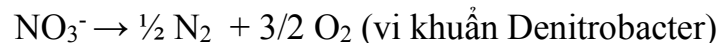
- **Quá trình nitrit hóa:**



Sau khoảng thời gian chạy xác định, máy thổi khí ngừng hoạt động, quá trình lắng diễn ra trong môi trường tĩnh hoàn toàn, thời gian lắng thường nhỏ hơn 2 giờ. Các bông bùn đã được hình thành sẽ được lắng xuống đáy bể, đồng thời xảy ra quá trình phản ứng nitrat, nitrat và nitrit được tạo ra ở pha trên sẽ bị khử thành nitơ.

- **Quá trình xử lý trong pha thiếu khí (ngưng cấp khí):**

Khi ngưng cấp khí cho ngăn SBR thì vi sinh vật diễn ra quá trình thiếu khí sẽ khử Nitrat vừa được tạo ra từ quá trình Nitrat hóa trong pha xử lý hiếu khí.



**c. Thời gian lưu nước:** 6 - 8 - 12 h/mẻ (tùy theo lưu lượng nước và số lượng chu kỳ hoạt động mẻ/ngày).

**d. Thiết bị:** tại bể này có lắp đặt các thiết bị chính, gồm: Phao điện để ngắt mạch chống tràn cho 02 bơm điều hòa; 02 Máy thổi khí (chạy luân phiên và dừng hoạt động theo chế độ Timer) để cấp dưỡng khí cho vi sinh thông qua 64 đĩa phân phối khí bọt mịn; 02 Máy bơm chìm (chạy theo chế độ Timer) để tháo nước sạch sau xử lý của pha lắng và có phao điện ngắt tự động khi nước trong bể cạn đến mức bùn an toàn ~ 1/2 thể tích bể này; 01 Máy bơm chìm (chạy theo chế độ Timer) và 01 phít

khí (chạy theo máy thổi khí) để tuần hoàn bùn vi sinh từ điểm cuối bể về điểm đầu bể.

### **(6) Bể phản ứng hoá lý:**

Nước thải sau khi được xử lý tại bể sinh học SBR được bơm qua mương phản ứng hoá lý bậc 2. Tại bể này, nước thải được lần lượt cho phản ứng với hóa chất PAC keo tụ và hóa chất Polymer trợ keo tụ tạo bông với nồng độ và liều lượng thích hợp, nhằm làm mất tính ổn định của các hạt keo trong nước thải. Sau đó, chúng sẽ kết cụm lại và hình thành các bông cặn lớn. Việc hình thành các bông cặn lớn sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình lắng tại bể lắng hoá lý phía sau để thực hiện việc tách các bông cặn khỏi nước thải tại bể lắng được thực hiện thông qua sự khác nhau về tỉ trọng.

Quá trình keo tụ tạo bông: Khi chất keo tụ cho vào nước và nước thải, các hạt keo trong nước bị mất tính ổn định, tương tác với nhau, kết cụm lại hình thành các bông cặn lớn, dễ lắng. Quá trình mất tính ổn định của hạt keo là quá trình lý hóa phức tạp, có thể giải thích dựa trên các cơ chế sau:

- Giảm điện thế Zeta tới giá trị mà tại đó dưới tác dụng của lực hấp dẫn Vander Waals cùng với năng lượng khuấy trộn cung cấp thêm, các hạt keo trung hòa điện kết cụm và tạo thành bông cặn.

- Các hạt kết cụm do sự hình thành cầu nối giữa các nhóm hoạt tính trên hạt keo.

- Các bông cặn hình thành khi lắng xuống sẽ bắt giữ các hạt keo trên quỹ đạo lắng xuống.

Bể phản ứng này giúp loại bỏ phần lớn chất rắn lơ lửng (TSS), BOD<sub>5</sub>, COD, một phần chất dinh dưỡng (Ni-tơ và Phốt-pho), kim loại nặng và vi sinh vật, xử lý được các chất ô nhiễm dạng keo kích thước nhỏ... Công nghệ xử lý hoá lý bậc 2 này thường được áp dụng sau khi xử lý công nghệ sinh học rất hiệu quả để khử màu, giảm hàm lượng cặn lơ lửng, một số kim loại nặng cũng như một phần chất ô nhiễm hữu cơ còn sót lại trong nước thải chăn nuôi...

Tại bể này có lắp đặt 01 Máy thổi khí nhỏ để khuấy trộn cho hệ hoá chất keo tụ, tạo bông (bao gồm cả hoá chất tăng cường ứng phó sự cố) và khuấy trộn dòng nước phản ứng hoá chất trong mương. Ngoài ra hoá chất keo tụ tạo bông được châm trên các đường ống bơm SBR thông qua 02 bồn chứa hoá chất có tích hợp bộ bơm hút định lượng hoá chất.

### **(7) Bể lắng hoá lý:**

Nước thải sau khi phản ứng hóa chất keo tụ - tạo bông tại mương phản ứng bậc 2 sẽ được dẫn về bể lắng hoá lý thông qua 02 ống trợ lắng trung tâm. Ở đây lượng bông bùn hoá lý sẽ được lắng xuống phần dưới đáy theo nguyên lý lắng trọng lực nhằm tách riêng phần nước và phần bùn ra khỏi nhau.

Nước thải sau khi tách lắng sẽ được chảy tràn qua mặt nhờ hệ thống máng răng cưa chắn bùn trước khi chảy tràn đưa về hố ga lấy mẫu đầu ra. Phần bùn hoá lý lắng ở dưới đáy bể được thu gom và bơm đưa về sân phơi bùn nhằm để phơi khô, giảm tỷ

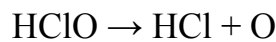
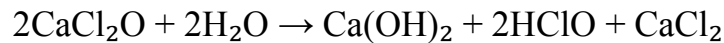
trọng lượng bùn này trước khi đưa đi xử lý chất thải rắn theo quy định.

Tại bể này có lắp đặt 02 bơm nén khí Air-lift hút bùn hoá lý để về bể chứa bùn hoặc sân phơi bùn...

### **(8) Bể khử trùng:**

Sau khi được qua quá trình phản ứng keo tụ/tạo bông và lắng bùn tại bể lắng hoá lý sẽ được châm clo viên tự tan khử trùng vào đường ống dẫn sau bể lắng nhằm tiêu diệt vi khuẩn gây hại trong nước thải đã xử lý trước khi vào hố ga lấy mẫu.

Chất khử trùng chứa Clo viên tự tan sẽ tác dụng với nước thải theo các phương trình phản ứng như sau:



Oxi nguyên tử được tạo thành từ phản ứng trên sẽ tác động vào vi sinh vật theo con đường oxi hóa và tiêu diệt vi sinh vật, vi khuẩn gây hại trong nước thải.

Nước sau khi được khử trùng sẽ đưa về hố ga xả thải. Tại đây sẽ chứa nước thải ở cuối công đoạn xử lý nước thải chính và cũng là nơi để thực hiện các công tác lấy mẫu quan trắc định kỳ nhằm đảm bảo nước thải sau khi qua bể khử trùng sẽ đạt cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

### **(9) Bể chứa bùn và sân phơi bùn:**

Sau khoảng thời gian hoạt động thì lượng bùn vi sinh trong bể SBR sẽ dư chiếm khoảng trên  $\geq 30\%$  ống đong bùn (lượng bùn vi sinh ổn định, đảm bảo xử lý nước thải đạt Quy chuẩn thường chiếm khoảng từ 15% - đến 30% ống đong) hoặc bùn vi sinh chết thì sẽ được bơm về bể chứa bùn hoặc sân phơi bùn và sau khi bùn được tách nước sẽ được định kỳ hút đem xử lý theo quy định. Nước sau khi tách bùn sẽ tuần hoàn trở lại bể lắng cặn tách váng để tiếp tục xử lý.

### **(10) Hồ sinh học:**

Nước thải sau khi qua Bể khử trùng (đã đạt chuẩn về vi sinh và các chỉ tiêu hóa lý cơ bản) sẽ được dẫn tự chảy vào Hồ sinh học.

Dưới tác động của ánh sáng mặt trời và hệ vi sinh vật tự nhiên (tảo, vi khuẩn hiếu khí) trong hồ, các thành phần hữu cơ còn sót lại và vi sinh vật gây hại sẽ tiếp tục được phân hủy và tiêu diệt. Quá trình này giúp ổn định chất lượng nước, giảm thiểu rủi ro sốc tải trọng ra môi trường. Vào mùa, hồ đóng vai trò là bể chứa nước dung tích lớn. Cơ sở sẽ đặt bơm tại đây để tận dụng nguồn nước này tưới cho cây và thảm thực vật trong khuôn viên, thực hiện mô hình kinh tế tuần hoàn, không xả thải ra môi trường vào mùa khô. Vào mùa mưa, khi mực nước trong hồ dâng cao đến ngưỡng thiết kế (do nước thải liên tục chảy vào cộng với lượng nước mưa rơi trực tiếp xuống mặt hồ), nước sẽ tự chảy tràn qua đường ống xả của hồ. Nước từ hồ thoát ra suối tự nhiên nằm giáp ranh giới phía Đông Nam của Cơ sở.

Trong trường hợp hệ thống xử lý chính gặp sự cố, hồ sinh học với dung tích

lớn sẽ đóng vai trò là vùng đệm, lưu giữ nước thải để có thời gian khắc phục trước khi nước thoát ra khe suối, ngăn ngừa ô nhiễm trực tiếp.

Hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở đã được đầu tư xây dựng với công suất xử lý là 120m<sup>3</sup>/ng.đ, tương đương 5m<sup>3</sup>/h. Thông số kỹ thuật của các hạng mục như sau:

**Bảng 9. Thông số kỹ thuật các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải**

TT	Hạng mục	Thể tích (m <sup>3</sup> )	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Chiều cao (m)
1	Hầm biogas	5.781,00	40,0	40,0	4,0
2	Giếng bơm điều hoà	2,36	1,0		3,0
3	Bể SBR	70,00	3,5	4,4	4,5
4	Bể lắng hoá lý	60,84	3,9	3,9	4,0
5	Bể khử trùng	4,78	1,1	2,9	1,5
6	Bể chứa bùn	57,72	7,8	3,7	2,0
7	Sân phơi bùn (3 sân)	30,00	6,0	5,0	1,0
8	Hồ sinh học	650,00			

Nước thải sản xuất của Cơ sở sau khi xử lý đạt Cột B của QCVN 40:2011/BTNMT ( $K_q = 0,6$ ,  $K_f = 1,1$ ) sẽ đổ ra hồ sinh học nằm trong khuôn viên Cơ sở để tận dụng tưới cây vào mùa khô và vào mùa mưa sẽ thoát ra suối tự nhiên nằm về phía Đông Nam Cơ sở.

Để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải đã được đầu tư của Cơ sở, Chủ cơ sở đã phối hợp với Trung tâm Quan trắc Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị lấy mẫu nước thải đầu vào và đầu ra tại hệ thống, kết quả tại Bảng 14 cho thấy, hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở hoạt động rất hiệu quả và ổn định. Tất cả 12/12 thông số ô nhiễm đều được xử lý đạt quy chuẩn cho phép. Đặc biệt, các chỉ tiêu ô nhiễm đặc trưng của nước thải cà phê (COD, BOD, Độ màu, TSS) đều có hiệu suất xử lý rất cao (từ 85% đến 99%).

## **2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải**

### **2.1. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ phương tiện giao thông**

- Đảm bảo các phương tiện được bảo dưỡng thường xuyên để động cơ hoạt động hiệu quả, giảm thiểu khí thải độc hại. Các phương tiện vận tải khi lưu thông phải có giấy chứng nhận Kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

- Tài xế được yêu cầu phải chấp hành nghiêm chỉnh Luật giao thông đường bộ và các quy định khác về an toàn giao thông.

- Lên lịch bốc dỡ hàng hợp lý để tránh tình trạng ùn tắc, giúp các phương tiện không phải dừng đỗ lâu, giảm thiểu thời gian động cơ hoạt động không cần thiết.

- Xây dựng đường nội bộ thông thoáng, sạch sẽ, tránh bụi bẩn. Bố trí khu vực đỗ xe và bốc dỡ hàng hợp lý, giảm thiểu quãng đường di chuyển của phương tiện trong khuôn viên nhà máy. Thường xuyên quét dọn, vệ sinh khu vực bốc dỡ hàng.

### **2.2. Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong quá trình sản xuất**

***Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở: Nhà máy chế biến cà phê quả tươi tại thôn Cọp, xã Hướng Phùng, tỉnh Quảng Trị***

---

- Loại bỏ các tạp chất trong cà phê quả tươi trước khi chế biến để giảm bụi và khí thải từ tạp chất cháy.

- Quét dọn, lau chùi máy móc và khu vực làm việc thường xuyên để loại bỏ bụi bẩn.

- Bố trí hệ thống thông gió đặt dọc theo mái nhà hoặc vách tường để dẫn gió vào và ra khỏi nhà xưởng.

- Trang bị bảo hộ lao động gồm các thiết bị bảo vệ cá nhân cho người lao động (mũ bảo hộ, khẩu trang, găng tay, giày ủng,...) để giảm thiểu nguy cơ tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

- Trồng cây xanh giúp cải thiện môi trường xung quanh nhà xưởng, tạo cảnh quan xanh mát. Diện tích khuôn viên cây xanh là 6.853 m<sup>2</sup>, chiếm tới 47,68% tổng diện tích Cơ sở. Cây xanh không chỉ nằm tập trung ở một góc mà được bố trí bao quanh toàn bộ ranh giới và các khu vực đất trống, tạo thành một vành đai xanh tự nhiên trong khuôn viên Cơ sở.

### **2.3. Biện pháp xử lý bụi, khí thải của lò đốt cấp nhiệt**

- Để phục vụ công đoạn sấy khô cà phê bằng lò sấy trống quay, Cơ sở sử dụng hệ thống lò đốt cấp nhiệt (04 lò). Trong đó:

+ Hệ thống sấy tĩnh (Sấy sàn): Sử dụng 04 sàn sấy. Nhiệt lượng được cung cấp từ 02 lò đốt than. Quạt hút công suất lớn sẽ hút hơi nóng trực tiếp từ lò đốt và thổi vào buồng khí dưới sàn, hơi nóng đi xuyên qua lớp hạt cà phê để làm khô. Đặc điểm phát thải: Khí thải và hơi ẩm sau khi đi qua lớp cà phê sẽ phát tán ra môi trường không khí xung quanh qua bề mặt thoáng của sàn sấy (nguồn phân tán, không thu gom thành dòng tập trung).

+ Hệ thống sấy trống quay: Sử dụng 04 máy sấy trống quay để sấy hoàn thiện. Hệ thống này được cấp nhiệt bởi 02 lò đốt riêng biệt. Đặc điểm phát thải: Khí thải từ các lò đốt này được dẫn trong đường ống kín đi qua trống sấy, sau đó được quạt hút thu gom về hệ thống xử lý khí thải tập trung trước khi xả ra môi trường qua ống khói.

- Nhiên liệu sử dụng: Than đá, củi và trấu. Quá trình đốt cháy các loại nhiên liệu rắn này sẽ phát sinh lượng khí thải lớn chứa các chất ô nhiễm đặc trưng bao gồm: Bụi (bụi thô và bụi mịn), khí SO<sub>2</sub>, CO và NO<sub>2</sub>. Nếu không xử lý, nồng độ các chất này sẽ vượt quá quy chuẩn cho phép, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường không khí xung quanh và sức khỏe con người.

#### **2.3.1. Đối với bụi, khí thải từ hệ thống sấy tĩnh (02 lò đốt than - Nguồn phân tán):**

Do đặc điểm công nghệ là sấy vỉ ngang, quạt thổi hơi nóng trực tiếp qua sàn nên khí thải phân tán trên diện rộng, không thể lắp đặt chụp hút hay đường ống thu gom. Cơ sở áp dụng các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tại nguồn và phát tán:

- Sử dụng nhiên liệu tốt: Sử dụng than đá có nhiệt trị cao, ít lưu huỳnh, kết hợp củi khô để hạn chế tối đa lượng khói bụi và khí độc phát sinh từ quá trình cháy.

- Vận hành lò đốt đúng kỹ thuật: Đảm bảo cung cấp đủ oxy cho quá trình cháy

để hạn chế sinh ra khí CO và muội than.

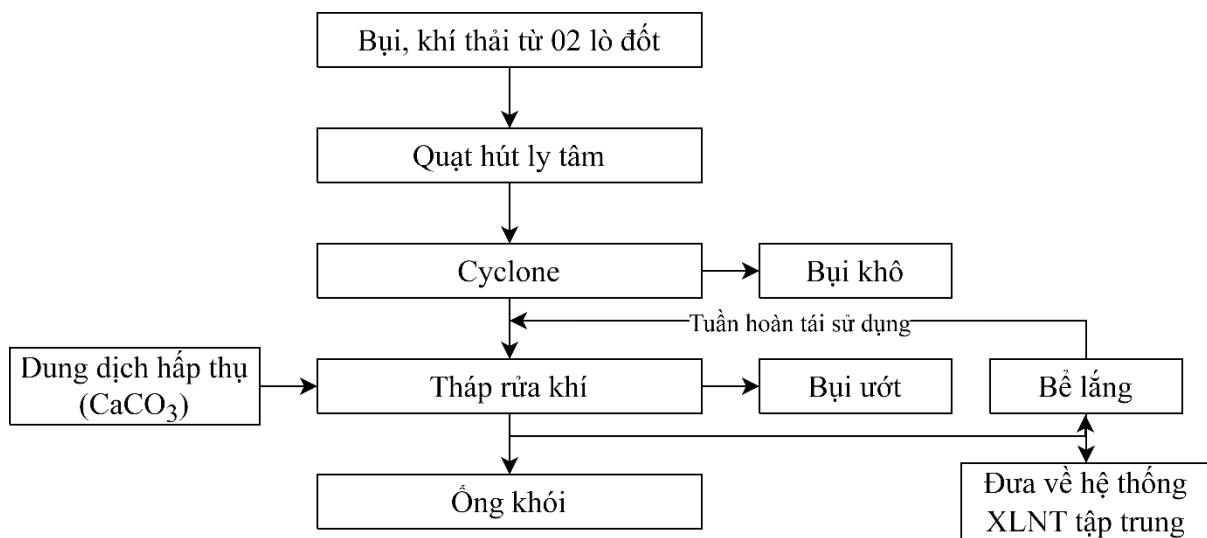
- Thông gió nhà xưởng: Thiết kế nhà xưởng cao, thoáng, có cửa chớp thông gió tự nhiên và quạt thông gió công nghiệp để luân chuyển không khí, tránh tích tụ khí thải cục bộ gây ngạt cho người lao động.

- Bảo vệ người lao động: Trang bị đầy đủ khẩu trang lọc bụi/khí độc chuyên dụng cho công nhân làm việc tại khu vực lò sấy.

### 2.3.2. Đối với bụi, khí thải từ hệ thống sấy trồng quay (02 lò đốt - Nguồn điểm):

Cơ sở đã đầu tư lắp đặt hệ thống xử lý khí thải dựa trên nguyên lý kết hợp giữa Lọc bụi ly tâm (Cyclone) và Hấp thụ ướt (Tháp rửa khí). Đây là công nghệ phù hợp để xử lý triệt để cả bụi và các khí độc hại từ quá trình đốt nhiên liệu rắn.

Quy trình xử lý đi theo các bước sau:



**Hình 4. Sơ đồ quy trình xử lý bụi, khí thải của Cơ sở**

#### Thuyết minh biện pháp xử lý:

Hệ thống hoạt động dựa trên nguyên lý kết hợp giữa lọc bụi ly tâm (Cyclone) và hấp thụ ướt (Tháp rửa), cụ thể như sau:

- Bước 1: Thu gom khí thải: Khí thải và bụi phát sinh từ quá trình đốt tại 2 lò đốt của nhà máy được thu gom bằng hệ thống chụp hút và đường ống dẫn. Lực hút được tạo ra bởi Quạt hút ly tâm (Công suất 7,5 kW).

- Bước 2: Xử lý bụi thô (Tại Cyclone): Dòng khí chứa bụi đi vào thiết bị Cyclone theo phương tiếp tuyến. Dưới tác dụng của lực ly tâm, các hạt bụi có trọng lượng lớn sẽ va đập vào thành thiết bị, mất động năng và rơi xuống đáy Cyclone để thu hồi (Bụi khô). Dòng khí sạch bụi thô sẽ đi ngược lên trên để sang giai đoạn tiếp theo.

- Bước 3: Xử lý bụi tinh và khí độc (Tại Tháp rửa khí): Dòng khí tiếp tục đi vào tháp rửa khí (Tháp hấp thụ). Tại đây, dung dịch nước/hóa chất được Bơm tuần hoàn hút từ bể chứa và phun qua giàn béc phun từ trên xuống (ngược chiều dòng khí đi lên).

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở: Nhà máy chế biến cà phê quả tươi tại thôn Cọp, xã Hướng Phùng, tỉnh Quảng Trị**

+ Lớp đệm/Sàn thao tác bên trong tháp giúp tăng diện tích tiếp xúc giữa khí và lỏng.

+ Nước phun sẽ dập tắt các hạt bụi mịn còn sót lại và hấp thụ các khí độc hại.

+ Bụi ướt lắng xuống đáy tháp và đi ra bể lắng để tuần hoàn tái sử dụng, định kỳ xả thải về hệ thống xử lý nước thải (01 lần/ngày).

- Bước 4: Xả thải: Dòng khí sau khi qua tháp rửa đã được làm sạch, đi qua lớp tách ẩm (để loại bỏ hơi nước) và thoát ra ngoài môi trường qua ống khói. Chất lượng khí thải đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B).

**Bảng 10. Danh mục máy móc thiết bị đã lắp đặt**

TT	Tên thiết bị / Hạng mục	Thông số kỹ thuật chi tiết	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ / Ghi chú
1	<b>HỆ THỐNG HÚT BỤI CYCLONE</b>	- Kích thước DxH: 750 x 2500 mm - Vật liệu: Thép SS400, dày 3mm - Giá đỡ hệ thống gia công tại VN	Hệ thống	01	Gia công tại Việt Nam
2	<b>THÁP RỬA KHÍ</b>	- Kích thước DxH: 1000 x 2500 mm - Vật liệu: Thép SS400, dày 3mm - Giàn béc phun, ngăn chứa nước tuần hoàn	Hệ thống	01	Gia công tại Việt Nam
3	<b>BƠM NƯỚC (Bơm tuần hoàn)</b>	- Model: SWO-60T - Công suất: 0,37 kW; Điện áp: 3P/380/50Hz - Lưu lượng: 3.6 m <sup>3</sup> /h; Cột áp: 9m - Hãng sản xuất: APP	Bộ	01	Đài Loan
4	<b>QUẠT HÚT LÝ TÂM</b>	- Model: CPL-8-5.5D - Công suất: 7,5 kW; Điện áp: 3P/380/50Hz - Lưu lượng: 7600 - 9300 m <sup>3</sup> /h - Áp suất: 2300 - 2000 Pa - Động cơ: Elektrim (Singapore) - Giảm chấn cao su, mái che động cơ	Cái	01	Hãng SX: Phương Linh (Việt Nam)
5	<b>TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN</b>	- Bao gồm dây điện thứ cấp đầu nối nguồn bơm, quạt. - Chủ đầu tư cấp dây điện nguồn đến vị trí tủ điện.	Hệ thống	01	Việt Nam

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở: Nhà máy chế biến cà phê quả tươi tại thôn Cọp, xã Hướng Phùng, tỉnh Quảng Trị**

TT	Tên thiết bị / Hạng mục	Thông số kỹ thuật chi tiết	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ / Ghi chú
6	<b>HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG VÀ PHỤ KIỆN</b>	- Kích thước: D300 - Vật liệu: Thép SS400 dày 2mm - Bao gồm mặt bích, tăng đơ, cáp, phụ kiện lắp đặt.	Hệ thống	01	Gia công tại Việt Nam
7	<b>ỐNG KHÓI</b>	- Đường kính: D300 - Chiều cao: 10m - Vật liệu: Thép SS400, độ dày 3mm	Hệ thống	01	Gia công tại Việt Nam

Với hệ thống này, Cơ sở cam kết kiểm soát toàn bộ lượng bụi và khí độc phát sinh từ lò sấy, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường không khí khu vực xung quanh nhà máy.

### 3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

#### 3.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt

- Nguồn phát sinh: Phát sinh từ quá trình sinh hoạt của 15 CNV.

- Thành phần chủ yếu là thực phẩm (vỏ rau, củ quả,...), thức ăn dư thừa, túi nilon, chai lọ, giấy lau... với khối lượng khoảng 7,5 kg/ngày.

Lượng CTR sinh hoạt này được thu gom, phân loại, lưu trữ vào các thùng rác bố trí tại Nhà làm việc, Nhà xưởng. Định kỳ vận chuyển ra bãi rác tập trung của xã Hướng Phùng để xử lý.

#### 3.2. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường

Ước tính khối lượng phát sinh chất thải rắn sản xuất của Cơ sở dựa trên thực tế trong quá trình hoạt động như sau:

**Bảng 11. Khối lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh**

TT	Loại chất thải	Khối lượng	Định mức phát sinh	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Vỏ quả cà phê	2.500 tấn/năm	30%	750
2	Bã cà phê sau lên men		15%	375
3	Tạp chất, bụi, cặn bã		5%	125
4	Bùn cặn từ hệ thống xử lý khí thải			24,3
-	Bùn khô (từ Cyclone)	90 ngày	80 kg/ngày	7,2
-	Bùn ướt (từ tháp hấp thụ)	90 ngày	90 kg/ngày	17,1
	<b>Tổng cộng</b>			<b>1.274</b>

Biện pháp xử lý của các loại chất thải phát sinh được Cơ sở thực hiện như sau:

- Đối với CTR từ hệ thống xử lý khí thải: Trong quá trình xử lý nước sẽ được bổ sung thường xuyên để đảm bảo hệ thống được vận hành liên tục. Đối bụi lắng và canxi sunfat CaSO<sub>4</sub> (thạch cao) từ quá trình xử lý khí thải, sẽ được thu hồi tại bể lắng

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở: Nhà máy chế biến cà phê quả tươi tại thôn Cọp, xã Hướng Phùng, tỉnh Quảng Trị**

và xử lý với chất thải rắn thông thường của Nhà máy.

- Đối với vỏ quả cà phê: Vỏ quả cà phê giàu chất hữu cơ, có thể ủ phân bằng phương pháp hiếu khí hoặc kỵ khí để tạo phân bón vi sinh. Định kỳ hàng ngày, Chủ cơ sở thu gom và bán cho các cơ sở có nhu cầu thu mua để sản xuất phân bón hữu cơ.

- Đối với bã cà phê sau lên men: Bã cà phê sau khi chế biến có thể trộn với các phụ gia khác làm thức ăn cho gia súc, gia cầm. Định kỳ hàng ngày, Chủ cơ sở thu gom và bán cho các hộ chăn nuôi trong vùng để làm thức ăn chăn nuôi.

- Đối với các tạp chất không thể tái chế, Chủ cơ sở thu gom và vận chuyển đến bãi rác tập trung của xã Hướng Phùng để xử lý.

#### **4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại**

Qua quá trình điều tra, khảo sát thực tế cho thấy khối lượng CTNH của Cơ sở phát sinh như sau:

**Bảng 12. Khối lượng CTNH phát sinh thường xuyên của Cơ sở**

TT	Danh mục chất thải	Mã CTNH	Trạng thái	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	2
2	Ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	30
3	Pin thải	19 06 02	Rắn	1
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải, bóng đèn led thải	16 01 13	Rắn	2
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	10
6	Chất hấp thụ, giẻ lau chứa các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	15
7	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	5
8	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	15 01 02	Rắn	5
9	Thủy tinh thải nhiễm các thành phần nguy hại	11 02 01	Rắn	1
	<b>Tổng cộng</b>			<b>71</b>

CTNH đã được thu gom tập trung vào các thùng phuy loại 120L, có nắp đậy và tại các thùng chứa CTNH được dán nhãn để nhân viên thu gom biết phân loại chất thải, sau đó lưu vào khu vực kho. Chủ cơ sở đã hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh để đưa đi xử lý theo đúng quy định (*Giấy phép xử lý CTNH mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.089.VX*).

#### **5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

Để giảm thiểu tác động của tiếng ồn và độ rung trong quá trình hoạt động của Cơ sở, Chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp như sau:

- Phân chia các khu vực sản xuất gây tiếng ồn lớn ra xa khỏi khu vực lưu trú của công nhân hoặc khu vực văn phòng.

- Bảo dưỡng máy móc thường xuyên để đảm bảo không có linh kiện lỏng lẻo hoặc bị hỏng, gây tiếng ồn không cần thiết.

- Trang bị cho công nhân tai nghe chống ồn để bảo vệ sức khỏe thính giác đối với công nhân trực tiếp vận hành hệ thống.

- Sử dụng các đế chống rung (vật liệu cao su) cho các máy móc lớn. Kiểm tra và cân chỉnh động cơ và các bộ phận quay để đảm bảo vận hành ổn định, giảm rung lắc.

## **6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

### **6.1. Biện pháp quản lý, phòng ngừa sự cố cháy nổ**

Để quản lý, phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ tại Cơ sở, Chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp như sau:

- Thành lập đội PCCC tại chỗ, xây dựng nội quy về PCCC, trang bị các thiết bị PCCC.

- Hệ thống lưới điện được đấu nối đồng nhất và an toàn về điện để tránh hiện tượng quá tải sinh ra cháy nổ.

- Sử dụng hệ thống cáp điện, đường dây bằng vật liệu chống cháy.

- Đối với hầm biogas, lớp phủ của hầm biogas được làm bằng bạt HDPE dày 1mm (lớn hơn lớp lót đáy) chịu được áp lực rất tốt nhằm phòng ngừa khả năng nổ hầm biogas. Đồng thời lắp đặt các bảng, biển báo cấm lửa trong khu vực này.

- Phối hợp với Công an PCCC để tổ chức tập huấn PCCC định kỳ hàng năm cho toàn bộ CBCNV tại Cơ sở.

- Khi sự cố cháy nổ xảy ra, Chủ cơ sở thông báo kịp thời cho toàn bộ CBCNV làm việc tại Cơ sở biết, sử dụng các phương tiện chữa cháy đã được trang bị kịp thời dập tắt hoặc hạn chế đến mức thấp nhất đám cháy, liên lạc với phòng cảnh sát PCCC và y tế để ứng cứu tại chỗ và di dời công nhân ra khỏi vùng nguy hiểm.

### **6.2. Đối với sự cố tai nạn lao động**

Để phòng ngừa và giảm thiểu sự cố do tai nạn lao động có thể xảy ra đối với CBCNV làm việc tại Cơ sở, một số biện pháp sau sẽ được thực hiện như sau:

- Tổ chức tập huấn an toàn lao động cho toàn bộ công nhân sau khi được tuyển dụng để có những phương án kịp thời ứng cứu nạn nhân khi có sự cố xảy ra;

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho CBCNV như khẩu trang, găng tay, mũ, giày...vv đồng thời giám sát, nhắc nhở công nhân phải mang theo bảo hộ lao động khi làm việc;

- Khi xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông, CBCNV đã được tập huấn cần phải sơ cứu kịp thời cho nạn nhân sau đó liên lạc với bộ phận y tế để chuyển tới bệnh viện cấp cứu.

### **6.3. Đối với sự cố về hệ thống xử lý nước thải**

- Thực hiện bảo trì thường xuyên cho cả hệ thống SBR và hầm biogas. Kiểm

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở: Nhà máy chế biến cà phê quả tươi tại thôn Cọp, xã Hướng Phùng, tỉnh Quảng Trị**

tra các thiết bị như máy bơm, van, cảm biến và các bộ phận khác để phát hiện sớm các dấu hiệu hư hỏng.

- Theo dõi thường xuyên các chỉ tiêu chất lượng nước đầu vào và đầu ra của hệ thống để kịp thời điều chỉnh quy trình xử lý nếu cần thiết

- Đào tạo cho nhân viên vận hành về cách thức hoạt động của hệ thống cũng như cách nhận biết các dấu hiệu bất thường trong quá trình vận hành.

- Khi sự cố xảy ra trong quá trình vận hành hệ thống SBR hoặc hầm biogas, thực hiện các bước ứng phó sau:

+ Ngừng hoạt động ngay lập tức: Khi phát hiện sự cố như rò rỉ khí hoặc tràn nước thải, Chủ cơ sở ngừng ngay lập tức hoạt động của hệ thống để tránh gây ô nhiễm môi trường.

+ Xả khí an toàn: Nếu có rò rỉ khí từ hầm biogas, cần xả khí an toàn bằng cách mở van xả và đốt cháy khí ở nơi an toàn trước khi tiến hành sửa chữa.

+ Khắc phục sự cố: Tùy thuộc vào loại sự cố mà áp dụng phương pháp khắc phục phù hợp.

**7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường**

Ngày 29/9/2011, UBND tỉnh Quảng Trị đã ban hành Quyết định số 2023/QĐ-UBND về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy chế biến cà phê quả tươi Thương Phú”. Các nội dung thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt như sau:

**Bảng 13. Các nội dung thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt**

TT	Hạng mục	Theo Quyết định ĐTM đã được phê duyệt	Hiện trạng hoạt động
1	Diện tích	13.151 m <sup>2</sup>	14.374 m <sup>2</sup>
2	Công suất hoạt động	10.000 tấn cà phê tươi/năm	2.500 tấn cà phê tươi/năm
3	Quy trình công nghệ xử lý nước thải	- Công nghệ xử lý: Nước thải sản xuất → Mương dẫn, song chắn rác → Bể thu gom → Dãy bể lắng lọc → Hồ chứa, lắng nước thải → Bể keo tụ → Bể lắng 1 → Bể vi sinh bám dính kỵ khí → Bể vi sinh bám dính hiếu khí → Bể lắng 2 → Nguồn tiếp nhận - Công suất hệ thống: 240m <sup>3</sup> /ngày.	- Công nghệ xử lý: Nước thải sản xuất → Mương thu gom → Bể lắng cặn tách váng → Hầm biogas + điều tiết, ứng phó sự cố → Giếng bơm điều hoà → Bể sinh học SBR → Bể phản ứng → Bể lắng hoá lý → Bể khử trùng → Hồ ga xả thải → Nguồn tiếp nhận - Công suất hệ thống: 120m <sup>3</sup> /ngày.
4	Công nghệ xử lý khí thải	Không đầu tư hệ thống xử lý khí thải riêng biệt. Các biện pháp giảm thiểu chỉ	Đầu tư hệ thống xử lý khí thải chuyên biệt cho 02 lò sấy trống quay, bao gồm:

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở: Nhà máy chế biến cà phê quả tươi tại thôn Cọp, xã Hương Phùng, tỉnh Quảng Trị**

TT	Hạng mục	Theo Quyết định ĐTM đã được phê duyệt	Hiện trạng hoạt động
		mang tính chất phòng ngừa và phát tán thụ động: - Thông gió nhà xưởng tự nhiên. - Trồng cây xanh xung quanh. - Bảo dưỡng thiết bị định kỳ. - Phát tán qua ống khói.	1. Cyclone: Lọc bụi thô theo nguyên lý ly tâm. 2. Tháp rửa khí (Hấp thụ ướt): Dùng dung dịch/nước để dập bụi mịn và trung hòa khí độc (SO <sub>2</sub> , NO <sub>x</sub> ). 3. Ống khói: Cao 10m.

Lý do điều chỉnh các nội dung như sau:

- Đối với diện tích: Trong thửa đất cho thuê có 510m<sup>2</sup> đất thuộc hành lang lưới điện cao áp và 478m<sup>2</sup> đất thuộc hành lang an toàn giao thông không sử dụng được để xây dựng công trình.

- Đối với công suất hoạt động: Nguyên nhân là do vùng nguyên liệu ngày càng thu hẹp; các cơ sở thu mua cà phê và hoạt động chế biến cà phê quả tươi trong khu vực tương đối nhiều, dẫn đến cạnh tranh nguồn cung cà phê quả tươi ngày càng lớn, từ đó nguồn nguyên liệu không thể đáp ứng cho công suất của Cơ sở.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải: Lượng nguyên liệu đầu vào giảm dẫn đến lượng nước tiêu thụ và lượng nước thải phát sinh giảm theo. Việc điều chỉnh giảm công suất hệ thống xử lý nước thải là phù hợp với thực tế phát sinh.

+ Nước thải từ chế biến cà phê bằng phương pháp ướt có đặc điểm là hàm lượng chất hữu cơ cao: BOD, COD cao do chứa nhiều đường, pectin, protein từ vỏ quả cà phê; Độ màu và độ đục cao: Do chất tan từ vỏ quả và thịt quả; Nhiều chất rắn lơ lửng: Vỏ, thịt quả, cặn bã; Độ pH thấp: Do quá trình lên men tự nhiên.

+ Quy trình công nghệ xử lý nước thải theo ĐTM có hiệu quả xử lý chất hữu cơ khá tốt, nhưng gặp khó khăn với nước thải có độ màu và độ đục cao. Quá trình xử lý kỵ khí bám dính có thể không tối ưu với nước thải có hàm lượng chất rắn lơ lửng cao, đặc biệt là các chất khó phân hủy sinh học.

+ Theo đó, để khắc phục những nhược điểm nêu trên, Cơ sở đã đầu tư cải tạo hệ thống xử lý nước thải theo công nghệ SBR. Trong đó hầm biogas xử lý kỵ khí hiệu quả, giảm BOD, COD, đồng thời thu hồi biogas (năng lượng). Đặc biệt phù hợp với nước thải có hàm lượng chất hữu cơ cao; Bể SBR là công nghệ xử lý sinh học tiên tiến, hiệu quả cao trong việc loại bỏ chất hữu cơ, nitơ, photpho... Có khả năng xử lý nước thải có độ màu và độ đục cao tốt hơn so với hệ thống kỵ khí/hiếu khí bám dính truyền thống; Bể phản ứng và lắng hóa lý sẽ tăng cường khả năng loại bỏ các chất ô nhiễm còn lại, đặc biệt là các chất khó phân hủy sinh học; Khử trùng sẽ đảm bảo nước thải đạt tiêu chuẩn xả thải.

**CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải**

**1.1. Nguồn phát sinh**

- Nguồn số 01: Nước thải từ quá trình sinh hoạt của CBCNV làm việc tại Cơ sở.
- Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động sản xuất.
- Nguồn số 03: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải.

**1.2. Dòng nước thải**

- Dòng nước thải số 01 (nguồn số 01): Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại ba ngăn sẽ tự thấm ra ngoài tại góc phía Tây Bắc của Cơ sở, phần bùn thải được hợp đồng với đơn vị chức năng tại địa phương định kỳ đưa đi xử lý.

- Dòng nước thải số 02 (nguồn số 02, 03): Nước thải từ hoạt động sản xuất và nước thải từ hệ thống xử lý khí thải được thu gom, xử lý sau đó tận dụng tưới cây vào mùa hè và thoát ra suối tự nhiên vào mùa mưa.

**1.3. Lưu lượng xả nước thải tối đa**

- Dòng thải số 01: 1,8 m<sup>3</sup>/ng.đ.
- Dòng thải số 02: 120 m<sup>3</sup>/ng.đ.

**1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải**

*a. Nước thải sinh hoạt (dòng thải số 01)*

- Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K = 1,2)
1	pH	-	60
2	BOD5 (20°C)	mg/L	120
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	1.200
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	5
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/L	12
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	60
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/L	24
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	12
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	12
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/L	60
11	Coliforms	MPN/100ml	5.000

*Ghi chú:*

- QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở: Nhà máy chế biến cà phê quả tươi tại thôn Cọp, xã Hướng Phùng, tỉnh Quảng Trị**

- **Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.**

- **Giá trị hệ số K = 1,2; tương ứng với loại hình Cơ sở sản xuất dưới 500 người;**

- **Áp dụng QCVN 14:2008/BTNMT cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2031; Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, Cơ sở phải đáp ứng yêu cầu quy định tại QCVN 14:2025/BTNMT.**

**b. Nước thải sản xuất (dòng thải số 02)**

- Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B; kq = 0,9; kf = 1,1)
1	pH	-	5,5-9
2	BOD5 (20°C)	mg/l	49,5
3	COD	mg/l	148,5
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	99
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	9,9
6	Tổng nitơ	mg/l	39,6
7	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	5,94
8	Coliform	MNP/100ml	5.000

**Ghi chú:**

- **QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp. Trong đó:**

+ **Cột B Bảng 1 quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;**

+ **Hệ số Kq ứng với dung tích của nguồn tiếp nhận nước thải; Kq = 0,9 ; Khi nguồn tiếp nhận nước thải không có số liệu về lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch, kênh, mương.**

+ **Hệ số lưu lượng nguồn thải Kf = 1,1; Tương ứng với lưu lượng nước thải  $50 < F \leq 500 (m^3/24h)$ .**

- **Áp dụng QCVN 40:2011/BTNMT cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2031; Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, Cơ sở phải đáp ứng yêu cầu quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT.**

**1.5. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải**

**a. Vị trí xả nước thải**

- **Vị trí xả thải: Tại thôn Cọp, xã Hướng Phùng, tỉnh Quảng Trị.**

+ **Dòng thải số 01: Vị trí sau bể tự hoại 3 tại khu vực nhà vệ sinh của công nhân (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 106°00', múi chiếu 3°): X: 1850536m, Y:**

565974m.

+ Dòng thải số 02: Vị trí tại hồ ga lấy mẫu sau hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực  $106^{\circ}00'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ): X: 1850421m, Y: 565985m.

**b. Phương thức xả thải**

- Dòng thải số 01: Nước thải sau xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn sẽ tự thấm vào đất.

- Dòng nước thải số 02: Nước thải sau xử lý sẽ tự chảy vào hồ sinh học và đổ ra suối tự nhiên nằm về phía Đông Nam của Cơ sở.

**c. Nguồn tiếp nhận nước thải**

- Dòng thải số 01: Nước thải phát sinh được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn bố trí góc phía Tây Bắc của Cơ sở, sau đó thấm vào đất trong khuôn viên Cơ sở.

- Dòng thải số 02: Nước thải sau xử lý sẽ đổ vào hồ sinh học (nằm trong khuôn viên Cơ sở) tận dụng tưới cây vào mùa hè và vào mùa mưa sẽ thoát ra suối tự nhiên nằm về phía Đông Nam của Cơ sở.

**2. Nội dung cấp phép xả khí thải**

**2.1. Nguồn phát sinh**

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải từ lò đốt 1.

- Nguồn số 02: Bụi, khí thải từ lò đốt 2.

**2.2. Dòng khí thải**

- Dòng thải số 01 (nguồn số 01, 02): Bụi, khí thải phát sinh từ lò đốt 1 và 2 được dẫn qua hệ thống xử lý khí thải sau đó qua ống khói thoát ra môi trường.

**2.3. Lưu lượng xả khí thải tối đa**

- Dòng thải số 01: 9.300 m<sup>3</sup>/giờ.

**2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải**

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B; kp = 1; kv = 1,4)
1	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	280
2	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	700
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	1.190
4	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	1.400

**Ghi chú:**

- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Trong đó:

+ Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở:** Nhà máy chế biến cà phê quả tươi tại thôn Cọp, xã Hướng Phùng, tỉnh Quảng Trị

đã cho phép trong khí thải công nghiệp đối với Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;

+ Hệ số lưu lượng nguồn thải  $K_p = 1,0$ , tương ứng với  $P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ .

+ Hệ số vùng  $k_v = 1,4$ , tương ứng với khu vực nông thôn miền núi.

- Áp dụng QCVN 19:2009/BTNMT cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2031; Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, Cơ sở phải đáp ứng yêu cầu quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT.

## 2.5. Vị trí, phương thức xả thải

- Vị trí xả thải: Tại thôn Cọp, xã Hướng Phùng, tỉnh Quảng Trị.

+ Dòng thải số 01, 02: Tại ống khói của hệ thống xử lý khí thải (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực  $106^{\circ}00'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ): X: 1850485m, Y: 565971m.

- Phương thức xả thải: Xả cưỡng bức

+ Dòng thải số 01, 02: Qua ống khói cao 10m ra môi trường.

## 3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung: Chủ yếu từ công đoạn sàng phân loại và xát quả cà phê.

- Vị trí phát sinh: Khu vực nhà xưởng sản xuất (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực  $106^{\circ}00'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ): X: 1850487m, Y: 566005m.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Thông số	Đơn vị	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	Áp dụng theo quy chuẩn
Độ ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT
Độ rung	dB	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT

- Áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2031; Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, Cơ sở phải đáp ứng yêu cầu quy định tại QCVN 26:2025/BTNMT và QCVN 27:2025/BTNMT.

## **CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

### **1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường**

Chủ cơ sở đã hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng tài sản nhà máy từ Chủ đầu tư cũ vào năm 2020 trên diện tích 14.374 m<sup>2</sup>. Ngay sau khi tiếp quản, Chủ cơ sở đã chủ động rà soát và thực hiện các thủ tục pháp lý, kế thừa các hồ sơ môi trường cũ (ĐTM phê duyệt năm 2011) và tiến hành lập hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường (GPMT) theo quy định mới của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Chủ cơ sở đã đầu tư nguồn lực lớn để cải tạo, nâng cấp và xây mới các công trình BVMT nhằm khắc phục các tồn tại cũ và đáp ứng tiêu chuẩn xả thải hiện hành. Đến thời điểm hiện tại, Doanh nghiệp đã hoàn thành việc lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường để trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt.

### **2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải**

Cơ sở đã hoàn thiện đầu tư và cải tạo hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 120 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, áp dụng công nghệ sinh học tiên tiến SBR (bể phản ứng theo mẻ) kết hợp với hầm Biogas và xử lý hóa lý. Quy trình công nghệ được thiết kế khép kín từ khâu tách rác, lắng cặn, xử lý kỵ khí/hiếu khí đến khử trùng, giúp phân hủy hiệu quả các chất hữu cơ cao và giảm thiểu mùi hôi đặc trưng của nước thải chế biến cà phê.

Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý được kiểm soát chặt chẽ nhằm đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B) trước khi xả vào hồ sinh học. Nguồn nước này được tận dụng để tưới cây trong khuôn viên vào mùa khô hoặc thoát ra suối tự nhiên vào mùa mưa. Riêng nước thải sinh hoạt được xử lý cục bộ qua bể tự hoại 3 ngăn; toàn bộ bùn thải phát sinh được thu gom và xử lý đúng quy định.

**Bảng 14. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc		QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B; kq = 0,9; kf = 1,1)
			NTĐV	NTĐR	
1	Nhiệt độ	°C	26,0	25,7	40
2	pH	-	7,9	7,2	5,5-9
3	TSS	mg/L	1.079	26	99
4	Độ màu	Pt/Co	418	63	150
5	BOD <sub>5</sub>	mg/L	156	13	49,5
6	COD	mg/L	4.103	56	148,5
7	Amoni	mg/L	7,45	0,96	9,9
8	Tổng N	mg/L	63,0	7,57	39,6
9	Tổng P	mg/L	9,13	0,51	5,94
10	Fe	mg/L	1,85	0,45	4,95
11	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	2,1	1,3	9,9

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở: Nhà máy chế biến cà phê quả tươi tại thôn Cọp, xã Hương Phùng, tỉnh Quảng Trị**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc		QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B; kq = 0,9; kf = 1,1)
			NTĐV	NTĐR	
12	Coliform	MNP/100ml	49.960	40	5.000

Ghi chú:

- Ngày lấy mẫu: 27/11/2025;

- Vị trí lấy mẫu:

+ NTĐV: Tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở;

+ NTĐR: Tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở.

- QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp. Trong đó:

+ Cột B Bảng 1 quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

+ Hệ số Kq ứng với dung tích của nguồn tiếp nhận nước thải; Kq = 0,9; Khi nguồn tiếp nhận nước thải không có số liệu về lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch, kênh, mương;

+ Hệ số lưu lượng nguồn thải Kf = 1,1; Tương ứng với lưu lượng nước thải  $50 < F \leq 500$  (m<sup>3</sup>/24h).

Nhận xét: Qua kết quả quan trắc cho thấy, nước thải sản xuất tại cơ sở đã được thu gom, xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B; kq = 0,9; kf = 1,1) trước khi thoát ra môi trường.

### **3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải**

Để hạn chế bụi lơ lửng từ hoạt động giao thông và sản xuất, Cơ sở thực hiện tưới ẩm đường nội bộ, trồng và chăm sóc cây xanh quanh nhà máy, đồng thời yêu cầu phương tiện vận chuyển phải che chắn kỹ. Bên cạnh đó, duy trì chế độ vệ sinh nhà xưởng, lau chùi máy móc thường xuyên và loại bỏ tạp chất trong nguyên liệu trước khi chế biến để giảm tối đa nguồn phát sinh bụi.

Cơ sở đã hoàn thiện lắp đặt hệ thống xử lý khí thải cho 02 lò đốt cấp nhiệt (phục vụ sấy trồng quay) sử dụng nhiên liệu than, củi và trấu. Công nghệ được áp dụng là quy trình xử lý liên hợp bao gồm Cyclone (lọc bụi ly tâm) để tách bụi thô, kết hợp với Tháp rửa khí (hấp thụ ướt bằng dung dịch CaCO<sub>3</sub>) nhằm loại bỏ triệt để bụi mịn và trung hòa các khí độc hại (như SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>) trước khi thải ra môi trường.

Hệ thống vận hành khép kín giúp thu gom toàn bộ lượng khói bụi phát sinh, ngăn chặn việc phát tán trực tiếp ra không khí. Dòng khí sau khi qua hệ thống xử lý được dẫn ra ống khói cao 10m, đảm bảo các chỉ số ô nhiễm (Bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>) nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B), giúp giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực đến môi trường không khí xung quanh khu vực sản xuất.

**Bảng 15. Kết quả quan trắc chất lượng khí thải**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả quan trắc	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B; kp = 1; kv = 1,4)
			KTLD	
1	Bụi (PM)	mg/Nm <sup>3</sup>	169	280
2	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	1.761	-
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	<4	700
4	NO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	18	1.190
5	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	223	1.400

**Ghi chú:**

- Ngày lấy mẫu: 27/11/2025;
- Vị trí lấy mẫu: Tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải của cơ sở;
- QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Trong đó:
  - + Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;
  - + Hệ số lưu lượng nguồn thải  $K_p = 1,0$ , tương ứng với  $P \leq 20.000 \text{ m}^3/\text{h}$ .
  - + Hệ số vùng  $k_v = 1,4$ , tương ứng với khu vực nông thôn miền núi.
- (-): Không quy định.

**Nhận xét:** Qua kết quả quan trắc cho thấy, khí thải phát sinh từ 02 lò đốt sau khi qua hệ thống xử lý đã đạt QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B; kp = 1; kv = 1,4) trước khi thoát ra môi trường

**4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải)**

Cơ sở không thực hiện dịch vụ xử lý chất thải.

**5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất)**

Cơ sở không sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

**6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải**

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của 15 cán bộ công nhân viên với khối lượng khoảng 7,5 kg/ngày (thành phần gồm thức ăn thừa, vỏ rau củ, túi nilon, giấy vụn...). Toàn bộ rác được thu gom, phân loại và lưu trữ trong các thùng rác bố trí tại khu vực văn phòng, nhà xưởng. Định kỳ, rác được vận chuyển tập kết ra bãi rác chung của xã Hướng Phùng để xử lý theo quy định của địa phương.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Tổng khối lượng phát sinh khoảng 1.274 tấn/năm, bao gồm vỏ cà phê, bã sau lên men, tạp chất và bùn cặn từ hệ thống xử lý khí thải. Trong đó, vỏ cà phê và bã (chiếm tỷ trọng lớn) được tận dụng làm

**Báo cáo đề xuất cấp GPMT của cơ sở: Nhà máy chế biến cà phê quả tươi tại thôn Cọp, xã Hướng Phùng, tỉnh Quảng Trị**

phân bón hữu cơ hoặc thức ăn chăn nuôi; bụi và thạch cao từ xử lý khí được thu hồi tại bể lắng. Các tạp chất không tái chế được thu gom và vận chuyển đến bãi rác tập trung của xã để xử lý.

- Chất thải nguy hại: Khối lượng phát sinh khoảng 71 kg/năm, bao gồm: hộp mực in, ắc quy chì, pin, bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau dính dầu nhớt và bộ lọc dầu cũ. CTNH được phân loại, lưu giữ trong các thùng phuy 120L có nắp đậy, dán nhãn cảnh báo tại kho chứa riêng biệt. Cơ sở đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng An Sinh để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định pháp luật.

## **7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở**

Ngày 27/11/2024, Phòng Cảnh sát Kinh tế đã làm việc với DNTN Thương mại và Dịch vụ Lệ Dung về tình hình liên quan công tác bảo vệ môi trường đối với hoạt động của Cơ sở. Yêu cầu cơ sở như sau:

- Chấp hành nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất, chế biến cà phê. Đến năm 2025 phải có giấy phép môi trường trước khi đi vào hoạt động.

- Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến cà phê.

- Thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các nghĩa vụ về thuế, phí của Doanh nghiệp trong quá trình hoạt động.

Phản hồi của Cơ sở: Đồng ý với các nội dung trong biên bản, không có ý kiến gì thêm. Cam đoan chấp hành đúng các yêu cầu trong quá sản xuất, chế biến.

### Các biện pháp khắc phục, bổ sung theo yêu cầu:

- Về yêu cầu chấp hành quy định BVMT và hoàn thiện Giấy phép môi trường (GPMT): Cơ sở đã bổ sung đầu tư hệ thống xử lý khí thải cho 02 lò đốt nhằm đủ điều kiện trình thẩm định báo cáo đề xuất cấp GPMT.

- Về yêu cầu đảm bảo An toàn thực phẩm: Chủ cơ sở đã tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm trong chế biến nông sản. Duy trì quy trình sản xuất sạch từ khâu rửa, tách vỏ đến sấy khô; thường xuyên vệ sinh nhà xưởng, máy móc; đảm bảo khu vực sản xuất tách biệt với khu vực xử lý chất thải để không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm cà phê nhân.

- Về nghĩa vụ Thuế và các khoản phí: Chủ cơ sở đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Kê khai và nộp đầy đủ, đúng hạn các loại thuế, phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành.

## **CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

### **1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải**

#### **1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm**

Giai đoạn vận hành thử nghiệm được thực hiện dự kiến từ tháng 09/2026 đến tháng 10/2026 (tại thời điểm bắt đầu mùa vụ sản xuất). Kế hoạch dự kiến vận hành thử nghiệm như sau:

Tên công trình	Thời gian vận hành thử nghiệm		Công suất đạt được
	Bắt đầu	Kết thúc	
Hệ thống xử lý nước thải	Tháng 09/2026	Tháng 10/2026	100%
Hệ thống xử lý khí thải			

#### **1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải**

##### *a. Quan trắc đối với công trình xử lý nước thải*

- Số lượng và vị trí quan trắc:
  - + 01 mẫu nước thải đầu vào.
  - + 03 mẫu nước thải đầu ra.
- Tần suất quan trắc: Ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.
- Loại mẫu: Tổ hợp.
- Thông số quan trắc: pH, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Coliform.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B; kq = 0,9; kf = 1,1).

##### *b. Quan trắc đối với công trình xử lý bụi, khí thải*

- Số lượng và vị trí quan trắc: 03 mẫu bụi, khí thải đầu ra.
- Loại mẫu: Tổ hợp
- Thông số quan trắc: Bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>.
- Tần suất quan trắc: Ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B; kp = 1; kv = 1,4).

Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch: Trung tâm Quan trắc Nông nghiệp và Môi trường Quảng Trị (Số Vimecerts: 021).

### **2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của Pháp luật**

#### **2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ**

- Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định

tại Khoản 2 Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## **2.2. Chương trình quan trắc chất thải tự động, liên tục chất thải**

- Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 3 Điều 98 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## **2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở**

### **a. Quan trắc nước thải**

- Vị trí quan trắc: Tại vị trí đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- Tần suất quan trắc: 01 lần/năm (tại thời điểm hoạt động sản xuất).

- Thông số quan trắc: pH, TSS, BOD<sub>5</sub>, COD, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Coliform.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B; kq = 0,9; kf = 1,1).

### **b. Quan trắc khí thải**

- Vị trí quan trắc: Tại vị trí ống khói của hệ thống xử lý khí thải.

- Tần suất quan trắc: 01 lần/năm (tại thời điểm hoạt động sản xuất).

- Thông số quan trắc: Bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B; kp = 1; kv = 1,4).

## **3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm**

Quan trắc định kỳ: Dự kiến khoảng 30 triệu đồng/năm.

## **CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Nhằm đảm bảo công tác BVMT trong quá trình hoạt động, Chủ cơ sở cam kết thực hiện như sau:

- Chúng tôi cam kết về lộ trình thực hiện các biện pháp, công trình giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu trong giấy phép môi trường.

- Tất cả các biện pháp BVMT sẽ thực hiện theo quy định và hoàn thành đúng thời gian quy định.

- Áp dụng, chương trình quan trắc môi trường cũng như các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường hiện hành.

**PHỤ LỤC BÁO CÁO**

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê đất của cơ sở theo quy định của pháp luật.
- Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
- Sơ đồ vị trí Cơ sở, sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường.
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại Cơ sở.
- Bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Cơ sở.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN**

Mã số doanh nghiệp: 3200305283

Đăng ký lần đầu: ngày 17 tháng 02 năm 2009

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 12 tháng 10 năm 2011

**1. Tên doanh nghiệp**

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LỆ DUNG

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên doanh nghiệp viết tắt: DOANH NGHIỆP TN TM-DV LỆ DUNG

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

Km 65 Quốc lộ 9, Khóm 3A, Thị trấn Khe Sanh, Huyện Hướng Hoá, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Điện thoại: 053 3880808

Fax:

Email:

Website:

**3. Chủ doanh nghiệp**

Họ và tên: NGUYỄN THỊ LỆ

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 18/05/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 191049270

Ngày cấp: 27/03/2002

Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Trị

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm 3A, Thị trấn Khe Sanh, Huyện Hướng Hoá, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khóm 3A, Thị trấn Khe Sanh, Huyện Hướng Hoá, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Lê Văn Vinh

Quảng Trị, ngày 29 tháng 09 năm 2015

Số:



\*2249/15\*

## GIẤY XÁC NHẬN

### Về việc thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: *Tỉnh Quảng Trị*

Địa chỉ trụ sở: *Số 34 Hùng Vương, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam*

Điện thoại: *0533 853301*

Fax:

Email: *lethiminhha@quangtri.gov.vn*

Website:

### Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: **DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LỆ DUNG**

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 3200305283

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 3200305283

**Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.**

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

### Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn tổng hợp	4690 (Chính)
2	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
3	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: Tháo dỡ, chuẩn bị mặt bằng	4312
4	Xây dựng công trình công ích	4220
5	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
6	Bán mô tô, xe máy	4541
7	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
8	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Mua bán cafe	4632
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
11	Bán buôn sắt, thép	46622
12	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
13	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931

STT	Tên ngành	Mã ngành
14	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
15	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
16	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
17	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông	42102
18	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
19	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
20	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
21	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
22	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
23	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
24	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm, nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện...)	4649
25	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
26	Bán buôn gạo	4631
27	Bán buôn đồ uống	4633
28	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
29	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
30	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
31	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
32	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
33	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
34	Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp	46691
35	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất và chế biến cafe	1079

**Nơi nhận:**

- DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN  
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LỆ  
DUNG. Địa chỉ: Km 65 Quốc lộ 9, Khóm  
3A, Thị trấn Khe Sanh, Huyện Hướng  
Hoá, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

.....;  
- Lưu: Nguyễn Thị Gấm.....



*Le Văn Vinh*

## GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 33...../GPXD.

### I. Nội dung cấp phép xây dựng:

1. Cấp cho: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ.**

Địa chỉ trụ sở chính: Km19, thôn cốp, xã Hương Phùng, huyện Hương Hoà, tỉnh Quảng Trị.

2. Được phép xây dựng công trình: Nhà máy chế biến cà phê, cấp: 4, xây mới

\* Theo thiết kế có ký hiệu: 39/NMCBCF-2011/GPXD. Do: CTy CP Tư vấn và Xây dựng HT lập.

Gồm các hạng mục với nội dung sau:

- 01 Nhà máy xử quả tơi, diện tích xây dựng: 600,0m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn: 600,0m<sup>2</sup>, số tầng: 01, chiều cao: 9m;  
01 Nhà văn phòng, diện tích xây dựng: 75,6m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn: 75,6m<sup>2</sup>, số tầng: 01, chiều cao: 6,26m; 01 Nhà máy sấy tĩnh, diện tích xây dựng: 480,0m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn: 480,0m<sup>2</sup>, số tầng: 01, chiều cao: 9m; 01 Nhà máy sấy trống quay, diện tích xây dựng: 240,0m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn: 240,0m<sup>2</sup>, số tầng: 01, chiều cao: 9m; 01 Nhà vệ sinh, diện tích xây dựng: 26,64m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn: 26,64m<sup>2</sup>, số tầng: 01, chiều cao: 3,7m; 01 Nhà cán bộ, công nhân, diện tích xây dựng: 74,52m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn: 74,52m<sup>2</sup>, số tầng: 01, chiều cao: 5,3m.

- Các hạng mục đi kèm: Gara ô tô, bể ủ, bể nước sản xuất, bể xử lý nước thải, mương thoát nước, nhà bảo vệ, nhà bếp, sân bê tông, cân điện tử, cống, hàng rào, đường nội bộ... Cốt nền xây dựng công trình: +0.20 + +0.50 so với cốt tự nhiên.

\* Trên lô đất số: 76, tại bản đồ số: 22. Tổng diện tích: 13151,0 m<sup>2</sup>

\* Địa điểm xây dựng công trình: Xã Hương Phùng, huyện Hương Hoà - tỉnh Quảng Trị.

\* Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BĐ 015116.

3. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép.

4. Công trình chỉ được phép tồn tại đến ngày 16 tháng 5 năm 2055.

### II. Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kế.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo cho cơ quan cấp giấy phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý và thoát nước thải...).

4. Phải lắp đặt hệ thống phòng chống cháy nổ đúng tiêu chuẩn, phải đảm bảo vệ sinh môi trường...

5. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

6. Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

Hương Hoà, ngày 18 tháng 10 năm 2011.

TM. UBND HUYỆN HƯƠNG HOÀ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Sắc

Số: 2023/QĐ - UBND

Quảng Trị, ngày 29 tháng 9 năm 2011

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án:  
“Nhà máy chế biến cà phê quả tươi Thương Phú”

### UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: “Nhà máy chế biến cà phê quả tươi Thương Phú” họp ngày 19 tháng 8 năm 2011 tại Sở Tài nguyên và môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: “Nhà máy chế biến cà phê quả tươi Thương Phú” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản giải trình số: 09/CV-Cty ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Công ty Cổ phần Thương Phú;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 1331/TTr -STNMT ngày 22 tháng 9 năm 2011,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án: “Nhà máy chế biến cà phê quả tươi Thương Phú” của Công ty Cổ phần Thương Phú (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Quy mô của Dự án:

- Công suất thiết kế tối đa: 10.000 tấn cà phê quả tươi/năm;

- Tổng diện tích: 13.151m<sup>2</sup>;

- Dự án bao gồm các hạng mục công trình: Nhà chế biến, nhà sấy và kho, văn phòng xưởng, hệ thống xử lý nước thải (bao gồm: bể xử lý, hố ga và bể lọc cát), hạng mục khác (sân bãi, đường vận hành, công, tường rào).

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

### 2.1. Về quản lý và xử lý chất thải:

- Quản lý và xử lý bụi, khí thải trong quá trình chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng, hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 05:2009/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT;

- Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng, hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT;

- Quản lý và xử lý nước thải phát sinh trong quá trình chuẩn bị mặt bằng, thi công xây dựng, hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, QCVN 24:2009/BTNMT;

- Thu gom, lưu trữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn theo Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn, các văn bản hướng dẫn liên quan. Quản lý chất thải nguy hại tuân thủ theo Thông tư số: 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về chất thải nguy hại, đảm bảo quy chuẩn QCVN 07:2009/BTNMT, an toàn và vệ sinh môi trường.

2.2. Thực hiện chương trình quan trắc môi trường theo nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường; định kỳ tối thiểu 02 lần/năm báo cáo kết quả quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 2.** Chủ dự án, cơ quan tiếp quản dự án phải lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của Dự án; nghiêm túc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư và giai đoạn thi công xây dựng Dự án; lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với các khoản 1 và 2 Điều 1 của Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh.

**Điều 4.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để quyết định việc đầu tư Dự án; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 5.** Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 6.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hương Hoá, Thủ trưởng các Ban, Ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Chủ tịch, PCT Nguyễn Quân Chính;
- Chánh, Phó VPUBND tỉnh;
- Lưu VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Quân Chính*  
**Nguyễn Quân Chính**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



# GIẤY CHỨNG NHẬN

## QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

### QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

(Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)

**Công ty Cổ phần Thương Phú**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3200474316 cấp ngày 17/8/2012  
của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị

Địa chỉ trụ sở chính: Km 19 thôn Cóp, xã Hương Phong,  
Huyện Hương Hóa, tỉnh Quảng Trị

BI 824813

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 181. Tờ bản đồ số: 41  
b) Địa chỉ: Thôn Cóp, xã Hương Phong, huyện Hương Hoá, tỉnh Quảng Trị  
c) Diện tích: 13.142 m<sup>2</sup>

(Bằng chữ: Mười ba ngàn một trăm bốn mươi hai mét vuông)

- d) Hình thức sử dụng: + Riêng: 13.142 m<sup>2</sup>  
+ Chung: không  
đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh  
e) Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 16/5/2055  
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )	Diện tích sàn (m <sup>2</sup> )	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm HT xây dựng	Thời hạn sở hữu
Nhà máy sát quả tươi	612,0	612,0	Tường xây bờ lô kết hợp tôn; Khung thép định hình chữ I; Mái tôn	III	01	2012	-/-
Nhà máy sấy tỉnh	504,0	504,0	Tường xây bờ lô kết hợp lưới B40; Khung thép định hình chữ I; Mái tôn	III	01	2012	-/-
Nhà máy sấy trứng quay	360,0	360,0	Tường xây bờ lô kết hợp lưới B40; Khung thép định hình chữ I; Mái tôn	IV	01	2012	-/-
Nhà phục vụ công nhân	64,8	64,8	Tường gạch; Khung cột bê tông cốt thép; Mái lợp tôn	IV	01	2011	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây diu nằm: -/-

6. Ghi chú: Thửa đất có 381 m<sup>2</sup> đất thuộc hành lang an toàn đường Hồ Chí Minh và 545 m<sup>2</sup> đất thuộc hành lang an toàn lưới điện, Công ty Cổ phần Thương Phú sử dụng đất phải tuân thủ các quy định về bảo vệ hành lang an toàn giao thông và đường điện.

Quảng Trị, ngày 23 tháng 01 năm 2013

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Chính

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1595** /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **23** tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ**

**Điều chỉnh nhà đầu tư quy định tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,  
quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 ;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;*

*Xét Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo của Công ty cổ phần Minh Khang Capital Trading Public;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 221/BC-SKH-DN ngày 01/6/2020 và hồ sơ nộp bổ sung ngày 12/6/2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh tên nhà đầu tư thực hiện dự án từ **Công ty cổ phần Minh Khang Capital Trading Public** đã quy định tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 824813; số vào sổ cấp GCN: CT 00698 ngày 23/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Trị thành:

Nhà đầu tư: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SẠCH NESVIET**

Mã số doanh nghiệp: 0106565842

Đăng ký lần đầu ngày 09/06/2014; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 24/12/2019 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Lập Thành, xã Đông Xuân, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội.

**Người đại diện theo pháp luật của Công ty:**

Họ và tên: Võ Văn Thắng - Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20 /05/1973 - Quốc tịch: Việt Nam.

Chức danh: Giám đốc

Căn cước công dân số: 040073000122 - Ngày cấp: 26/03/2016 - Nơi cấp:  
Cục cảnh sát ĐKDL cư trú và DLQG về dân cư.



Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 25 ngách 352/15 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: P202 tòa nhà CT4A1, KKĐT Bắc Linh Đàm, Phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0973 884 333 Email: thangnasan@gmail.com

**Điều 2.** Quyết định này là một tài liệu không tách rời của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BI 824813; số vào sổ cấp GCN: CT 00698 ngày 23/01/2013 của UBND tỉnh Quảng Trị.

**Điều 3.** Công ty Cổ phần thực phẩm sạch NESVIET có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án đúng mục tiêu, quy mô đã được cấp phép. Tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành: Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đất đai, Luật Xây dựng và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 03 (ba) bản gốc; 01 (một) bản cấp cho Công ty Cổ phần Thực phẩm sạch Nesviet; 01 (một) bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Trị và 01 (một) bản lưu tại UBND tỉnh Quảng Trị. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh
  - Các Sở: TN&MT, Xây dựng NN&PTNT, Tài chính, Công Thương;
  - UBND huyện Hướng Hóa;
  - CVP, PVP Nguyễn Cửu;
  - Lưu: VT, NNp.
- } *Truyền mạng*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH** *tc*



**Hà Sỹ Đồng**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2361**/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **19** tháng **8** năm 2020

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu hồi đất để cho Công ty Cổ phần thực phẩm sạch NesViet  
thuê đất tiếp tục thực hiện dự án: Nhà máy chế biến cà phê**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Xét hồ sơ xin thuê đất của Công ty Cổ phần thực phẩm sạch NesViet và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2490/TTr-STNMT ngày 12 tháng 8 năm 2020.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thu hồi 14.374m<sup>2</sup> đất (theo diện tích đo đạc thực tế) của Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public (đã được UBND tỉnh thuê đất và cấp giấy chứng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 824813 với diện tích là 13.142m<sup>2</sup>), thuộc thửa số 181 - tờ bản đồ số địa chính số 41 của xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa.

Lý do thu hồi: Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public đã chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê cho Công ty Cổ phần thực phẩm sạch NesViet.

Vị trí, ranh giới khu đất thu hồi được xác định theo bản đồ thửa đất, tỷ lệ 1/1.000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị lập ngày 10/8/2020, được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 12/8/2020.

**Điều 2.** Cho Công ty Cổ phần thực phẩm sạch NesViet thuê 14.374m<sup>2</sup> đất (được thu hồi tại Điều 1 của Quyết định này), thuộc thửa số 181 - tờ bản đồ số địa chính số 41 của xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa để tiếp tục thực hiện dự án: Nhà máy chế biến cà phê.

- Thời hạn thuê đất: Đến ngày 16 tháng 5 năm 2055.

- Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- Vị trí, ranh giới khu đất thuê đất được xác định theo bản đồ thửa đất, tỷ lệ 1/1.000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị lập ngày 10/8/2020, được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 12/8/2020.

\* Trong thửa đất thuê có 510m<sup>2</sup> đất thuộc hành lang lưới điện cao áp và 478m<sup>2</sup> đất thuộc hành lang an toàn giao thông, Công ty Cổ phần thực phẩm sạch NesViet sử dụng đất phải tuân thủ các quy định về hành lang lưới điện và không được xây dựng công trình trong phạm vi hành lang an toàn giao thông.

**Điều 3.** Giao nhiệm vụ cho các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Thông báo cho Công ty Cổ phần thực phẩm sạch NesViet nộp phí, lệ phí theo quy định;

- Ký hợp đồng thuê đất với Công ty Cổ phần thực phẩm sạch NesViet;

- Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định cho thuê đất, tổ chức bàn giao trên thực địa cho Công ty Cổ phần thực phẩm sạch NesViet sử dụng.

2. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định; thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 824813 (bản gốc) đã cấp cho Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public và chuyển thông tin sang cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

3. Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Trang thông tin điện tử tỉnh.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Hướng Hóa, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Chủ tịch UBND xã Hướng Phùng, Giám đốc Công ty Cổ phần thực phẩm sạch NesViet, Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Trung tâm tin học tỉnh;
- Lưu VT, TN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hà Sỹ Đồng**

**PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 2 TỈNH QUẢNG TRỊ**

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

**PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 2 TỈNH QUẢNG TRỊ**  
**(Địa chỉ: Số 129 Lê Duẩn, Khe Sanh, Hướng Hóa, Quảng Trị)**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

*Hôm nay, ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại Phòng công chứng số 2 tỉnh Quảng Trị*

Chúng tôi gồm có:

**I. BÊN BÁN TÀI SẢN (sau đây gọi là bên A) :**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SẠCH NESVIET**

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Lập Thành, xã Đông Xuân, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Giấy chứng nhận ĐKDN số: 0106565842 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 24/12/2019

- Do ông: **Võ Văn Thắng**, Chức vụ: Giám đốc, làm đại diện

- Sinh ngày: 20/5/1973 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

- CCCD số: 040 073 000 122 cấp ngày 22/3/2016 tại Cục cảnh sát ĐKDL cư trú và DLQG về dân cư

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 25 Ngách 352/15 đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**II. BÊN MUA TÀI SẢN (sau đây gọi là bên B):**

**DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LỆ DUNG**

- Địa chỉ trụ sở chính: Km 65 Quốc Lộ 9, Khóm 3A, Thị trấn Khe Sanh, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị

- Giấy chứng nhận ĐKDN số: 3200305283 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 12/10/2011

- Do ông: **Nguyễn Thị Lệ**, Chức vụ: Chủ doanh nghiệp, làm đại diện

- Sinh ngày: 18/5/1970 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

- CMND số: 191 049 270 cấp ngày 11/5/2017 tại CA Quảng Trị

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm 3A, Thị trấn Khe Sanh, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị

Hai bên đồng ý thực hiện việc mua bán tài sản gắn liền với đất với theo các thoả thuận sau đây :

**ĐIỀU 1  
TÀI SẢN MUA BÁN**

Toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của bên A gồm: Nhà máy chế biến cà phê

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng	Diện tích sàn hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà máy sát quả tươi	612,0	612,0	Sở hữu riêng	III	
Nhà máy sát tinh	504,0	504,0	Sở hữu riêng	III	
Nhà máy sấy trống quay	360,0	360,0	Sở hữu riêng	IV	
Nhà phục vụ công nhân	64,8	64,8	Sở hữu riêng	IV	

**Toàn bộ tài sản nêu trên gắn liền với quyền sử dụng đất sau:**

Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn với đất số CT 991604, số vào sổ cấp GCN: CT01955 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị cấp ngày 01/9/2020 mang tên Công ty Cổ phần thực phẩm sạch NESVIET, cụ thể như sau:

- Thửa đất số: 181;
  - Tờ bản đồ số: 41;
  - Địa chỉ thửa đất: Thôn Cọp, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị;
  - Diện tích: 14.374,0 m<sup>2</sup>
  - Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp;
  - Thời hạn sử dụng: Đến ngày 16/5/2055;
  - Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm
- Bên A đồng ý bán cho bên B toàn bộ Nhà máy chế biến cà phê nêu trên.

## **ĐIỀU 2**

### **GIÁ MUA BÁN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

1. Giá mua bán tài sản gắn liền với đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là: 2.550.000.000 đồng (bằng chữ: Hai tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng), chưa bao gồm thuế VAT;
2. Phương thức thanh toán: chuyển khoản;
3. Việc thanh toán số tiền nêu tại khoản 1 Điều này do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

## **ĐIỀU 3**

### **VIỆC GIAO VÀ ĐĂNG KÝ QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT, ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

1. Bên A có nghĩa vụ giao tài sản gắn liền với đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cùng giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, giấy tờ về quyền sử dụng đất cho bên B vào thời điểm bên B thanh toán đủ tiền cho bên A;
2. Bên B có nghĩa vụ đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, làm thủ tục thuê quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

## **ĐIỀU 4**

### **TRÁCH NHIỆM NỘP THUẾ, LỆ PHÍ**

Thuế, lệ phí liên quan đến việc mua bán tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng này do bên B chịu trách nhiệm nộp.

## **ĐIỀU 5**

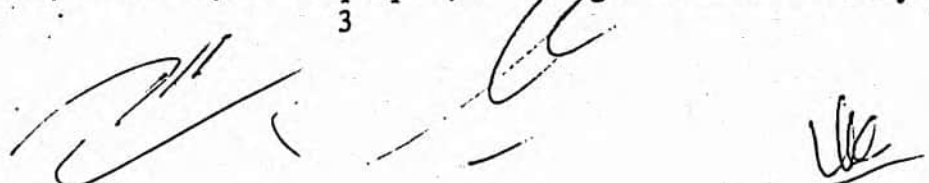
### **PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG**

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

## **ĐIỀU 6**

### **CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN**

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:



**1. Bên A cam đoan:**

1.1. Những thông tin về tài sản đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;  
1.2. Tài sản thuộc trường hợp được bán tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật

1.3. Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:

a) Tài sản và thửa đất có tài sản không có tranh chấp;

b) Tài sản và quyền sử dụng đất có tài sản không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;

1.4. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

1.5. Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

**2. Bên B cam đoan:**

2.1. Những thông tin về tài sản đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

2.2. Đã xem xét kỹ, biết rõ về tài sản gắn liền với đất, thửa đất có tài sản nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, quyền sử dụng đất;

2.3. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

2.4. Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

**ĐIỀU 7**

**ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG**

Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

**Bên A**



GIÁM ĐỐC  
*Võ Văn Thắng*

**Bên B**



*Nguyễn Thị Lê*

TINA  
CÔNG  
CHỨ  
02  
★ 19

# LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 03 tháng 9 năm 2020 tại Phòng công chứng số 2 tỉnh Quảng Trị  
tôi Lê Văn Diễm, Công chứng viên, Phòng Công chứng số 2 tỉnh Quảng Trị,

## CHỨNG NHẬN:

- Hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất được giao kết giữa bên A là:

### CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SẠCH NESVIET

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Lập Thành, xã Đông Xuân, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Giấy chứng nhận ĐKDN số: 0106565842 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 24/12/2019

- Do ông: **Võ Văn Thắng**, Chức vụ: **Giám đốc**, làm đại diện

- Sinh ngày: 20/5/1973 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

- CCCD số: 040 073 000 122 cấp ngày 22/3/2016 tại Cục cảnh sát ĐKDL cư trú và DLQG về dân cư

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 25 Ngách 352/15 đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

với bên B là:

### DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LỆ DUNG

- Địa chỉ trụ sở chính: Km 65 Quốc Lộ 9, Khóm 3A, Thị trấn Khe Sanh, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị

- Giấy chứng nhận ĐKDN số: 3200305283 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 12/10/2011

- Do ông: **Nguyễn Thị Lệ**, Chức vụ: **Chủ doanh nghiệp**, làm đại diện

- Sinh ngày: 18/5/1970 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

- CMND số: 191 049 270 cấp ngày 11/5/2017 tại CA Quảng Trị

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm 3A, Thị trấn Khe Sanh, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị

- Các bên đã tự nguyện thoả thuận giao kết hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của hợp đồng này;

- Tại thời điểm công chứng, các bên đã giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Mục đích, nội dung thoả thuận của các bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

- Các bên đã đọc lại toàn bộ nội dung của dự thảo Hợp đồng, cùng nhất trí ký tên và đóng dấu vào Hợp đồng này trước sự có mặt của tôi;

- Hợp đồng này được làm thành 06 bản chính (mỗi bản chính gồm 05 tờ, 05 trang), giao cho: + Bên A 01 bản chính; + Bên B 04 bản chính;

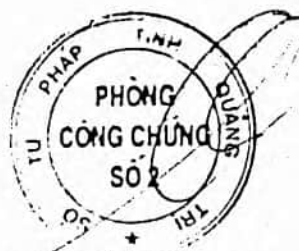
Lưu tại Phòng Công chứng số 2 một bản chính.

CIT: Số: 2567 quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD.

SCT/ES

Ngày 03/09/2020 nam 20...

CÔNG CHỨNG VIÊN



Lê Văn Diễm



Lê Văn Diễm

- a) Thửa đất số: 181 ; Tờ bản đồ số: 41  
 b) Địa chỉ: Thôn Cọp, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị  
 c) Diện tích: 14.374 m<sup>2</sup>  
 (Bảng chữ: Mười bốn ngàn ba trăm bảy mươi bốn mét vuông)  
 d) Hình thức sử dụng: + Riêng: 14.374 m<sup>2</sup>  
 + Chung: không  
 đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp  
 e) Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 16/5/2055  
 g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

2. Nhà ở: -/

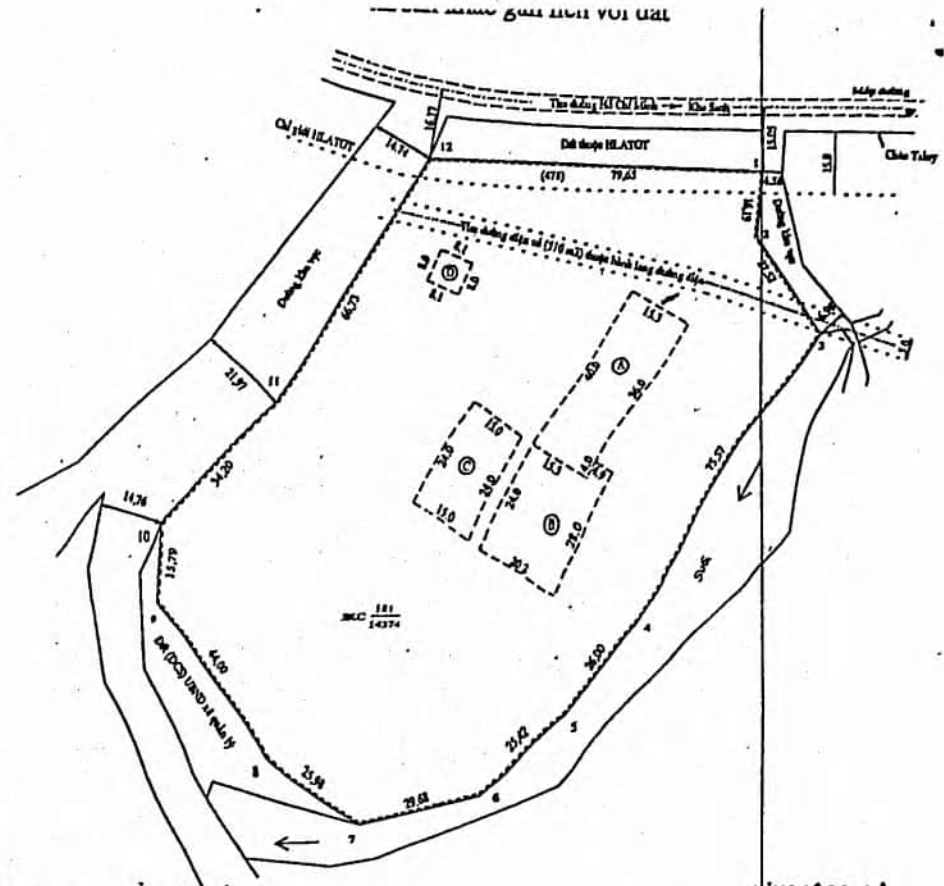
3. Công trình xây dựng khác: Nhà máy chế biến cà phê

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )	Diện tích sàn (m <sup>2</sup> ) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà máy sát quả tươi	612,0	612,0	Sở hữu riêng	III	-/
Nhà máy sấy tĩnh	504,0	504,0	Sở hữu riêng	III	-/
Nhà máy sấy trồng quay	360,0	360,0	Sở hữu riêng	IV	-/
Nhà phục vụ công nhân	64,8	64,8	Sở hữu riêng	IV	-/

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/

5. Cây lâu năm: -/

6. Ghi chú: Thửa đất có 478 m<sup>2</sup> đất thuộc hành lang an toàn đường Hồ Chí Minh và 510 m<sup>2</sup> đất thuộc hành lang an toàn lưới điện, Công ty Cổ phần thực phẩm sạch NesViet sử dụng đất phải tuân thủ các quy định về bảo vệ hành lang an toàn giao thông và đường điện.



CHUNG THỰC Y SAO ĐÀN CHÍNH  
 Số: 11.94.01 SCT/BS

Ngày 03-09-2020 năm 20

CÔNG CHỨNG VIỆN

CHỈ CHỮ

- Ranh giới thửa đất hiện có:
- Ranh giới thửa đất cấp giấy:
- Chỉ giới hành lang ATGT:
- - - - - Ranh giới xây dựng:
- - - - - Công trình xây dựng:
- ⊙ Nhà máy sát hoa quả tươi
- ⊙ Nhà sấy tĩnh
- ⊙ Nhà sấy trồng quay
- ⊙ Nhà phục vụ công nhân

BẢNG KÊ TOA ĐỘ (Theo hệ tọa độ VN-2000)

Số hiệu Đỉnh thửa	X (m)	Y (m)	S (m)
1	1810486.280	539388.250	
2	1810470.120	539387.220	16,19
3	1810447.820	539403.350	27,52
4	1810383.260	539364.070	75,57
5	1810363.240	539347.480	26,00
6	1810347.930	539327.190	25,42
7	1810341.290	539298.260	29,68
8	1810354.760	539276.040	25,98
9	1810390.100	539249.830	44,00
10	1810405.870	539250.550	15,79
11	1810429.440	539275.330	34,20
12	1810487.280	539308.610	66,73
1	1810486.280	539388.250	79,65

Quảng Trị, ngày 01 tháng 9 năm 2020  
 SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG QUẢNG TRỊ

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 2  
 GIÁM ĐỐC  
 PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
 QUẢNG TRỊ

Võ Quốc Hoàng

Lê Văn Diễm

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3143** /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **02** tháng **11** năm 2020

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu hồi đất để cho Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại và Dịch vụ  
Lệ Dung thuê đất tiếp tục thực hiện dự án: Nhà máy chế biến cà phê**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;*

*Xét hồ sơ xin thuê đất của Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại và Dịch vụ Lệ Dung và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3360/TTr-STNMT ngày 22 tháng 10 năm 2020.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thu hồi 14.374m<sup>2</sup> đất của Công ty Cổ phần thực phẩm NesViet (được UBND tỉnh cho thuê đất theo Quyết định số 2361/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 và cấp giấy chứng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 991604 ngày 01/9/2020); thuộc thửa số 181 - tờ bản đồ số địa chính số 41 của xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa.

- Lý do thu hồi: Công ty Cổ phần thực phẩm NesViet đã chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê cho Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại và Dịch vụ Lệ Dung.

- Vị trí, ranh giới khu đất thu hồi được xác định theo bản đồ thửa đất, tỷ lệ 1/1.000 do Công ty TNHH MTV Tư vấn đo đạc bản đồ Tiến Phát lập ngày 09/10/2020, được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 22/10/2020.

**Điều 2.** Cho Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại và Dịch vụ Lệ Dung thuê 14.374m<sup>2</sup> đất (được thu hồi tại Điều 1 của Quyết định này), thuộc thửa số 181, tờ bản đồ số địa chính số 41 của xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa để tiếp tục thực hiện dự án: Nhà máy chế biến cà phê.

- Thời hạn thuê đất: Đến ngày 16 tháng 5 năm 2055.

- Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

- Vị trí, ranh giới khu đất thuê đất được xác định theo bản đồ thửa đất, tỷ lệ 1/1.000 do Công ty TNHH MTV Tư vấn đo đạc bản đồ Tiến Phát lập ngày 09/10/2020, được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 22/10/2020.

\* Trong thửa đất thuê có 510m<sup>2</sup> đất nằm trong hành lang lưới điện cao áp và 478m<sup>2</sup> đất nằm trong hành lang an toàn giao thông, Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại và Dịch vụ Lệ Dung sử dụng đất phải tuân thủ các quy định về hành lang lưới điện và không được xây dựng công trình trong phạm vi hành lang an toàn giao thông.

**Điều 3.** Giao nhiệm vụ cho các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Ký hợp đồng thuê đất với Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại và Dịch vụ Lệ Dung;

- Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định cho thuê đất, tổ chức bàn giao trên thực địa cho Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại và Dịch vụ Lệ Dung sử dụng.

2. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định; thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 991604 (bản gốc) đã cấp cho Công ty Cổ phần thực phẩm NesViet và chuyển thông tin sang cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

3. Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Trang thông tin điện tử tỉnh.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Hướng Hóa, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, Chủ tịch UBND xã Hướng Phùng, Giám đốc Công ty Cổ phần thực phẩm sạch NesViet, Giám đốc Doanh nghiệp Tư nhân Thương mại và Dịch vụ Lệ Dung và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Trung tâm tin học tỉnh;
- Lưu: VT, TN. *lc*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hà Sỹ Đông**

Số: 55/QĐ-QLNLTS

Quảng Trị, ngày 15 tháng 11 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

### CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN QUẢNG TRỊ

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-SNN ngày 25/8/2016 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản;

Căn cứ Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ kết quả thẩm định điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm của đoàn thẩm định thực hiện tại cơ sở ngày 16/10/2022 và hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm của Doanh nghiệp tư nhân thương mại và dịch vụ Lê Dung;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý chất lượng.

### QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định công nhận cơ sở dưới đây:

- Tên cơ sở: Doanh nghiệp tư nhân thương mại và dịch vụ Lê Dung
- Đại diện cơ sở: bà Nguyễn Thị Lệ – Chủ cơ sở
- Mã số: 3200305283
- Địa chỉ trụ sở chính: 191 Lê Duẩn, TT. Khe Sanh, Hướng Hóa, Quảng Trị
- Địa chỉ sản xuất: Km 19, thôn Cọp, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị
- Điện thoại: 0383593470

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong: chế biến cà phê thóc

(kèm theo Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm số 114/2022/NNPTNT-QT cấp ngày 15/11/2022).



Điều 2. Chủ cơ sở phải thực hiện các quy định pháp luật liên quan về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm trong chế biến cà phê.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng phòng Quản lý chất lượng, bà Nguyễn Thị Lệ – Chủ cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Chi cục trưởng;
- Lưu: VT, QLCL.

CHI CỤC TRƯỞNG

Ký bởi: Lê Thị Ngọc Diệp  
Cơ quan: Tỉnh Quảng Trị



Ngày 20-03-2024.  
Số chứng thực: 908... Quyền số: 01.SCT/BS

CÔNG CHỨNG VIÊN

Lê Thị Ngọc Diệp



Lê Văn Diễm



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN  
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM  
CERTIFICATE  
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN QUẢNG TRỊ  
CHỨNG NHẬN

Cơ sở *Establishment*: Doanh nghiệp tư nhân thương mại và dịch vụ Lê Dung

Mã số *Approval number*: 3200305283

Địa chỉ trụ sở chính/*office address*: 191 Lê Duẩn, TT. Khe Sanh, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị

Địa chỉ sản xuất/*production address*: Km19, thôn Cọp, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị

Điện thoại *Tel*: 0383593470

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:  
*Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:*  
Chế biến cà phê thóc

Số cấp *Number*: 114/2022/NNPTNT-QT

Có hiệu lực đến ngày 15 tháng 11 năm 2025

*Valid until date 15 month 11 year 2025*

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 20-03-2024

Số chứng thực: 908 Quyển số: QĐ/BS

CÔNG CHỨNG VIÊN



Quảng Trị, ngày 15 tháng 11 năm 2022

CHI CỤC TRƯỞNG

Ký bởi: Lê Thị Ngọc Diệp  
Cơ quan: Tỉnh Quảng Trị



Lê Thị Ngọc Diệp

Lê Văn Diễm



## BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Hồi 09 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 11 năm 2024 tại: Km19, thôn Cọp, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

### I. Chúng tôi gồm:

1. Phòng Cảnh sát Kinh tế:

- Ông: Trần Xuân Phương Chức vụ: Phó Đội trưởng.  
- Ông: Hoàng Thanh Đăng Chức vụ: Cán bộ

2. Đại diện Doanh nghiệp tư nhân thương mại và dịch vụ Lê Dung:

- Bà: Nguyễn Thị Lệ Chức vụ: Giám đốc.

### II. Nội dung

1. Doanh nghiệp tư nhân thương mại và dịch vụ Lê Dung cung cấp hồ sơ, thông tin theo nội dung công văn số 1154/PC03 ngày 25/11/2024 gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp tư nhân, mã số doanh nghiệp 3200305283
- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm số 114/2022/NNPTNT-QT do Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản Quảng Trị chứng nhận, có giá trị đến ngày 15/11/2025.
- Hợp đồng kinh tế số 0506/2024-XLNT/LD-ETN về việc cung cấp và thi công lắp đặt cải tạo, nâng cấp thiết bị công nghệ hệ thống xử lý nước thải, công suất 120m<sup>3</sup>/ ngày đêm.
- Hợp đồng thuê đất số 124, thời hạn thuê đến ngày 16/5/2055
- Biên bản kiểm tra chất lượng thu mua và chế biến cà phê quả tươi trên địa bàn huyện Hướng Hóa số 01/BB-TKT của tổ công tác liên ngành kiểm tra chất lượng cà phê ngày 30/10/2024.
- Nguồn nước sử dụng cho sản xuất, chế biến cà phê là nước suối, với khối lượng khoảng 100m<sup>3</sup>/24 giờ.
- Tiền thuê đất một năm 20 triệu đồng; tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp là 6,827 triệu/năm.

\* Hiện nay Doanh nghiệp Lê Dung đang tạm ngừng sản xuất, chế biến cà phê do đã hết mùa vụ. Doanh nghiệp cam kết hoàn thành giấy phép môi trường trong năm 2024 theo đúng quy định.

## 2. Ý kiến của Phòng PC03

### \* Yêu cầu cơ sở:

- Chấp hành nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất, chế biến cà phê. Đến năm 2025 phải có giấy phép môi trường trước khi đi vào hoạt động,

- Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến cà phê.

- Thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các nghĩa vụ về thuế, phí của Doanh nghiệp trong quá trình hoạt động.

3. Ý kiến của Doanh nghiệp Lê Dung: Đồng ý với nội dung biên bản, không có ý kiến gì thêm. Cam đoan chấp hành đúng các yêu cầu trong quá trình sản xuất, chế biến.

Biên bản lập xong hồi 11 giờ 00 cùng ngày và đã được đọc lại cho những người có tên trên cùng nghe, xác nhận đúng và ký tên./.



**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**

**Hoàng Thanh Đăng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN HƯỚNG HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1312/UBND-NNMT  
V/v xác nhận việc khai thác nước  
dưới đất của DNTN Thương mại  
và Dịch vụ Lệ Dung

Hướng Hóa, ngày 06 tháng 6 năm 2025

Kính gửi: Doanh nghiệp tư nhân Thương mại và Dịch vụ Lệ Dung

UBND huyện Hướng Hóa nhận được Tờ khai của DNTN Thương mại và Dịch vụ Lệ Dung đăng ký công trình khai thác nước dưới đất của Nhà máy chế biến cà phê quả tươi tại thôn Cọp, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hoá. Qua kiểm tra thực địa và nội dung Tờ khai, UBND huyện Hướng Hóa có ý kiến như sau:

1. Tư cách pháp nhân của DNTN Thương mại và Dịch vụ Lệ Dung xin đăng ký là đúng.

2. Theo Tờ khai của DNTN Thương mại và Dịch vụ Lệ Dung có đầu tư, xây dựng 01 giếng khoan để khai thác nước dưới đất ở Nhà máy chế biến cà phê quả tươi tại thôn Cọp, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hoá với mục đích để sinh hoạt, công suất khai thác của giếng là 2,0 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Qua kiểm tra UBND huyện Hướng Hóa xác nhận việc kê khai đăng ký khai thác nước dưới đất của Công ty là đúng. Tuy nhiên, nếu sau này nhu cầu sử dụng nước từ công trình khai thác nước dưới đất có công suất từ 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm trở lên, yêu cầu DNTN Thương mại và Dịch vụ Lệ Dung phải lập hồ sơ xin phép khai thác nước dưới đất theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp DNTN Thương mại và Dịch vụ Lệ Dung không còn sử dụng công trình khai thác nước dưới đất thì thông báo trực tiếp và trả tờ khai cho cơ quan tiếp nhận quản lý; thực hiện việc trám, lấp giếng theo quy định khi không còn sử dụng công trình khai thác nước dưới đất, thông báo ngay cho cơ quan quản lý khi có sự cố nghiêm trọng xảy ra trong quá trình khai thác nước dưới đất tại công trình đăng ký.

Vậy, UBND huyện Hướng Hóa trả lời để DNTN Thương mại và Dịch vụ Lệ Dung biết, tổ chức thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Phòng Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Hướng Phùng;
- CVP, PCVP, CV;
- Lưu: VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: 5A.4.-2025/HĐKT-CTNH

- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 09 năm 2025

Hợp đồng ("Hợp đồng") thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải này được lập giữa:

**Bên A** : DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LỆ DUNG  
(Đơn vị chủ nguồn thải chất thải)

Địa chỉ : Km 65 Quốc lộ 9, Khóm 3A, Xã Khe Sanh, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

Mã số thuế : 3200305283

Tài khoản ngân hàng : .....

Điện thoại / FAX : ..... Fax: .....

Người đại diện : NGUYỄN THỊ LỆ

Chức vụ : Giám đốc

**Bên B** : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG AN SINH  
(Đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải)

Địa chỉ : Tổ 1, phường Kiến An, TP.Hải Phòng, Việt Nam

Mã số thuế : 0200 576 224

Tài khoản ngân hàng : 021 0101 1000 336 - TMCP Hàng Hải Việt Nam, CN Hải Phòng, phòng giao dịch An Dương.

2101 201 003 621 - Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh Hải Phòng, phòng giao dịch Ngô Quyền.

118 002 774 316 - TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Bắc Đà Nẵng

Địa chỉ NM xử lý : Thôn Phú Hải, xã Đại Lộc, TP. Đà Nẵng

Điện thoại / FAX : 0235 376 2986 / 02353 376 2987

Địa chỉ Email : [ansinhmtqn@gmail.com](mailto:ansinhmtqn@gmail.com)

Người đại diện : Ông NGUYỄN VĂN THÀNH

Chức vụ : Giám đốc

Sau đây bên A và bên B được gọi chung là "Hai Bên", "Các Bên" và gọi riêng là "Bên".

Hai Bên thống nhất thỏa thuận nội dung Hợp đồng với các điều khoản sau:

**Điều 1: Nội dung công việc**

8.1. Bên A thuê Bên B và Bên B đồng ý nhận thực hiện thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải chất thải nguy hại ("CTNH") phát sinh trong quá trình hoạt động của Bên A từ nơi lưu chứa chất thải của bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải của bên B theo đúng các quy định pháp luật hiện hành về quản lý chất thải và phù hợp với tình hình thực tế của Bên A dựa trên Phương án thực hiện được Hai Bên thống nhất.

**Điều 2: Địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển, phương thức xử lý chất thải**

- 2.1. Bên A sẽ giao chất thải cho Bên B sau khi Hợp đồng có hiệu lực và Bên A đảm bảo đầy đủ các điều kiện về phương thức thanh toán và kế hoạch giao chất thải theo điều khoản Hợp đồng.
- Bên B tuyên bố và đảm bảo với Bên A rằng Bên B đã nhận được tất cả các giấy phép, phê duyệt, sự đồng ý, quyền và tiến hành tất cả các thủ tục cần thiết để cung cấp dịch vụ theo yêu cầu của bất kỳ luật hiện hành nào.
  - Bên B cam kết và đảm bảo với Bên A rằng Bên B có đủ năng lực thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý các chất thải tại **Điều 3** của Hợp đồng phù hợp quy định pháp luật hiện hành và Giấy phép xử lý CTNH mã số *QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.089.VX* của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Bên B.
- 2.2. Địa điểm giao nhận: Km19 thôn Cọp, xã Hướng Phùng, tỉnh Quảng Trị
- 2.3. Thời gian giao nhận:
- (i) Định kỳ hoặc theo nhu cầu của Bên A. Khi Bên A có thay đổi kế hoạch định kỳ, hoặc thông báo theo nhu cầu đều phải báo bằng *Email / Zalo / fax / điện thoại* cho Bên B trước ít nhất năm ngày (05) theo lịch để bố trí triển khai kế hoạch thực hiện;
  - (ii) Thu gom tại tất cả các địa điểm: 01 năm thu gom vận chuyển 01 lần bên A phải báo trước bằng điện thoại, email, fax trước 05 (năm) ngày.
  - (iii) Đầu mối liên hệ của Bên B:
    - Số điện thoại: 02353 762 986
    - Email: [ansinhmtqn@gmail.com](mailto:ansinhmtqn@gmail.com)
- 2.4. Phương thức giao nhận: tại kho lưu trữ chất thải của Bên A. Hai Bên xác định danh mục mã chất thải, khối lượng đối với từng mã chất thải, lập *biên bản giao nhận khối lượng chất thải* cho từng chuyến và hoặc cho mỗi lần hay đợt thu gom và được ký bởi người được ủy quyền hoặc đại diện có thẩm quyền của Hai Bên, là căn cứ lập chứng từ CTNH làm cơ sở cho việc thanh toán, quyết toán theo Hợp đồng và quản lý CTNH.
- Người được ủy quyền của Bên B là đầu mối liên hệ nêu trên hoặc lái xe đi thu gom, vận chuyển và hoặc một người khác được Bên B thông báo với Bên A bằng *văn bản / Email / Zalo* là căn cứ xác nhận người của bên B đến thu gom, giao nhận.
- 2.5. Phương tiện, thiết bị thu gom, vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện, thiết bị thu gom, vận chuyển chuyên dụng phù hợp quy định pháp luật hiện hành.
- 2.6. Địa điểm thực hiện lưu giữ và phương thức xử lý chất thải: toàn bộ chất thải của Bên A giao cho Bên B được lưu giữ và xử lý tuân thủ đúng nội dung ghi trong Giấy phép xử lý CTNH nêu tại **mục 2.1 Điều 2** và theo quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 3: Đơn giá, thanh toán**

- 3.1. Đơn giá thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải tính bằng đồng tiền Việt Nam (“VND”) **chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (“GTGT”)** theo quy định hiện hành được liệt kê dưới đây:

**Bảng 1: Tần suất thu gom; Đơn giá khoán xử lý chất thải**

TT	Danh mục chất thải	Mã CTNH	Trạng thái	ĐVT	Số lượng (Kg/ Lần)	Đơn giá xử lý (VNĐ/lần)
1	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	Kg		
2	Ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	Kg		
3	Pin thải	19 06 02	Rắn	Kg		

4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải, bóng đèn led thải	16 01 13	Rắn	Kg	≤ 100	8.000.000
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	Kg		
6	Chất hấp thụ, giẻ lau chứa các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	Kg		
7	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	Kg		
8	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	15 01 02	Rắn	Kg		
9	Thủy tinh thải nhiễm các thành phần nguy hại	11 02 01	Rắn	Kg		
10	Các loại chất thải nguy hại khác nằm trong danh mục Công ty TNHH TM&XD An Sinh được phép xử lý	Rắn/lỏng/bùn				

- Nếu khách hàng thực hiện thu gom CTNH vượt quá số kg quy định khoán thì sẽ tính thêm lượng chất thải vượt là: 15.000 VNĐ/kg.

- Đơn giá trên có thể được điều chỉnh và hoặc khi Bên A phát sinh chất thải mới thông qua sự đàm phán nhất trí của Hai Bên được ký thành Phụ lục điều chỉnh của Hợp đồng và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

- 3.2. Ngay sau khi Hợp đồng được ký và hoặc khi đến kỳ thu gom chất thải theo **Điều 2** của Hợp đồng, và ngay cả khi Bên A không phát sinh chất thải hoặc không yêu cầu thu gom chất thải theo Hợp đồng, Bên A phải thực hiện thanh toán 100% giá trị theo **mục 3.1 Điều 3** của Hợp đồng và không được nhận hoàn lại, đây là khoản chi phí duy trì và bảo lãnh Hợp đồng. Bên B sẽ phát hành bộ chứng từ chất thải nếu có thu gom, xử lý theo quy định gửi Bên A lưu, và phát hành hóa đơn điện tử gửi Bên A thanh toán tiền cho Bên B.
- 3.3. Ngày hai năm (25) hàng tháng với Hợp đồng thu gom thường xuyên, với Hợp đồng không thường xuyên tùy tần suất thu gom ngày hai năm (25) của tháng cuối quý hoặc kỳ thu gom; Bên B lập **Bảng tổng hợp khối lượng và giá trị chất thải thu gom trong kỳ** để Hai Bên đối chiếu và ký xác nhận hoặc Bên A xác nhận qua Email làm cơ sở thanh toán.
- 3.4. Sau khi kết thúc mỗi lần hay đợt thu gom, căn cứ vào **Biên bản giao nhận khối lượng chất thải hoặc Bảng tổng hợp khối lượng và giá trị chất thải thu gom trong kỳ** được ký bởi Hai Bên hoặc xác nhận qua Email hoặc Zalo bởi Bên A, Bên B sẽ phát hành hóa đơn điện tử cho Bên A theo quy định hiện hành và gửi vào Email của Bên A đã cung cấp trong Hợp đồng, Bên A sau khi nhận được hóa đơn điện tử có trách nhiệm kiểm tra các thông tin trên hóa đơn. Trường hợp có khiếu nại về thông tin của hóa đơn thì Bên A phải phản hồi với Bên B chậm nhất trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày xuất hóa đơn để Hai Bên phối hợp giải quyết. Vượt quá thời gian nêu trên được coi như Bên A thống nhất với thông tin trên hóa đơn do Bên B xuất.
- 3.5. Hình thức, thời gian thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ hóa đơn tài chính cùng bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ từ Bên B gửi và hoặc chuyển đến.

- Nếu Bên A thanh toán chậm hơn thời hạn quy định thì Bên A phải thanh toán thêm cho Bên B theo mức lãi suất chậm thanh toán áp dụng mức lãi suất tín dụng cho vay quá hạn của Ngân hàng Nhà

nước Việt Nam quy định kể từ ngày Bên A vi phạm thời hạn thanh toán cho tới ngày Bên A thanh toán đầy đủ các khoản nợ cho Bên B. Tuy nhiên, thời hạn chậm thanh toán tối đa cũng không quá bốn lăm (45) ngày trừ trường hợp bất khả kháng tại **Điều 5**, nếu quá hạn thời hạn này Bên A phải chịu lãi phạt theo mức lãi suất Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hoặc theo thỏa thuận khác giữa Hai Bên bằng văn bản.

- Hồ sơ thanh toán hợp lệ gồm: (a) Công văn đề nghị thanh toán của Bên B; (b) hóa đơn GTGT điện tử.

- Hình thức thanh toán bao gồm tiền mặt và hoặc chuyển khoản hoặc các hình thức khác theo quy định pháp luật

- 3.6. Định kỳ Bên B gửi cho Bên A đối chiếu công nợ nếu có và Bên A có trách nhiệm kiểm tra, ký xác nhận số liệu. Sau 10 ngày theo lịch kể từ ngày Bên B gửi đối chiếu công nợ mà không nhận được bất cứ sự phản hồi nào của Bên A thì được coi như Hai Bên đã thống nhất số liệu công nợ và làm cơ sở để xác định quyền lợi, nghĩa vụ thanh toán của Các Bên.
- 3.7. Việc hạch toán các khoản thanh toán của Bên A cho Bên B, áp dụng cho tất cả các Hợp đồng đang thực hiện giữa Hai Bên, sẽ tự động theo nguyên tắc hạch toán khấu trừ vào hóa đơn có nghĩa vụ thanh toán đến trước trừ khi có thông báo bằng văn bản của Bên B.

#### **Điều 4: Trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn Hai Bên**

##### **4.1. Trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Bên A:**

- (i) Có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên B theo **Điều 3** của Hợp đồng này;
- (ii) Có trách nhiệm cung cấp cho Bên B thành phần của loại chất thải, hồ sơ chất thải, sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải hoặc sổ cam kết bảo vệ môi trường và hoặc giấy phép môi trường. Xác nhận thông tin, ký tên, đóng dấu và chuyển giao lại chứng từ chuyển giao CTNH cho Bên B theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường có hiệu lực thi hành từ ngày 10/01/2022;
- (iii) Tại mỗi địa điểm thu gom, trước khi giao cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại, bảo quản và lưu chứa chất thải trong thiết bị, bao bì lưu chứa phù hợp quy định theo từng loại riêng biệt theo đúng quy định pháp luật và tập trung tại một điểm duy nhất. Cử cán bộ hướng dẫn và xác nhận khối lượng chất thải, CTNH thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý bằng *biên bản giao nhận khối lượng chất thải* với Bên B để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng chất thải, thanh toán và quyết toán Hợp đồng;
- (iv) Có trách nhiệm bàn giao chất thải, CTNH đúng thời hạn Hợp đồng và đúng quy định về lưu chứa tại Thông tư nêu trên, quy định pháp luật. Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các chất thải không bàn giao cho Bên B thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý; hoặc để lẫn CTNH không có trong danh mục trong Hợp đồng;
- (v) Tạo điều kiện cho bên B trong việc thu gom, vận chuyển chất thải trong phạm vi của Bên A, hỗ trợ phương tiện và công nhân vận hành bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển cùng Bên B. Trường hợp có quy định riêng hoặc khác biệt thì phải thông báo trước cho Bên B chuẩn bị;
- (vi) Ký xác nhận và chuyển giao đầy đủ cho Bên B bộ chứng từ CTNH sau mỗi lần hay đợt Bên B đến thu gom, vận chuyển CTNH theo đúng quy định tại Thông tư nêu trên, quy định pháp luật; và
- (vii) Bên A có quyền kiểm tra, giám sát quá trình cân đo khối lượng CTNH của mình, việc giám sát, kiểm tra này không làm ảnh hưởng đến các hoạt động thu gom của Bên B.

##### **4.2. Trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Bên B:**

- (i) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tư cách pháp nhân và hồ sơ pháp lý trong việc ký Hợp đồng và thực hiện thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải, CTNH;
- (ii) Hướng dẫn bên A phân loại, bảo quản và lưu chứa chất thải trong thiết bị, bao bì lưu chứa phù hợp theo từng loại riêng biệt đúng quy định pháp luật;

- (iii) Có quyền từ chối tiếp nhận, vận chuyển các loại chất thải, CTNH không nằm trong danh mục được quy định trong Hợp đồng cũng như chất thải, CTNH chưa được lưu chứa phù hợp, hoặc khi Bên A không cử người bàn giao và lập *biên bản giao nhận khối lượng chất thải*
- (iv) Phối hợp cùng Bên A ký nghiệm thu khối lượng (nếu khách yêu cầu), hoàn thành phát hành một (01) bộ chứng từ CTNH tại mỗi lần hay đợt thu gom theo đúng quy định. Bàn giao lại bộ chứng từ chất thải, CTNH đã hoàn thành xử lý xong theo đúng quy định tại Thông tư nêu trên, quy định pháp luật cho Bên A khi Bên A đã thanh toán xong hết giá trị của hóa đơn GTGT do Bên B phát hành trong kỳ thu gom;
- (v) Bốc xếp, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải, CTNH đúng địa điểm và thời gian quy định, bảo đảm thời gian và chất lượng công việc, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường trong toàn bộ quá trình thu gom. Hoàn toàn chịu trách nhiệm về an toàn lao động đối với người và tài sản của mình, của Bên A và Bên thứ ba khác trong quá trình thực hiện công việc. Những nhân công và phương tiện vận chuyển phải chấp hành nội quy vào – ra, chấp hành sự hướng dẫn và kiểm tra của bộ phận bảo vệ hay an ninh của Bên A; và
- (vi) Xuất hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A theo Hợp đồng hoặc dựa theo *Biên bản giao nhận khối lượng chất thải và hoặc Bảng tổng hợp khối lượng và giá trị chất thải thu gom trong kỳ được ký bởi Hai Bên hoặc xác nhận qua Email / Zalo bởi Bên A*

## **Điều 5: Bất khả kháng**

- 5.1. Việc bất cứ Bên nào không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các điều khoản của Hợp đồng, sẽ không là căn cứ cho bất kỳ khiếu nại nào của Bên này chống lại hay chấm dứt Hợp đồng với Bên kia nếu các vấn đề trên bắt nguồn từ các trường hợp bất khả kháng. **Sự kiện bất khả kháng** có nghĩa là một sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát hợp lý của một Bên, không dự đoán và không lường trước được hoặc không khắc phục được bao gồm và nhưng không giới hạn bởi: thiên tai hay thảm họa tự nhiên, bệnh dịch và cách ly bệnh dịch, chiến tranh và nội chiến và các sự kiện tương tự, nổi loạn, hỏa hoạn, đình công, các hành động hoặc ưu tiên hoặc phân bổ của Chính phủ, và hoặc bất cứ nguyên do nào khác vượt quá khả năng kiểm soát của Bên đó
- 5.2. Hai Bên cam kết sẽ cố gắng khắc phục ảnh hưởng của tình trạng bất khả kháng và trường hợp miễn trừ trách nhiệm một cách sớm nhất để có thể tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng
- 5.3. Không Bên nào phải chịu trách nhiệm hoặc bị coi là có trách nhiệm về việc chậm trễ hay gián đoạn thực hiện nghĩa vụ được quy định trong Hợp đồng nếu Bên đó bị ngăn cản hoặc chậm trễ trong việc thực hiện nghĩa vụ của mình bởi Sự kiện bất khả kháng, với điều kiện và phải:
  - (i) Bên bị ảnh hưởng ("**Bên Bị ảnh hưởng**") tuyên bố rằng sự kiện bất khả kháng đã xảy ra phải thông báo cho Bên kia ngay lập tức bằng Email và thư bưu điện theo địa chỉ đã đăng ký, và hoặc chuyển phát nhanh đến địa chỉ được đề cập trong Hợp đồng trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng đầu tiên với đầy đủ thông tin chi tiết về sự kiện đó bao gồm ngày xảy ra lần đầu tiên, về nguyên nhân hoặc sự kiện được đưa ra với bằng chứng thỏa đáng và phù hợp; và
  - (ii) Bên Bị ảnh hưởng phải sử dụng các nỗ lực hợp lý của mình để tránh và giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của Sự kiện bất khả kháng khi thực hiện Hợp đồng và thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng;
- 5.4. Những vướng mắc phát sinh do Sự kiện bất khả kháng sẽ được thương lượng giải quyết sao cho việc thực hiện Hợp đồng có thể được tiếp tục một cách hợp lý. Tuy nhiên, nếu Sự kiện bất khả kháng kéo dài hơn ba mươi (30) ngày mà Các Bên không đạt được kết quả thương lượng, thì mỗi Bên đều có quyền chấm dứt Hợp đồng.

## **Điều 6: Chấm dứt hợp đồng**

### **6.1. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng:**

- (i) Mỗi Bên có thể chấm dứt Hợp đồng bất cứ lúc nào bằng cách gửi thông báo bằng văn bản trước ba mươi (30) ngày cho Bên kia. Trong trường hợp này, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B phần Dịch vụ đã thực hiện và các công việc đang thực hiện tại thời điểm chấm dứt.

## **6.2. Dừng, chấm dứt Hợp đồng có lý do:**

- (i) Mỗi Bên có thể dừng, chấm dứt Hợp đồng khi xảy ra các trường hợp sau:
  - Thay đổi đơn giá hay có sự thay đổi về thành phần chất thải so với Hợp đồng mà Hai Bên chưa và hoặc không thỏa thuận bổ sung được một đơn giá mới;
  - Theo **mục 5.4 Điều 5** của Hợp đồng;
  - Nếu một Bên vi phạm nghĩa vụ, tuyên bố hoặc cam kết quan trọng theo Hợp đồng, Bên không vi phạm sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên kia, nêu chi tiết tính chất và mức độ của vi phạm. Trừ khi Bên vi phạm khắc phục vi phạm trong vòng ba mươi (30) ngày sau ngày thông báo vi phạm. Bên không vi phạm sẽ có quyền chấm dứt Hợp đồng bằng một văn bản thông báo có hiệu lực ngay lập tức; hoặc
  - Nếu (a) một Bên nộp đơn xin phá sản hoặc bị tuyên bố phá sản; (b) một đơn yêu cầu tuyên phá sản được nộp chống lại một Bên; (c) một Bên bị vỡ nợ hoặc phải chuyển nhượng vì lợi ích của chủ nợ hoặc có thỏa thuận vì lợi ích của chủ nợ theo bất kỳ luật phá sản nào; (d) một Bên sát nhập, kết hợp, liên kết hoặc hợp nhất với bất kỳ một chủ thể nào khác, hoặc có sự thay đổi đáng kể đối với quyền sở hữu hoặc kiểm soát của Bên đó; hoặc (e) một Bên chấm dứt hoạt động kinh doanh, thì Bên kia có quyền chấm dứt Hợp đồng bằng một văn bản thông báo có hiệu lực ngay lập tức;
- (ii) Nếu Hợp đồng bị Bên A chấm dứt theo **mục 6.2.i Điều 6**, Bên A có quyền từ chối toàn bộ hoặc một phần dịch vụ mà Bên A không thể sử dụng được phần đó hoặc toàn bộ dịch vụ. Trong những trường hợp này, Bên A sẽ thanh toán cho phần dịch vụ đã được thực hiện mà không bị từ chối, và Bên B phải hoàn trả số tiền đã trả trước tương ứng cho phần dịch vụ bị từ chối;
- (iii) Nếu Hợp đồng bị Bên B chấm dứt theo **mục 6.2.i Điều 6**, Bên A phải thanh toán cho Bên B cho các dịch vụ đã thực hiện và các công việc đang tiến hành tại thời điểm chấm dứt;
- (iv) Bất kể việc chấm dứt Hợp đồng vì bất kỳ lý do gì dù là đơn phương chấm dứt được nêu tại **Điều 6.1** hoặc chấm dứt có lý do được nêu tại **Điều 6.2**, Bên A sẽ có tất cả các quyền theo Hợp đồng đối với bất kỳ phần nào của dịch vụ đã thanh toán phí; và
- (v) Sau khi Hợp đồng chấm dứt, mọi nghĩa vụ thanh toán của Bên A dù chưa đến hạn cũng được coi như đến hạn phải thanh toán và việc chấm dứt Hợp đồng không giải trừ cho Bên A nghĩa vụ phải thanh toán bất kỳ các khoản tiền nào còn nợ Bên B vào thời điểm chấm dứt Hợp đồng hoặc các nghĩa vụ khác từ Hợp đồng mà chưa hoàn thành

## **Điều 7: Giải quyết tranh chấp**

- 7.1. Hợp đồng sẽ được hiểu, giải thích và điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam hiện hành
- 7.2. Trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh hoặc liên quan đến Hợp đồng, tranh chấp sẽ được giải quyết cuối cùng bởi Tòa án có thẩm quyền nơi Bên B đăng ký trụ sở. Quyết định của Tòa án sẽ là quyết định cuối cùng và ràng buộc giữa Các Bên

## **Điều 8: Điều khoản chung**

- 8.1. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01/09/2025 đến 31/08/2026.
- 8.2. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng, chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng, nếu có vấn đề cần giải quyết, Hai Bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của Hai Bên.
- 8.3. Các sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung Hợp đồng phải được Các Bên thương lượng và thống nhất và chỉ có hiệu lực từ ngày ký hoặc ngày khác quy định cụ thể tại bản sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung đó và là một phần không thể tách rời của Hợp đồng. Bản sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung phải được hoàn thiện trước kỳ thu gom liên kế ít nhất ba mươi (30) ngày theo lịch. Việc sửa đổi, điều chỉnh hay bổ sung bằng lời nói không có giá trị ràng buộc Các Bên.

- 8.4. Không Bên nào được chuyển giao, trao lại hay chuyển nhượng bất cứ quyền hay nghĩa vụ nào của mình theo Hợp đồng nếu không được Bên kia đồng ý trước bằng văn bản, mà việc đồng ý này sẽ không bị từ chối hay trì hoãn một cách vô lý.
- 8.5. Tất cả các thông báo của một Bên gửi cho Bên kia phải bằng văn bản, và gửi bằng fax, thư bảo đảm hoặc Email, và được coi là đã chuyển giao vào ngày mà Bên kia thực sự nhận được thông báo.
- Các hồ sơ, tài liệu của Hợp đồng được Bên B gửi cho Bên A trực tiếp qua đường văn thư và gửi gián tiếp qua hộp thư Email của Bên A. Toàn bộ hồ sơ, tài liệu của Hợp đồng được trao đổi qua địa chỉ Email giữa Hai Bên sẽ có tính pháp lý như văn bản gốc.
  - Việc một Bên không thực hiện hoặc chậm thực hiện một quyền hay chế tài không được coi là Bên đó đã từ bỏ quyền hay chế tài đó, hay từ bỏ các quyền hay chế tài khác. Việc thực hiện chỉ một hay một phần quyền hay chế tài sẽ không ngăn việc thực hiện các quyền hay chế tài đó tiếp theo sau này, cũng như việc thực hiện quyền hay chế tài khác.
- Mỗi Bên đại diện và đảm bảo với Bên kia rằng:
- (i) Bên đó được thành lập hợp lệ, tồn tại hợp lệ và là doanh nghiệp đang ở trạng thái hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam;
  - (ii) Bên đó có đầy đủ quyền, năng lực và thẩm quyền để tham gia vào Hợp đồng;
  - (iii) Việc thực hiện Hợp đồng bởi người đại diện có chữ ký được nêu ở cuối Hợp đồng đã được ủy quyền hợp lệ bởi tất cả các hành động cần thiết;
  - (iv) Việc thực hiện, phân phối và triển khai Hợp đồng của Bên đó không và sẽ không vi phạm, dẫn đến vi phạm hoặc tạo thành một vi phạm đối với bất kỳ Hợp đồng nào mà Bên đó tham gia.
- 8.6. Chấp thuận chữ ký số:
- (i) Các Bên đồng ý rằng việc sử dụng chữ ký số trên tất cả các tài liệu liên quan đến giao dịch giữa Các Bên là được chấp thuận. Chữ ký số có hiệu lực tương đương với chữ ký viết tay trên các tài liệu và có hiệu lực thi hành đầy đủ theo quy định pháp luật;
  - (ii) Mỗi Bên cần đảm bảo rằng chữ ký số là chữ ký của người được ủy quyền và Bên đó sẽ chịu trách nhiệm về tính xác thực và chịu ràng buộc bởi các tài liệu được ký số. Không Bên nào được khước từ giá trị pháp lý của bất kỳ tài liệu nào chỉ với lý do duy nhất là tài liệu đó được ký bởi chữ ký số; và
  - (iii) Chữ ký số phải được chứng thực bởi Cơ quan cấp Chứng thư số hợp pháp của Việt Nam và được Các Bên chấp thuận
- 8.7. Hợp đồng này được lập thành bốn (04) bản gốc có giá trị pháp lý ngang nhau. Mỗi Bên giữ hai (02) bản./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN VỎ CÀ PHÊ

Hợp đồng số: ....05/2025- HĐMB

....., ngày 15 tháng 9 năm 2025

- Căn cứ Bộ luật Dân sự 2005;
- Căn cứ Luật thương mại 2005;
- Căn cứ vào đơn chào hàng, đặt hàng hoặc sự thực hiện thỏa thuận của hai bên).

Hôm nay, ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại địa điểm văn phòng công ty ...

Chúng tôi gồm:

**Bên A (Bên bán):**

Tên doanh nghiệp: DNTN TM VÀ DV LÊ DUNG

Địa chỉ: 191 Lê Duẩn, xã Khe Sanh, tỉnh Quảng Trị.

Điện thoại: 0339.074.868

MST: 3200305283

Tài khoản: 3907201002732

Mở tại ngân hàng: Agribank – NH NN VÀ PTNT VIỆT NAM - CN Hướng Hóa

Đại diện: Nguyễn Thị Lệ. Chức vụ: Giám đốc

**Bên B (Bên mua):**

Người bán Ông/Bà: NGUYỄN VĂN MẠNH

CMND hoặc CCCD: .....

Địa chỉ: Thôn Lợp xã Hướng Phùng

Điện thoại: 0398.065.145

Tài khoản: .....

Mở tại ngân hàng: .....

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Nội dung hàng hóa giao dịch

1. Bên A bán cho bên B:



6.1. Nếu có phát sinh tranh chấp, hai bên sẽ cùng nhau tìm hiểu nguyên nhân để đưa ra các giải pháp tốt nhất sao cho có lợi cho cả 2 bên. Trong trường hợp hai bên không thể giải quyết được mới đưa vụ tranh chấp ra tòa án dân sự tỉnh Quảng Trị để giải quyết. Phán xét cuối cùng của toàn án buộc 2 bên phải thực hiện.

Điều 7: Hiệu lực của hợp đồng:

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 01/10/2025 đến ngày 31/12/2025

Hai bên sẽ tổ chức họp và lập biên bản thanh lý hợp đồng này sau khi hết hiệu lực không quá 10 ngày. Trường hợp 2 bên đã đối chiếu thanh toán dứt điểm không còn công nợ giữa 2 bên thì hợp đồng coi như đã được thanh lý.


Hợp đồng này được làm thành 02 bản, có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)  
  
*Nguyễn Thị Lê*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

*Manh*  
*Nguyễn Văn Mạnh*  


**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày 02 tháng 12 năm 2025

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH  
VÀ BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

**Công trình:** Thiết kế, Cung cấp và Lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý khí thải, bụi lò đốt tại nhà máy sản xuất, chế biến cà phê Lệ Dung.

**Địa điểm:** Thôn Cọc, Xã Hướng Phùng, Tỉnh Quảng Trị.

**1. Thành phần tham gia nghiệm thu:**

**a. Chủ đầu tư: Doanh nghiệp tư nhân Thương mại và Dịch vụ Lệ Dung**

- |                     |                           |
|---------------------|---------------------------|
| - Bà: Nguyễn Thị Lê | Chức vụ: Chủ doanh nghiệp |
| - Ông/Bà:.....      | Chức vụ: .....            |

**b. Nhà thầu: Công ty TNHH Xây dựng và Môi trường 165**

- |                        |   |
|------------------------|---|
| - Ông: Phạm Bá Thắng   | Chức vụ: Giám đốc   |
| - Ông: Nguyễn Văn Khoa | Chức vụ: Chỉ huy trưởng công trình  |
| - Ông: Nguyễn Văn Nam  | Chức vụ: Kỹ thuật thi công lắp đặt thiết bị   |
| - Ông: Lê Đức Trung    | Chức vụ: Kỹ thuật thi công lắp đặt thiết bị   |
| - Ông: Nguyễn Đức Thọ  | Chức vụ: Kỹ thuật thi công lắp đặt thiết bị;<br>Kỹ thuật thi công điện              |
| - Ông: Trần Nho Nam    | Chức vụ: Kỹ thuật thi công lắp đặt thiết bị;<br>Phụ trách An toàn, vệ sinh lao động |
| - Ông: Ngô Văn Quang   | Chức vụ: Kỹ thuật vận hành thử nghiệm,<br>đào tạo và chuyển giao công nghệ          |

**2. Thời gian tiến hành nghiệm thu:**

- Bắt đầu: 8h30 ngày 02 tháng 12 năm 2025;
- Kết thúc: 10h30 ngày 02 tháng 12 năm 2025.
- Địa điểm: Nhà máy sản xuất, chế biến cà phê Lệ Dung tại Thôn Cọc, Xã Hướng Phùng, Tỉnh Quảng Trị.

**3. Đánh giá công trình:**

**a. Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:**

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu;
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, hồ sơ điều chỉnh thiết kế đã được Chủ đầu tư phê duyệt;
- Tiêu chuẩn, quy phạm xây dựng được áp dụng và tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật chuyên môn có liên quan đến đối tượng nghiệm thu;

- Hợp đồng kinh tế số 3007/2025/HĐKT ký ngày 30 tháng 7 năm 2025 giữa Doanh nghiệp tư nhân Thương mại và Dịch vụ Lê Dung với Công ty TNHH Xây dựng và Môi trường 165 về việc Thiết kế, Cung cấp và Lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý khí thải, bụi lò đốt tại nhà máy sản xuất, chế biến cà phê Lê Dung;

- Phụ lục điều chỉnh, bổ sung hợp đồng số 0909/2025/PLĐCBSHĐ ký ngày 09 tháng 9 năm 2025;

- Phụ lục điều chỉnh, bổ sung hợp đồng số 1311/2025/PLĐCBSHĐ ký ngày 13 tháng 11 năm 2025;

- Biên bản nghiệm thu hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công số 01/NT-TKBVTC ngày 07/8/2025;

- Biên bản nghiệm thu thiết bị trước khi lắp đặt số 02/NT-TBTKLĐ ngày 03/9/2025;

- Biên bản nghiệm thu lắp đặt toàn bộ hệ thống số 03/NT-LĐTBHT ngày 08/9/2025;

- Biên bản nghiệm thu hồ sơ điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công số 04/NT-ĐCTKBVTC ngày 13 tháng 11 năm 2025;

- Biên bản nghiệm thu thiết bị trước khi lắp đặt số 05/NT-TBTKLĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025;

- Biên bản nghiệm thu lắp đặt thiết bị số 06/NT-LĐTB ngày 02 tháng 12 năm 2025;

- Biên bản nghiệm thu vận hành thử nghiệm và đào tạo chuyển giao công nghệ số 07/NT-VHTN&ĐTCGCN ngày 02 tháng 12 năm 2025;

- Bản vẽ hoàn công;

- Nhật ký thi công, và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.

#### **b. Về tiến độ thi công:**

- Hoàn thành đúng tiến độ đề ra.

#### **c. Về công suất đưa vào vận hành:**

- Theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, hồ sơ điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công đã được Chủ đầu tư phê duyệt.

#### **d. Về đặc điểm biện pháp để bảo vệ an toàn lao động, an toàn phòng nổ, phòng cháy, chống ô nhiễm môi trường và an toàn sử dụng:**

- Theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, hồ sơ điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công đã được Chủ đầu tư phê duyệt.

#### **e. Về khối lượng thi công:**

- Theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, hồ sơ điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công đã được Chủ đầu tư phê duyệt, theo đúng hợp đồng và phụ lục điều chỉnh, bổ sung hợp đồng đã ký.

#### **g. Về chất lượng thi công:**

- Đảm bảo đúng theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, hồ sơ điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công đã được Chủ đầu tư phê duyệt.

#### **h. Các ý kiến khác (nếu có):**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....000.....

Biên bản số: 04

NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH VÀ BÀN GIAO  
ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Dự án: Nhà máy chế biến cà phê quả tươi Lệ Dung

Địa điểm: Km19, Thôn Cọp, xã Hướng Phùng, tỉnh Quảng Trị.

Hạng mục: Cung cấp, thi công hệ thống xử lý nước thải ứng dụng công nghệ SBR (Sequencing Batch Reactor) - Công suất 120 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

1. Công việc nghiệm thu: Cung cấp và thi công lắp đặt cải tạo, nâng cấp thiết bị công nghệ hệ thống xử lý nước thải - Công suất 120 m<sup>3</sup>/ngày.đêm cho Nhà máy chế biến cà phê quả tươi Lệ Dung với chất lượng nước thải đầu ra đảm bảo cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

2. Thành phần tham gia nghiệm thu:

BÊN A: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LỆ DUNG

- Ông/Bà: ...*NGUYỄN THỊ LỆ*..... Chức vụ: ...*Giám đốc DN*.....

- Ông/Bà: ..... Chức vụ:.....

- Ông/Bà: ..... Chức vụ:.....

- Ông/Bà: ..... Chức vụ:.....

BÊN B: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TRUNG NAM

- Ông/Bà: ...*NGUYỄN ĐÌNH QUỐC*..... Chức vụ: ...*Phó Giám đốc*.....

- Ông/Bà: ..... Chức vụ:.....

- Ông/Bà: ..... Chức vụ:.....

- Ông/Bà: ..... Chức vụ:.....

3. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: ..... ngày *15*.. tháng *12*.. năm *2025*..

Kết thúc: ..... ngày *15*.. tháng *12*... năm *2025*..

Tại: Nhà máy chế biến cà phê quả tươi Lệ Dung - Km19, Thôn Cọp, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị

4. Tài liệu căn cứ nghiệm thu và khối lượng công việc đã thực hiện

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Theo Hợp đồng kinh tế số: Theo Hợp đồng kinh tế số 0506/2024-XLNT/LD-ETN ngày 05 tháng 06 năm 2024 và các phụ lục kèm theo.

- Biên bản nghiệm thu vật tư, thiết bị đưa vào công trình.

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành giai đoạn lắp đặt thiết bị.

- Hồ sơ thuyết minh quy trình công nghệ và hướng dẫn vận hành hệ thống.





2	pH	-	7,9	7,2	5,5 - 9	Đạt
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	1079	26	100	Đạt
4	Độ màu	Pt-Co	418	63	150	Đạt
5	BOD <sub>5</sub>	mg/l	156	13	50	Đạt
6	COD	mg/l	4103	56	150	Đạt
7	Amoni	mg/l	7,45	0,96	10	Đạt
8	Tổng Nitơ	mg/l	63,0	7,57	40	Đạt
9	Tổng Photpho	mg/l	9,13	0,51	6	Đạt
10	Sắt	mg/l	1,85	0,45	5	Đạt
11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	2,1	1,3	10	Đạt
12	Coliform	MPN/100 ml	49960	40	5.000	Đạt

\* **Nhận xét:** Từ bảng kết quả trên cho thấy tất cả các thông số phân tích nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý đều nằm trong giới hạn cột B - QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

## 6. Kiến nghị

- Kiến nghị bên A cử cán bộ vận hành liên tục hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đúng quy trình hướng dẫn đã bàn giao, khi có sự cố cần báo ngay cho bên B để kịp thời xử lý và thường xuyên kiểm tra để không làm ảnh hưởng đến hệ thống xử lý nước thải đang vận hành. Nếu bên A không thực hiện đúng nội dung như bên B đã hướng dẫn thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm bảo hành hệ thống như đã cam kết trong Hợp đồng.

- Căn cứ theo Điều 8 của Hợp đồng kinh tế Bên B đã hoàn thành trách nhiệm bảo hành máy móc/thiết bị công nghệ của hệ thống xử lý nước thải kể từ ngày hoàn thành **giai đoạn 2** đối với các sự cố hư hỏng do lỗi kỹ thuật của nhà sản xuất và lỗi thi công, lắp đặt của bên B theo đúng hợp đồng đã ký.

- 1. КИИИ КИИИ (ИИИИ ИИИИ).

.....  
 .....

## 7. Kết luận:

11/07/2021 14:11

Hai bên thống nhất, đồng ý nghiệm thu hoàn thành cung cấp, thi công lắp đặt cải tạo nâng cấp thiết bị công nghệ hệ thống xử lý nước thải - Công suất 120m<sup>3</sup>/ngày.đêm cho Nhà máy chế biến cà phê quả tươi Lệ Dung với chất lượng nước thải đầu ra đảm bảo đạt cột B – QCVN 40:2011/BTNMT kể từ ngày ký biên bản này.

- Ý kiến khác (nếu có):

.....  
.....

Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau. Đại diện hai bên tham gia nghiệm thu đều thống nhất ký tên dưới đây./.

**Các bên tham gia nghiệm thu:**

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
D.N.T.N  
THƯƠNG MẠI  
VÀ DỊCH VỤ  
LỆ DUNG  
*Nguyễn Thị Lệ*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
CÔNG TY  
T.N.H.H  
TƯ VẤN XÂY DỰNG  
MÔI TRƯỜNG  
TRUNG NAM  
*Nguyễn Đình Quốc*  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
Nguyễn Đình Quốc

C. LINH H  
ng \*

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT**

- Tên mẫu/Name of sample : Nước thải
- Khách hàng/Client : DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LỆ DUNG
- Địa chỉ/Address : Km65, Quốc lộ 9, nhóm 3A, xã Khe Sanh, tỉnh Quảng Trị
- Ngày lấy mẫu/Date of sampling : 27/11/2025
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving : 27/11/2025
- Ngày thử nghiệm/Date of testing : 27/11 - 04/12/2025
- Tình trạng mẫu/Condition : Mẫu được chứa trong chai nhựa, chai thủy tinh và bảo quản lạnh
- Kỳ hiệu mẫu/Mark of samples : NTĐV; NTĐR
- Số lượng mẫu/Quantity : 2
- Phương pháp lấy mẫu/Method of sampling: TCVN 5999:1995
- Kết quả thử nghiệm/Test results :

TT No	Thông số Test properties	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị tính Unit	Kết quả thử nghiệm Test results	
				NTĐV	NTĐR
1	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	°C	26,0	25,7
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7,9	7,2
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	1079	26
4	Độ màu	TCVN 6185:2015 (C)	Pt-Co	418	63
5	Nhu cầu oxy sinh học (BOD <sub>5</sub> )	TCVN 6001-1:2021	mg/L	156	13
6	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/L	4103	56
7	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	SMEWW 4500NH <sub>3</sub> B&F:2023	mg/L	7,45	0,96
8	Tổng Nitơ (tính theo N)	TCVN 6638:2000	mg/L	63,0	7,57
9	Tổng Photpho (tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/L	9,13	0,51
10	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/L	1,85	0,45
11	Tổng dầu, mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	2,1	1,3
12	Coliform	TCVN 6187-2:2020	MPN/100mL	49960	40

**Ghi chú:** - NTĐV: Tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải của cơ sở - Nhà máy chế biến cà phê quả tươi;

- NTĐR: Tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải của cơ sở - Nhà máy chế biến cà phê quả tươi.


- Phiếu kết quả này không được sao chép, trích dẫn khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm/ This test report not be copied without the written approval of Center.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM**  
**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**  
Deputy of laboratory



Lê Văn An

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
Deputy director

  
Nguyễn Thị Tô Nga

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

1. Tên mẫu/Name of sample : Khí thải  
2. Khách hàng/Client : DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LỆ DUNG  
3. Địa chỉ/Address : Km65, Quốc lộ 9, khóm 3A, xã Khe Sanh, tỉnh Quảng Trị  
4. Ngày lấy mẫu/Date of sampling : 27/11/2025  
5. Ngày nhận mẫu/Date of receiving : 27/11/2025  
6. Ngày thử nghiệm/Date of testing : 27/11 - 01/12/2025  
7. Tình trạng mẫu/Condition : Mẫu bụi được thu trên giấy lọc  
8. Ký hiệu mẫu/Mark of samples : KTLD  
9. Số lượng mẫu/Quantity : 1  
10. Phương pháp lấy mẫu/Method of sampling: Theo phương pháp thử  
11. Kết quả thử nghiệm/Test results :

TT No	Thông số Test properties	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị tính Unit	Kết quả thử nghiệm Test results
				KTLD
1	Bụi (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm <sup>3</sup>	169
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m <sup>3</sup> /h	1761
3	Lưu huỳnh đioxit (SO <sub>2</sub> )	HD.18.7.1.2/QT	mg/Nm <sup>3</sup>	<4
4	Nitơ oxit (NO <sub>x</sub> tính theo NO <sub>2</sub> )	HD.18.7.1.2/QT	mg/Nm <sup>3</sup>	18
5	Cacbon monoxit (CO)	HD.18.7.1.2/QT	mg/Nm <sup>3</sup>	223

Ghi chú : - KTLD: Tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải của cơ sở - Nhà máy chế biến cà phê quả tươi - Doanh nghiệp tư nhân thương mại và dịch vụ Lệ Dung;  
- "<": Nằm ngoài phạm vi đo của phương pháp thử.

- Phiếu kết quả này không được sao chép, trích dẫn khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm/ This test report not be copied without the written approval of Center.

KT. TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
Deputy of laboratory

Lê Văn An

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
Deputy director



Nguyễn Thị Tố Nga

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

- Tên mẫu/Name of sample : Nước thải
- Khách hàng/Client : DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ  
LỆ DUNG
- Địa chỉ/Address : Km65, Quốc lộ 9, khóm 3A, xã Khe Sanh, tỉnh Quảng Trị
- Ngày lấy mẫu/Date of sampling : 27/11/2025
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving : 27/11/2025
- Ngày thử nghiệm/Date of testing : 27/11 - 04/12/2025
- Tình trạng mẫu/Condition : Mẫu được chứa trong chai nhựa, chai thủy tinh và bảo quản lạnh
- Ký hiệu mẫu/Mark of samples : NTĐV; NTĐR
- Số lượng mẫu/Quantity : 2
- Phương pháp lấy mẫu/Method of sampling: TCVN 5999:1995
- Kết quả thử nghiệm/Test results :

TT No	Thông số Test properties	Phương pháp thử Test methods	Đơn vị tính Unit	Kết quả thử nghiệm Test results	
				NTĐV	NTĐR
1	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	°C	26,0	25,7
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7,9	7,2
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	1079	26
4	Độ màu	TCVN 6185:2015 (C)	Pt-Co	418	63
5	Nhu cầu oxy sinh học (BOD <sub>5</sub> )	TCVN 6001-1:2021	mg/L	156	13
6	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/L	4103	56
7	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)	SMEWW 4500NH <sub>3</sub> B&F:2023	mg/L	7,45	0,96
8	Tổng Nitơ (tính theo N)	TCVN 6638:2000	mg/L	63,0	7,57
9	Tổng Photpho (tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/L	9,13	0,51
10	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/L	1,85	0,45
11	Tổng dầu, mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	2,1	1,3
12	Coliform	TCVN 6187-2:2020	MPN/100mL	49960	40

Ghi chú : - NTĐV: Tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải của cơ sở - Nhà máy chế biến cà phê quả tươi;  
- NTĐR: Tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải của cơ sở - Nhà máy chế biến cà phê quả tươi.

- Phiếu kết quả này không được sao chép, trích dẫn khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm/ This test report not be copied without the written approval of Center.

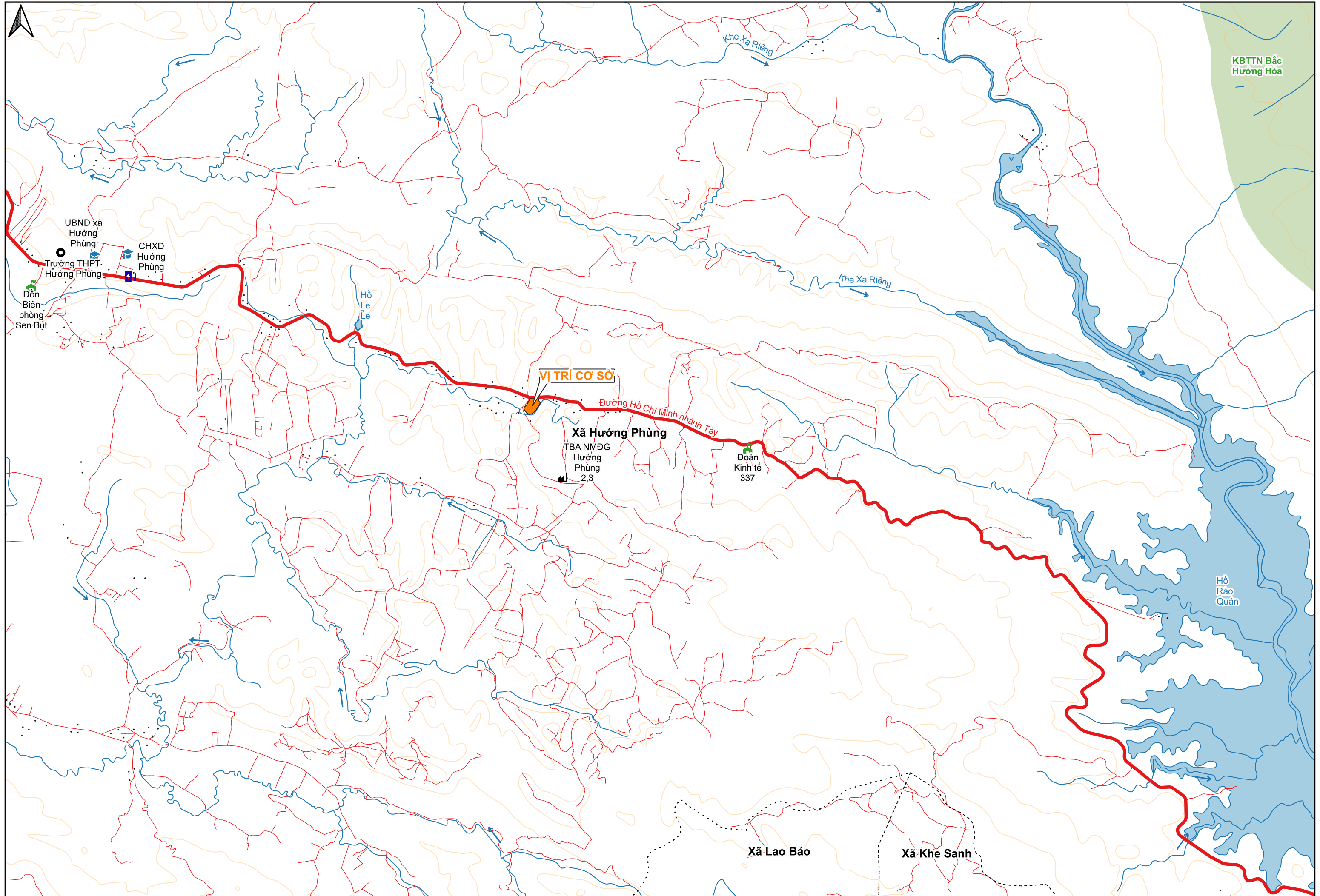
KT. TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
Deputy of laboratory

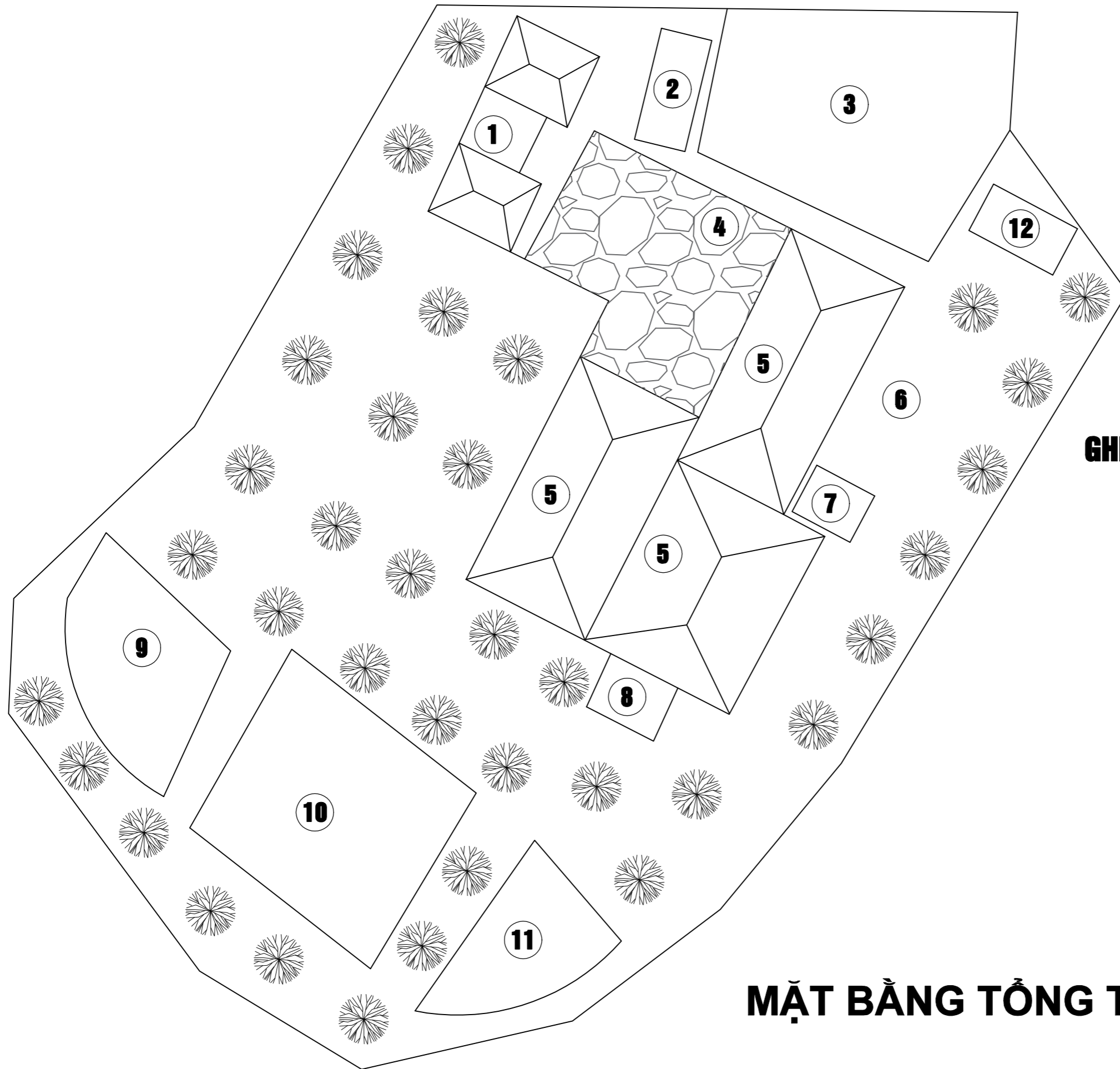
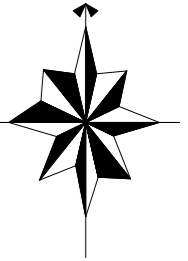
Lê Văn An

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
Deputy director

Nguyễn Thị Tố Nga

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ CƠ SỞ NHÀ MÁY CHẾ BIẾN CÀ PHÊ QUẢ TƯƠI TẠI THÔN CỘP, XÃ HƯỚNG PHÙNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

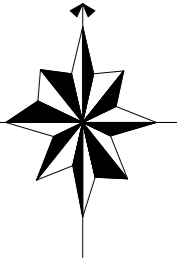




**GHI CHÚ:**

- ① NHÀ VĂN PHÒNG
- ② TRẠM CÂN
- ③ BÃI CHỨA MÁY MÓC
- ④ SÂN BÊ TÔNG
- ⑤ NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT
- ⑥ BÃI CHỨA VỎ CÀ PHÊ
- ⑦ BỂ CHỨA NƯỚC CẤP SẢN XUẤT
- ⑧ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- ⑨ HỒ NƯỚC TỰ NHIÊN
- ⑩ HỒ BIOGAS
- ⑪ HỒ SINH HỌC
- ⑫ NHÀ NGHỈ CA CÔNG NHÂN

**MẶT BẰNG TỔNG THỂ CỦA CƠ SỞ**



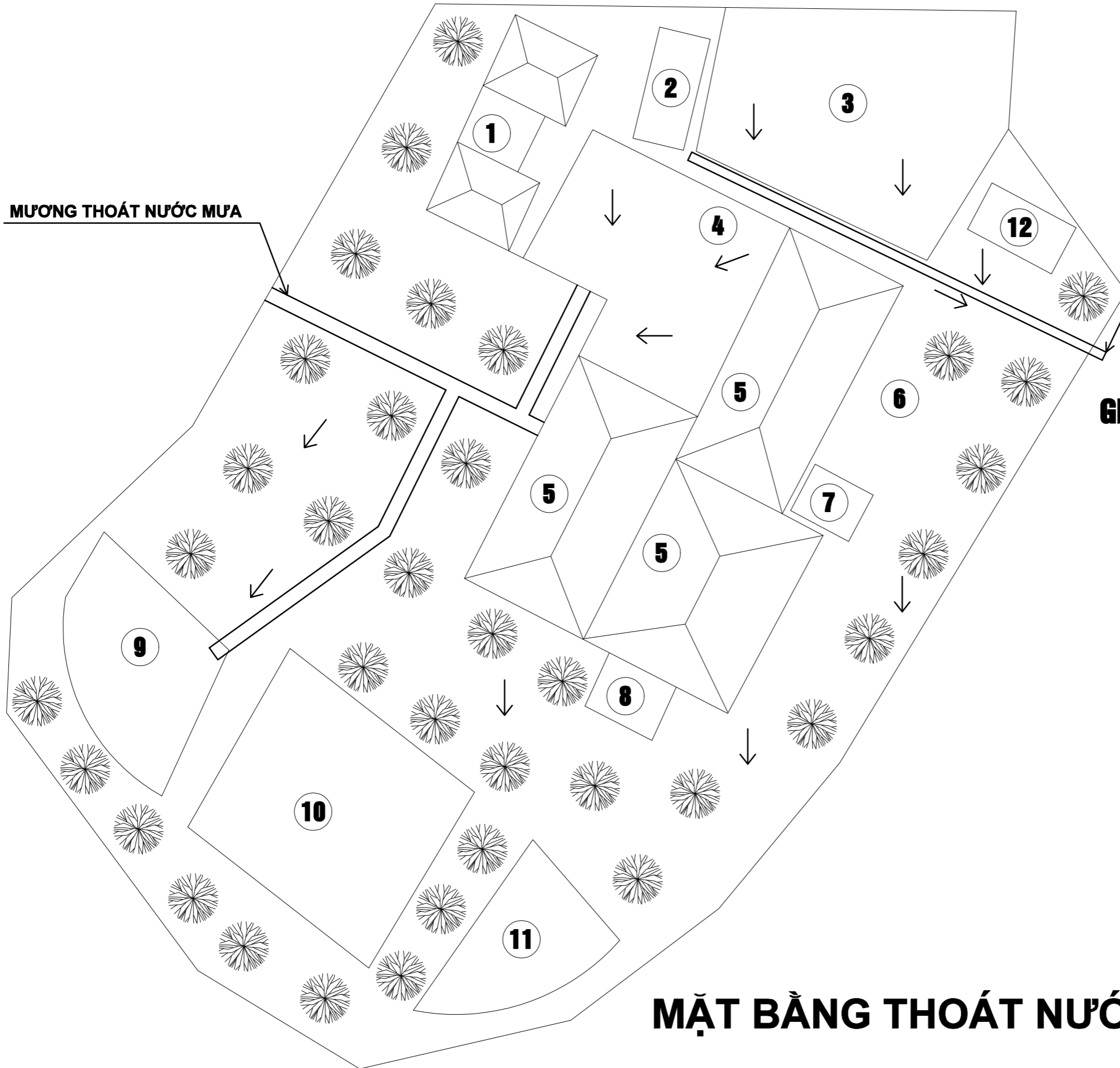
MƯƠNG THOÁT NƯỚC MƯA

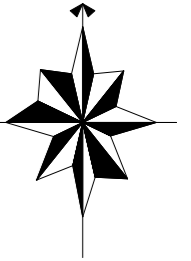
MƯƠNG THOÁT NƯỚC MƯA

**GHI CHÚ:**

- ① NHÀ VĂN PHÒNG
- ② TRẠM CÂN
- ③ BÃI CHỨA MÁY MÓC
- ④ SÂN BÊ TÔNG
- ⑤ NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT
- ⑥ BÃI CHỨA VỎ CÀ PHÊ
- ⑦ BỂ CHỨA NƯỚC CẤP SẢN XUẤT
- ⑧ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- ⑨ HỒ NƯỚC TỰ NHIÊN
- ⑩ HỒ BIOGAS
- ⑪ HỒ SINH HỌC
- ⑫ NHÀ NGHỈ CA CÔNG NHÂN
- ← HƯỚNG DÒNG CHẢY NƯỚC MƯA

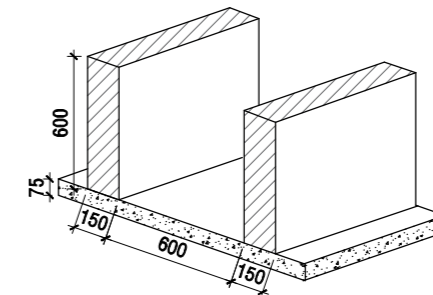
**MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA CỦA CƠ SỞ**





## GHI CHÚ:

- ① NHÀ VĂN PHÒNG
  - ② TRẠM CÂN
  - ③ BÃI CHỨA MÁY MÓC
  - ④ SÂN BÊ TÔNG
  - ⑤ NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT
  - ⑥ BÃI CHỨA VỎ CÀ PHÊ
  - ⑦ BỂ CHỨA NƯỚC CẤP SẢN XUẤT
  - ⑧ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
  - ⑨ HỒ NƯỚC TỰ NHIÊN
  - ⑩ HỒ BIOGAS
  - ⑪ HỒ SINH HỌC
  - ⑫ NHÀ NGHỈ CA CÔNG NHÂN
- ← HƯỚNG DÒNG CHẢY NƯỚC THẢI

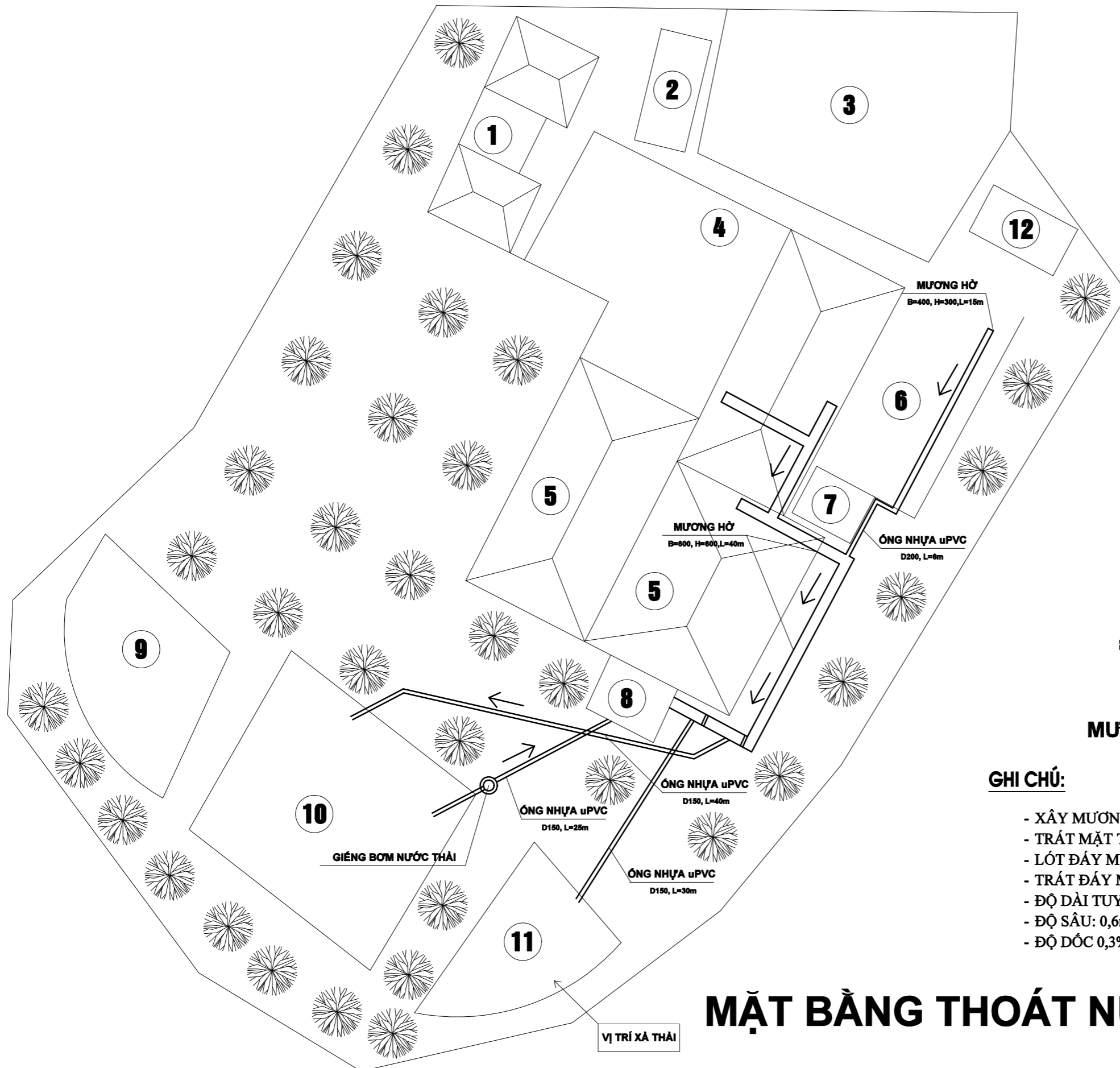


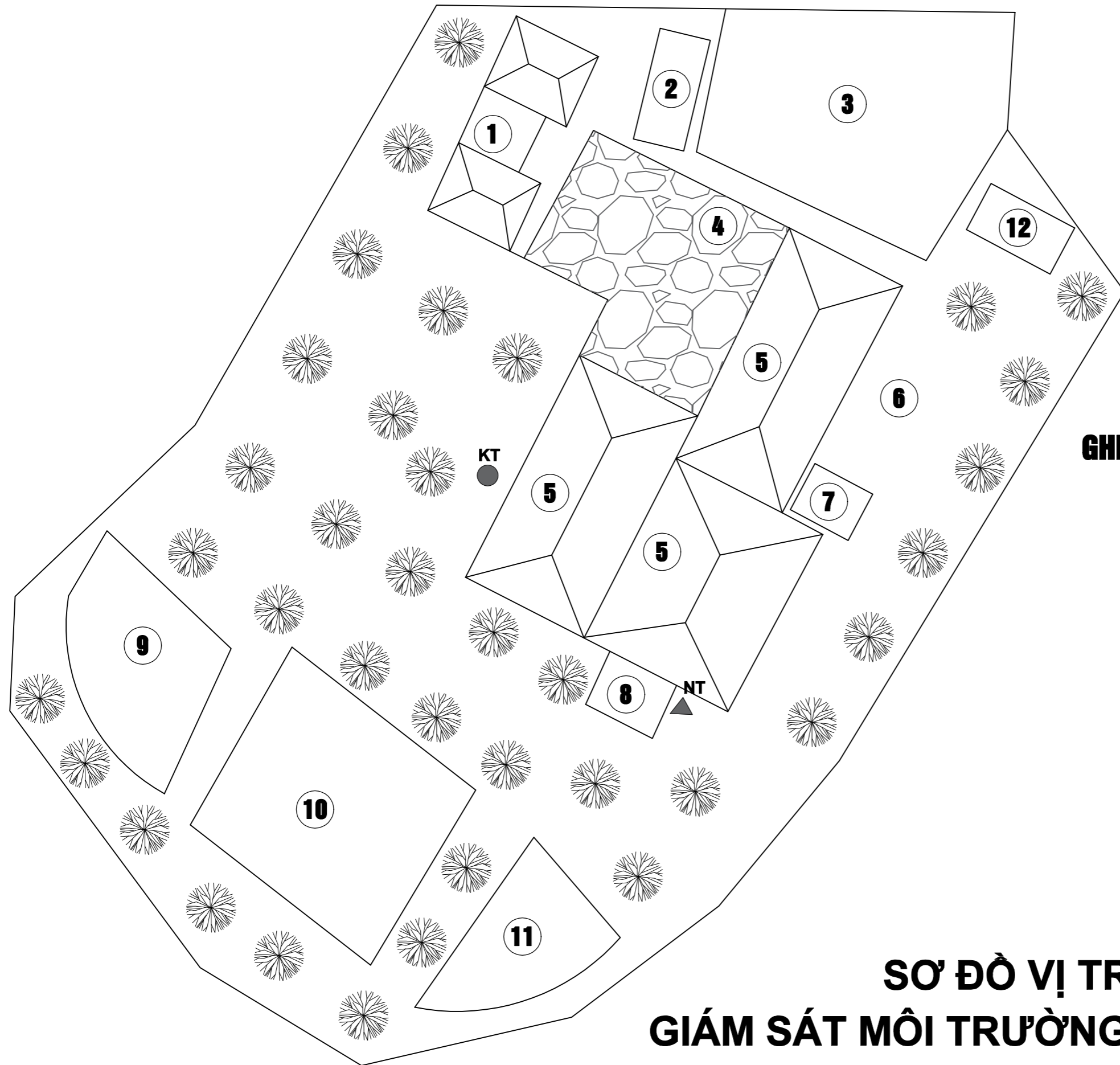
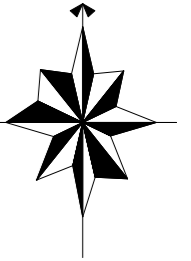
**MƯƠNG THU GOM NƯỚC THẢI**

## GHI CHÚ:

- XÂY MƯƠNG THU GOM BẰNG GẠCH CHỈ ĐẶC TUYNEN
- TRÁT MẶT TRONG CỐNG VỮA XM MAC75 DÀY 3CM
- LÓT ĐÁY MƯƠNG BẰNG BÊ TÔNG ĐÁ 4X6 MAC50 DÀY 100mm
- TRÁT ĐÁY MƯƠNG DÀY 3cm
- ĐỘ DÀI TUYẾN: 40m
- ĐỘ SÂU: 0,6m
- ĐỘ DỐC 0,3%

# MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI CỦA CƠ SỞ





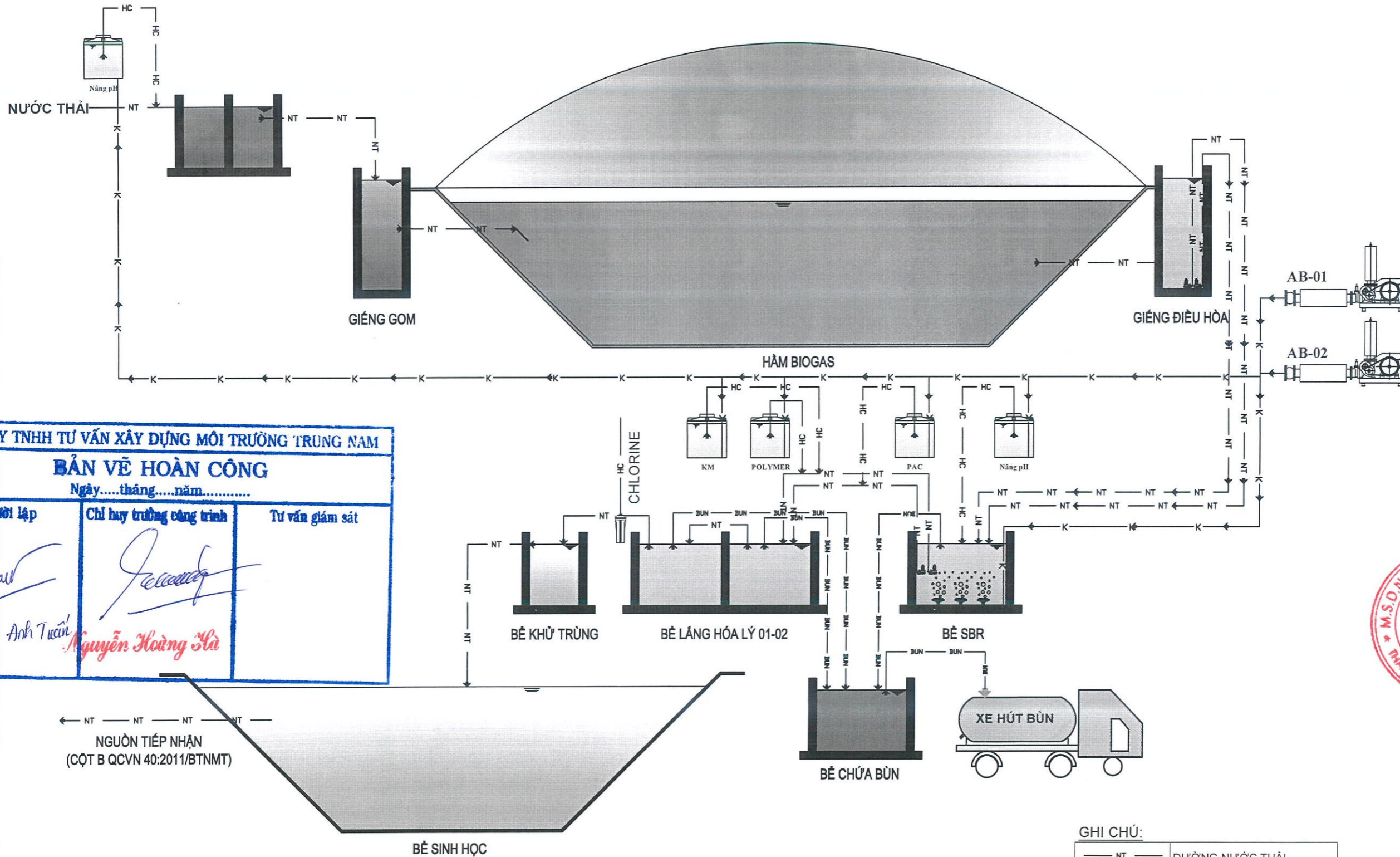
**GHI CHÚ:**

- ① NHÀ VĂN PHÒNG
- ② TRẠM CÂN
- ③ BÃI CHỨA MÁY MÓC
- ④ SÂN BÊ TÔNG
- ⑤ NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT
- ⑥ BÃI CHỨA VỎ CÀ PHÊ
- ⑦ BỂ CHỨA NƯỚC CẤP SẢN XUẤT
- ⑧ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- ⑨ HỒ NƯỚC TỰ NHIÊN
- ⑩ HỒ BIOGAS
- ⑪ HỒ SINH HỌC
- ⑫ NHÀ NGHỈ CA CÔNG NHÂN
- VỊ TRÍ LẤY MẪU GIÁM SÁT KHÍ THẢI
- ▲ VỊ TRÍ LẤY MẪU GIÁM SÁT NƯỚC THẢI

**SƠ ĐỒ VỊ TRÍ  
GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

# SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

## HTXL NƯỚC THẢI - CÔNG SUẤT 120 M3/NGÀY.ĐÊM



**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TRUNG NAM**

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát
<i>Thái Ngọc Anh Tuấn</i>	<i>Nguyễn Hoàng Hà</i>	

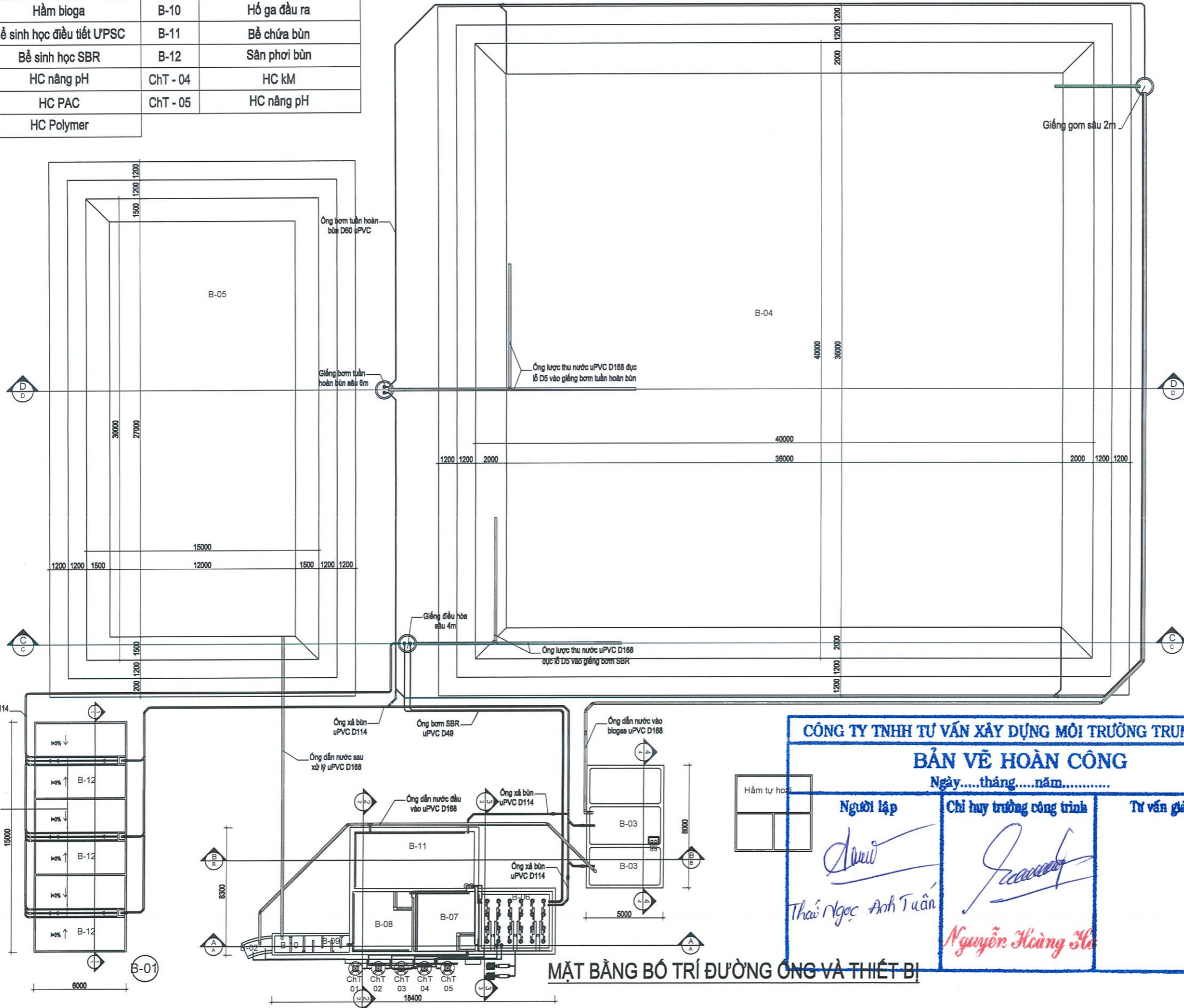
**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG- PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**  
"LÀ TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ KHÔNG CỦA RIÊNG AI  
LÀ TƯƠNG LAI BÌNH AN, LÀNH MẠNH CHO CON CHÁU CHÚNG TA"

**GHI CHÚ:**

— NT —	ĐƯỜNG NƯỚC THẢI
— K —	ĐƯỜNG CUNG CẤP KHÍ
— BUN — BUN —	ĐƯỜNG BÙN
— HC —	ĐƯỜNG HÓA CHẤT

<b>GHI CHÚ/GENERAL NOTES</b>	
<b>MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/PURPOSE OF ISSUE</b>	
THIẾT KẾ CƠ SỞ/CONCEPT DESIGN	<input type="checkbox"/>
THIẾT KẾ THI CÔNG/CONSTRUCTIONS DESIGN	<input type="checkbox"/>
ĐIỀU CHỈNH/DESCRIPTION OF REVISION	<input type="checkbox"/>
HOÀN CÔNG AS-BUILT	<input checked="" type="checkbox"/>
ĐIỀU CHỈNH/DESCRIPTION OF REVISION	NGƯỜI CHỈNH/REVISER
<b>CÔNG TRÌNH PROJECT</b>	
CUNG CẤP VÀ THI CÔNG CẢI TẠO, NÂNG CẤP THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ HỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI CHẾ BIẾN QUẢ CÀ PHÊ TƯỚI CÔNG SUẤT 120M <sup>3</sup> /NGÀY.ĐÊM	
<b>ĐỊA ĐIỂM LOCATION</b>	
KM 19, THÔN CỢP, XÃ HƯƠNG PHƯỢNG, HUYỆN HƯƠNG HOA, TỈNH QUẢNG TRỊ	
<b>CHỦ ĐẦU TƯ/OWNER</b>	
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LỆ DUNG	
<b>ĐỊA CHỈ ADD</b>	
KM 19, THÔN CỢP, XÃ HƯƠNG PHƯỢNG, HUYỆN HƯƠNG HOA, TỈNH QUẢNG TRỊ	
<b>GIÁM ĐỐC/DIRECTOR</b>	
<b>ĐƠN VỊ THI CÔNG/CONSTRUCTION</b>	
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TRUNG NAM	
<b>ĐỊA CHỈ ADD</b>	
CSCT 187C LÊ TRỌNG TÂN - P. HÒA PHÁT - QUẬN NAM LÊ - TP. ĐÀ NẴNG CN 88091 THANH LỘC 40 - KHU PHỐ 1 TP. THANH LỘC - Q. 12 - TP. HCM Tel: 0943 117 557 - 0943 77 557 - Hotline: 18001744 Email: trungnamco@gmail.com	
<b>TÊN BẢN VẼ/DRAWING TITLE</b>	
<b>SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ</b>	
<b>QLKT TECHNICAL MANAGER</b>	<i>[Signature]</i>
K.S. NGUYỄN HOÀNG HÀ	
<b>CHỦ TRƯỞNG MAJOR</b>	<i>[Signature]</i>
K.T.S. NGUYỄN ĐÌNH QUỐC	
<b>THIẾT KẾ/DESIGNER</b>	<i>[Signature]</i>
K.S. THÁI NGỌC ANH TUẤN	
<b>VẼ/DRAWER</b>	<i>[Signature]</i>
K.S. THÁI NGỌC ANH TUẤN	
<b>KIỂM TRA/CHECKER</b>	<i>[Signature]</i>
K.T.S. NGUYỄN ĐÌNH QUỐC	
<b>SỐ HIỆU DỰ ÁN/JOB NO</b>	<b>TỶ LỆ/SCALE</b>
	<b>HC REV</b>
<b>NGÀY/DATE</b>	<b>SỐ HIỆU BẢN VẼ/DWG NO</b>

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
B-01	Mương tiếp nhận	B-07	Bể lắng hóa lý 01
B-02	Hố gom	B-08	Bể lắng hóa lý 02
B-03	Bể tách váng, lắng cặn	B-09	Mương phản ứng, khử trùng
B-04	Hầm bioga	B-10	Hố ga đầu ra
B-05	Bể sinh học điều tiết U'PSC	B-11	Bể chứa bùn
B-06	Bể sinh học SBR	B-12	Sân phơi bùn
ChT - 01	HC nâng pH	ChT - 04	HC KM
ChT - 02	HC PAC	ChT - 05	HC nâng pH
ChT - 03	HC Polymer		



GHI CHÚ/GENERAL NOTES	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/PURPOSE OF ISSUE	
THIẾT KẾ CƠ SỞ/CONCEPT DESIGN	<input type="checkbox"/>
THIẾT KẾ THI CÔNG/CONSTRUCTIONS DESIGN	<input type="checkbox"/>
ĐIỀU CHỈNH/DESCRIPTION OF REVISION	<input type="checkbox"/>
HOÀN CÔNG/AS-BUILT	<input checked="" type="checkbox"/>
ĐIỀU CHỈNH/DESCRIPTION OF REVISION	NGƯỜI CHỈNH/REVISER
CÔNG TRÌNH/PROJECT	
CUNG CẤP VÀ THI CÔNG CẢI TẠO, NÂNG CẤP THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ HỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI CHẾ BIẾN QUÁ CẢ PHÊ TỬ/ CÔNG SUẤT 120M <sup>3</sup> /NGÀY.ĐỀM	
ĐỊA ĐIỂM/LOCATION	
KM 19, THÔN CỢP, XÃ HƯƠNG PHỤNG, HUYỆN HƯƠNG HOA, TỈNH QUANG TRỊ	
CHỦ ĐẦU TƯ/OWNER	
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LỆ DUNG	
ĐỊA CHỈ/ADD	
KM 19, THÔN CỢP, XÃ HƯƠNG PHỤNG, HUYỆN HƯƠNG HOA, TỈNH QUANG TRỊ	
GIÁM ĐOC/DIRECTOR	
ĐƠN VỊ THI CÔNG/CONSTRUCTION	
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TRUNG NAM	
<div style="text-align: center;"> </div>	
<div style="text-align: center;"> <p>Nguyễn Hoàng Hà</p> <p>TÊN BẢN VẼ/DRAWING TITLE</p> <p>MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ TỔNG THỂ</p> </div>	
QLKT/TECHNICAL MANAGER	
K.S. NGUYỄN HOÀNG HÀ	
CHỦ TRÌ MAJOR	
K.T.S. NGUYỄN ĐÌNH QUỐC	
THIẾT KẾ/DESIGNER	
K.S. THÁI NGỌC ANH TUẤN	
VẼ/DRAWER	
K.S. THÁI NGỌC ANH TUẤN	
KIỂM TRA/CHECKER	
K.T.S. NGUYỄN ĐÌNH QUỐC	
SỐ HIỆU DỰ ÁN/JOB NO	TY LỆ/SCALE
NGÀY/DATE	HC REV
	SỐ HIỆU BẢN VẼ/DWG NO

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TRUNG NAM**

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát
Thái Ngọc Anh Tuấn	Nguyễn Hoàng Hà	

**MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG VÀ THIẾT BỊ**

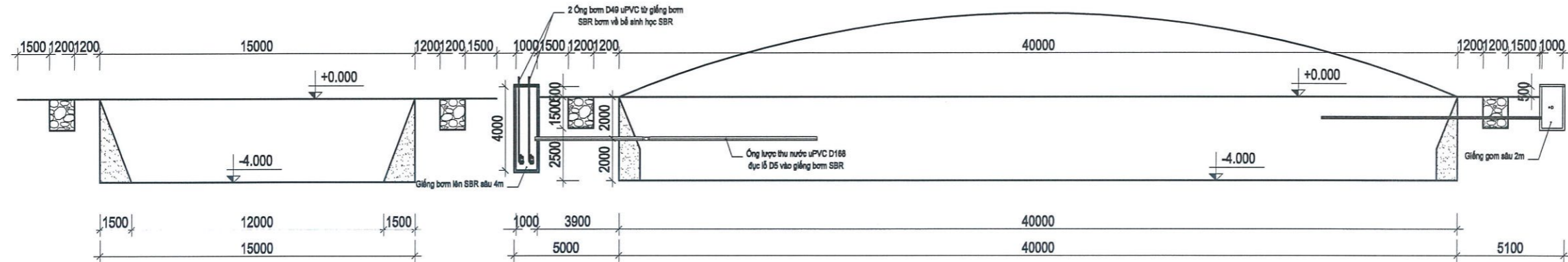
**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TRUNG NAM**

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

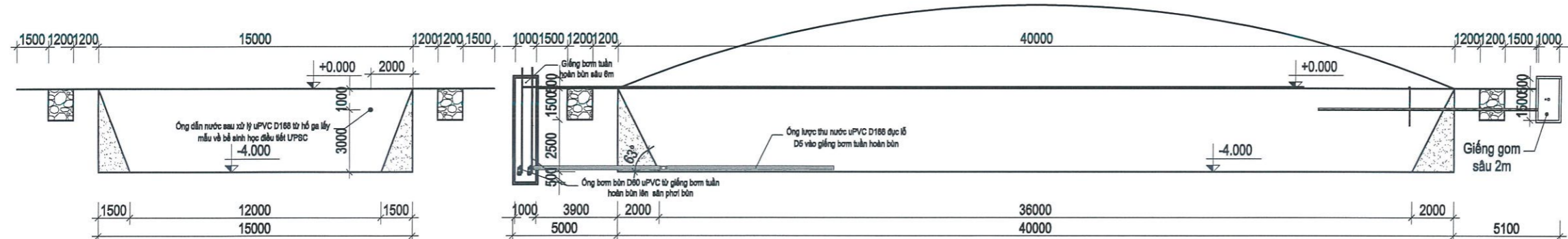
Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập  Thái Ngọc Anh Tuấn	Chỉ huy trưởng công trình  Nguyễn Hoàng Hà	Tư vấn giám sát
--	---	-----------------

**MẶT CẮT D-D**  
TL: 1/200



**MẶT CẮT C-C**  
TL: 1/200



<b>GHI CHÚ/GENERAL NOTES</b>	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/PURPOSE OF ISSUE	
THIẾT KẾ CƠ SỞ/CONCEPT DESIGN	<input type="checkbox"/>
THIẾT KẾ THI CÔNG/CONSTRUCTIONS DESIGN	<input type="checkbox"/>
ĐIỀU CHỈNH/DESCRIPTION OF REVISION	<input type="checkbox"/>
HOÀN CÔNG AS-BUILT	<input checked="" type="checkbox"/>
ĐIỀU CHỈNH/DESCRIPTION OF REVISION	NGƯỜI CHỈNH/REVISER
CÔNG TRÌNH/PROJECT <b>CUNG CẤP VÀ THI CÔNG CẢI TẠO, NÂNG CẤP THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ HỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI CHẾ BIẾN QUẢ CÀ PHÊ Tươi CÔNG SUẤT 120M<sup>3</sup>/NGÀY.ĐỀM</b> ĐỊA ĐIỂM/LOCATION KM 19, THÔN CỢP, XÃ HƯƠNG PHƯỢNG, HUYỆN HƯƠNG HOA, TỈNH QUẢNG TRỊ	
CHỦ ĐẦU TƯ/OWNER <b>DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LỆ DUNG</b> ĐỊA CHỈ/ADD KM 19, THÔN CỢP, XÃ HƯƠNG PHƯỢNG, HUYỆN HƯƠNG HOA, TỈNH QUẢNG TRỊ	
GIÁM ĐỐC/DIRECTOR  ĐƠN VỊ THI CÔNG/CONSTRUCTION <b>CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TRUNG NAM</b> ĐỊA CHỈ/ADD LÊ TRỌNG TÂN - P. HÒA PHÁT - TAM LÊ - TP. ĐÀ NẴNG CN 880/PT - THANH LỘC 40 - KHU PHỐ 1 - THẠNH LỘC - Q. 12 - TP. HCM Tel: 0945 117 557 - 0943 677 557 - Hotline: 18001744 Email: trungnamco@gmail.com	
 Nguyễn Hoàng Hà	
TÊN BẢN VẼ/DRAWING TITLE <b>CHI TIẾT BIOGAS</b>	
QLKT/TECHNICAL MANAGER	
K.S. NGUYỄN HOÀNG HÀ	
CHỦ TRƯỞNG MAJOR	
K.T.S. NGUYỄN ĐÌNH QUỐC	
THIẾT KẾ/DESIGNER	
K.S. THÁI NGỌC ANH TUẤN	
VẼ/DRAWER	
K.S. THÁI NGỌC ANH TUẤN	
KIỂM TRA/CHECKER	
K.T.S. NGUYỄN ĐÌNH QUỐC	
SỐ HIỆU DỰ ÁN/JOB NO	TỶ LỆ/SCALE   HC/REV
NGÀY/DATE	SỐ HIỆU BẢN VẼ/DWG NO

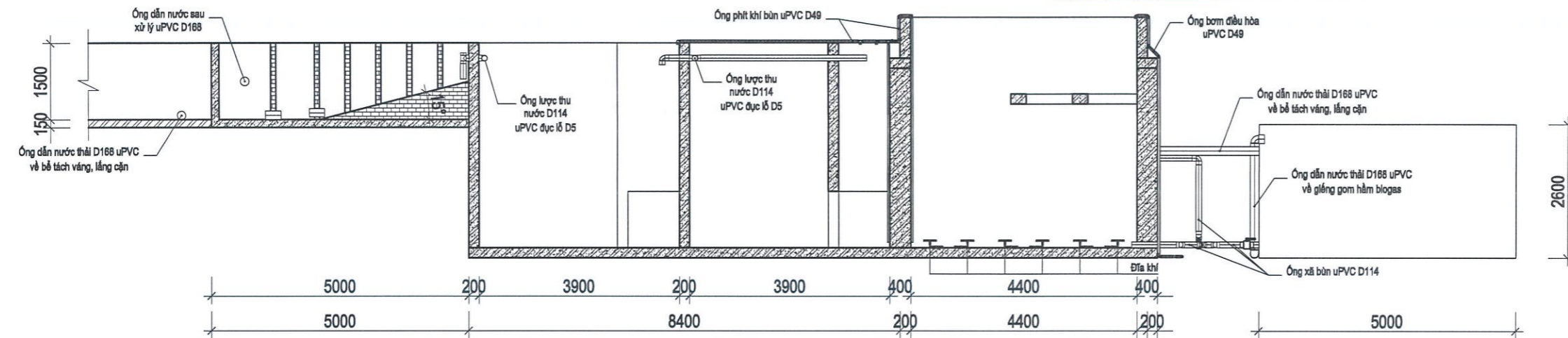
**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TRUNG NAM**

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

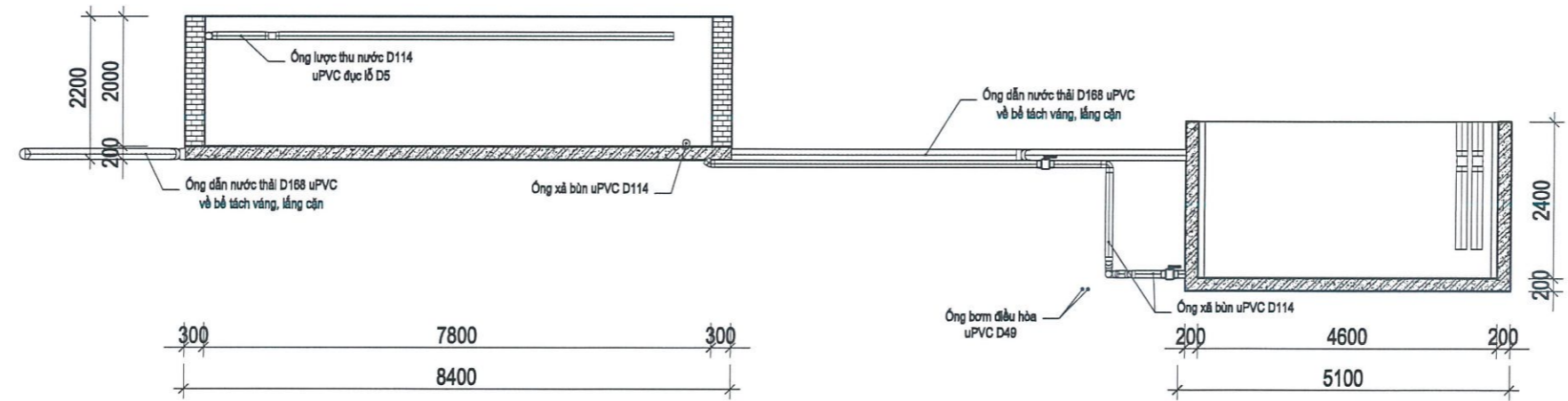
Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát
Thái Ngọc Anh Tuấn	Nguyễn Hoàng Hà	

**MẶT CẮT A-A**  
TL: 1/100



**MẶT CẮT B-B**  
TL: 1/100



GHI CHÚ/GENERAL NOTES																									
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/PURPOSE OF ISSUE																									
THIẾT KẾ CƠ SỞ/CONCEPT DESIGN	<input type="checkbox"/>																								
THIẾT KẾ THI CÔNG/CONSTRUCTIONS DESIGN	<input type="checkbox"/>																								
ĐIỀU CHỈNH/DESCRIPTION OF REVISION	<input type="checkbox"/>																								
HOÀN CÔNG/AS-BUILT	<input checked="" type="checkbox"/>																								
ĐIỀU CHỈNH/DESCRIPTION OF REVISION	NGƯỜI CHỈNH/REVISOR																								
<p style="text-align: center;">CÔNG TRÌNH/PROJECT</p> <p style="text-align: center;"><b>CUNG CẤP VÀ THI CÔNG CẢI TẠO, NÂNG CẤP THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ HỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI CHẾ BIẾN QUẢ CÀ PHÊ Tươi CÔNG SUẤT 120M<sup>3</sup>/NGÀY.ĐỀM</b></p> <p style="text-align: center;">ĐỊA ĐIỂM/LOCATION</p> <p style="text-align: center;">KM 19, THÔN CỘP, XÃ HƯƠNG PHỤNG, HUYỆN HƯƠNG HÒA, TỈNH QUẢNG TRỊ</p> <p style="text-align: center;">CHỦ ĐẦU TƯ/OWNER</p> <p style="text-align: center;"><b>DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LỆ DUNG</b></p> <p style="text-align: center;">ĐỊA CHỈ/ADD</p> <p style="text-align: center;">KM 19, THÔN CỘP, XÃ HƯƠNG PHỤNG, HUYỆN HƯƠNG HÒA, TỈNH QUẢNG TRỊ</p> <p style="text-align: center;">GIÁM ĐỐC/DIRECTOR</p> <p style="text-align: center;">ĐƠN VỊ THI CÔNG/CONSTRUCTION</p> <p style="text-align: center;"><b>CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TRUNG NAM</b></p> <p style="text-align: center;">ĐỊA CHỈ/ADD</p> <p style="text-align: center;">85C - LÊ TRỌNG TÂN - P. HOA PHÁT - QUẬN TAM LÊ - TP. ĐÀ NẴNG          CN: 880/13 - THANH LỘC 40 - KHU PHỐ 1 P. THẠNH LỘC - Q. 12 - TP. HCM          Tel: 0943 117.557 - 0943 677.557 - Hotline: 18001744          Email: trungnamenco@gmail.com</p> <p style="text-align: center;">GIÁM ĐỐC/DIRECTOR</p> <p style="text-align: center;"></p> <p style="text-align: center;">Nguyễn Hoàng Hà</p> <p style="text-align: center;">TÊN BẢN VẼ/DRAWING TITLE</p> <p style="text-align: center;"><b>MẶT CẮT A-A MẶT CẮT B-B</b></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td>QLKT/TECHNICAL MANAGER</td> <td style="text-align: center;"></td> </tr> <tr> <td>K.S. NGUYỄN HOÀNG HÀ</td> <td></td> </tr> <tr> <td>CHỦ TRƯỞNG/MAJOR</td> <td style="text-align: center;"></td> </tr> <tr> <td>K.T.S. NGUYỄN ĐÌNH QUỐC</td> <td></td> </tr> <tr> <td>THIẾT KẾ/DESIGNER</td> <td style="text-align: center;"></td> </tr> <tr> <td>K.S. THÁI NGỌC ANH TUẤN</td> <td></td> </tr> <tr> <td>VẼ/DRAWER</td> <td style="text-align: center;"></td> </tr> <tr> <td>K.S. THÁI NGỌC ANH TUẤN</td> <td></td> </tr> <tr> <td>KIỂM TRA/CHECKER</td> <td style="text-align: center;"></td> </tr> <tr> <td>K.T.S. NGUYỄN ĐÌNH QUỐC</td> <td></td> </tr> <tr> <td>SỐ HIỆU DỰ ÁN/JOB NO</td> <td>TỶ LỆ/SCALE    HC/REV</td> </tr> <tr> <td>NGÀY/DATE</td> <td>SỐ HIỆU BẢN VẼ/DWG NO</td> </tr> </table>		QLKT/TECHNICAL MANAGER		K.S. NGUYỄN HOÀNG HÀ		CHỦ TRƯỞNG/MAJOR		K.T.S. NGUYỄN ĐÌNH QUỐC		THIẾT KẾ/DESIGNER		K.S. THÁI NGỌC ANH TUẤN		VẼ/DRAWER		K.S. THÁI NGỌC ANH TUẤN		KIỂM TRA/CHECKER		K.T.S. NGUYỄN ĐÌNH QUỐC		SỐ HIỆU DỰ ÁN/JOB NO	TỶ LỆ/SCALE    HC/REV	NGÀY/DATE	SỐ HIỆU BẢN VẼ/DWG NO
QLKT/TECHNICAL MANAGER																									
K.S. NGUYỄN HOÀNG HÀ																									
CHỦ TRƯỞNG/MAJOR																									
K.T.S. NGUYỄN ĐÌNH QUỐC																									
THIẾT KẾ/DESIGNER																									
K.S. THÁI NGỌC ANH TUẤN																									
VẼ/DRAWER																									
K.S. THÁI NGỌC ANH TUẤN																									
KIỂM TRA/CHECKER																									
K.T.S. NGUYỄN ĐÌNH QUỐC																									
SỐ HIỆU DỰ ÁN/JOB NO	TỶ LỆ/SCALE    HC/REV																								
NGÀY/DATE	SỐ HIỆU BẢN VẼ/DWG NO																								

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập

Chỉ huy trưởng công trình

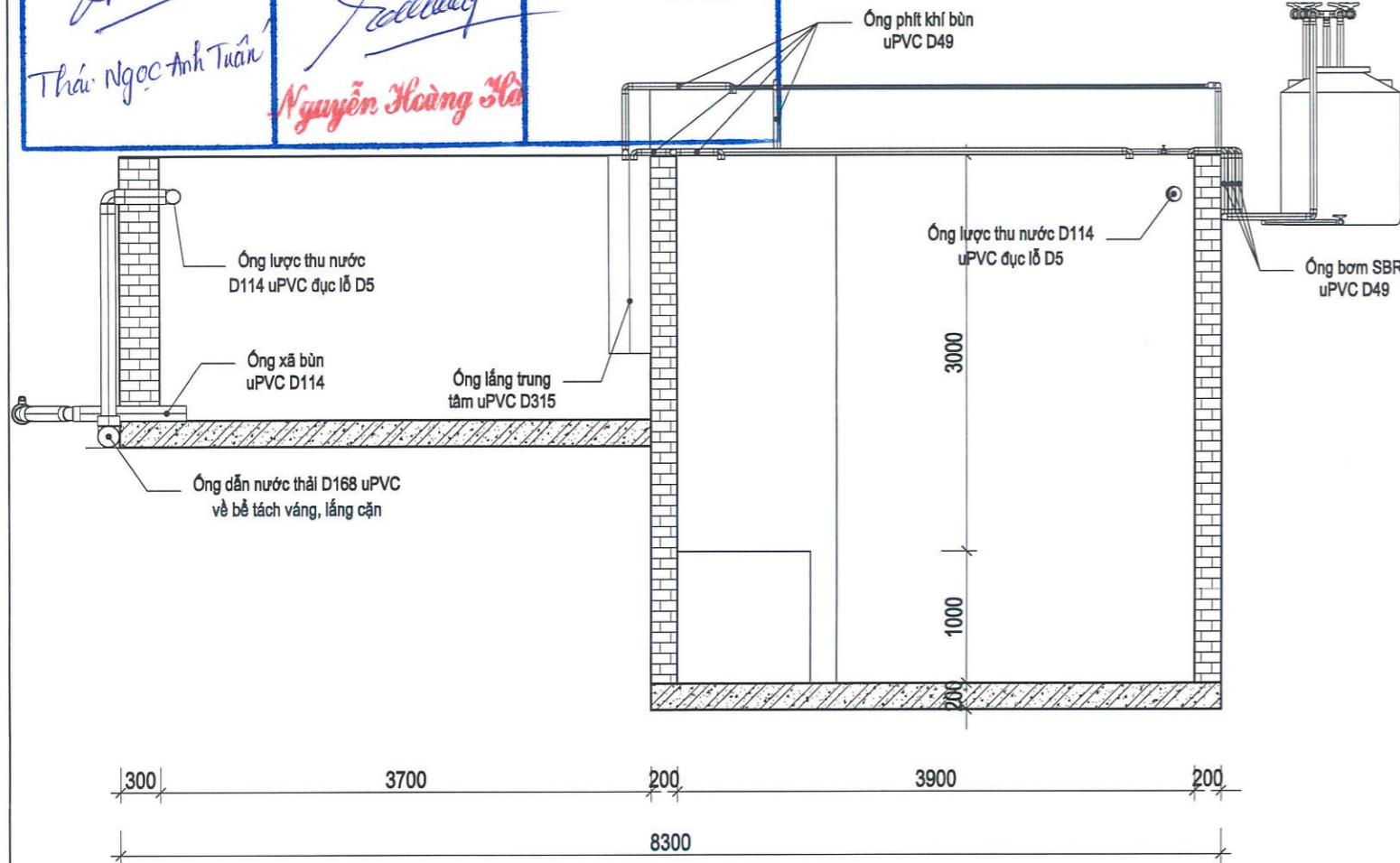
Tư vấn giám sát

*Thái Ngọc Anh Tuấn*

*Nguyễn Hoàng Hà*

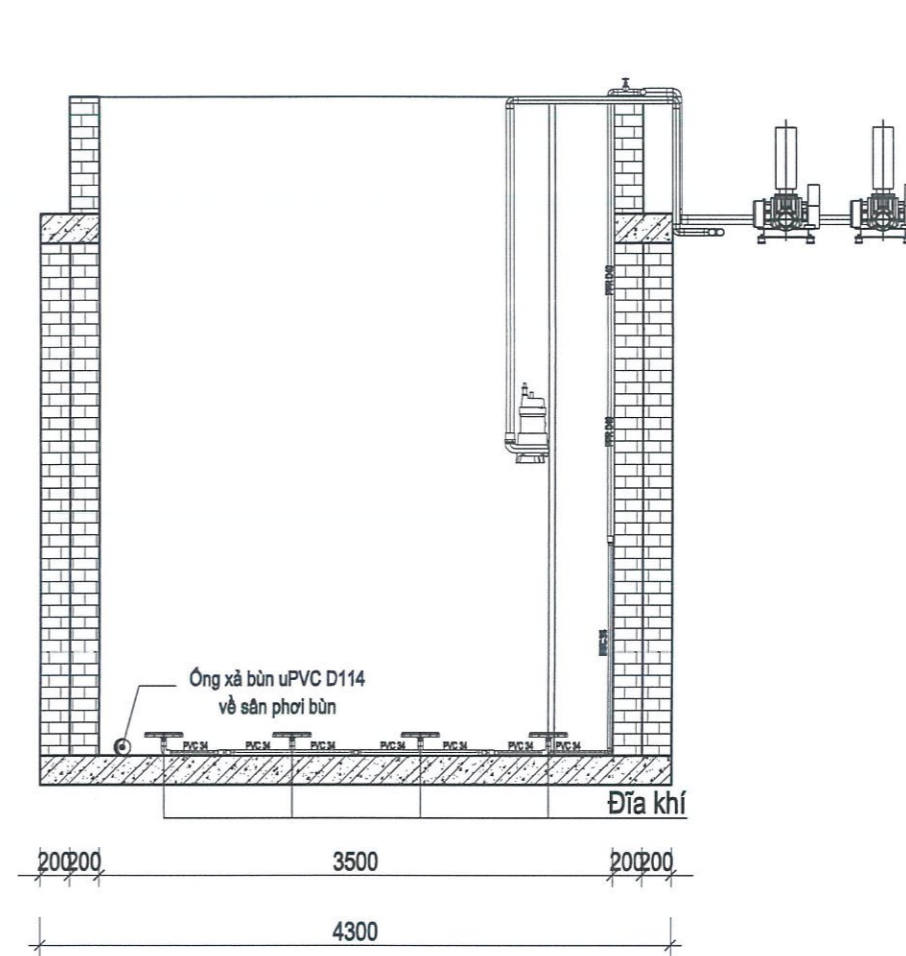
**MẶT CẮT 2-2**

TL: 1/50



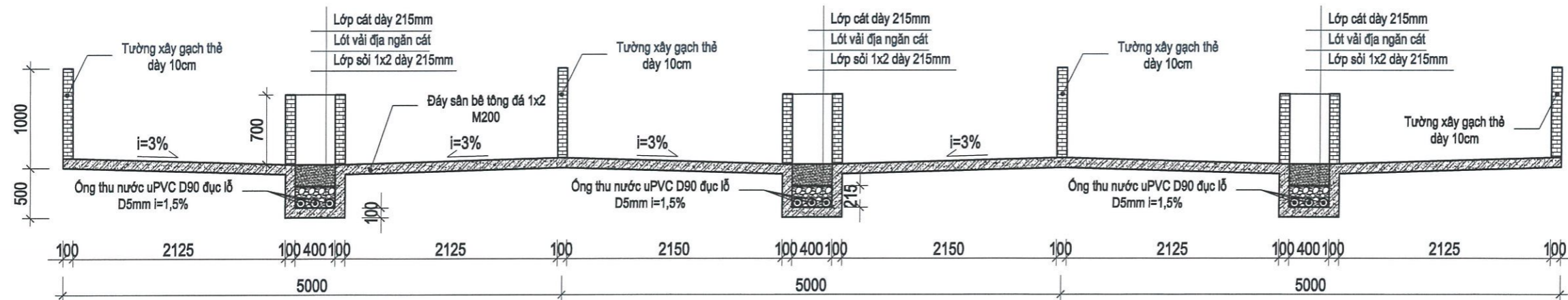
**MẶT CẮT 3-3**

TL: 1/50



**MẶT CẮT 1-1**

TL: 1/50



GHI CHÚ/GENERAL NOTES

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/PURPOSE OF ISSUE

THIẾT KẾ CƠ SỞ/CONCEPT DESIGN	<input type="checkbox"/>
THIẾT KẾ THI CÔNG/CONSTRUCTIONS DESIGN	<input type="checkbox"/>
ĐIỀU CHỈNH/DESCRIPTION OF REVISION	<input type="checkbox"/>
HOÀN CÔNG/AS-BUILT	<input checked="" type="checkbox"/>

ĐIỀU CHỈNH/DESCRIPTION OF REVISION	NGƯỜI CHỈNH/REVISOR
------------------------------------	---------------------

CÔNG TRÌNH PROJECT  
**CUNG CẤP VÀ THI CÔNG CẢI TẠO, NÂNG CẤP THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ HỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI CHẾ BIẾN QUẢ CÀ PHÊ TƯƠI CÔNG SUẤT 120M<sup>3</sup>/NGÀY.ĐỀM**

ĐỊA ĐIỂM LOCATION  
 KM 19, THÔN CỢP, XÃ HƯƠNG PHƯỢNG, HUYỆN HƯƠNG HOA, TỈNH QUẢNG TRỊ

CHỦ ĐẦU TƯ/OWNER  
**DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LỆ DUNG**

ĐỊA CHỈ/ADD  
 KM 19, THÔN CỢP, XÃ HƯƠNG PHƯỢNG, HUYỆN HƯƠNG HOA, TỈNH QUẢNG TRỊ

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR  
 (Signature)

ĐƠN VỊ THI CÔNG /CONSTRUCTION  
**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TRUNG NAM**

ĐỊA CHỈ/ADD  
 LÊ TRỌNG TÂN - P. HÒA PHÁT - TAM LÊ - TP. ĐÀ NẴNG  
 88/013 THANH LỘC 40 - KHU PHỐ 1  
 T.N.H.H  
 Tel: 0943 117 557 - 0942 677 537 - Hotline: 18001744  
 Email: trungnamenco@gmail.com

**M.S.D.N: 030911**

**TU VẤN XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TRUNG NAM**

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR

(Signature)

Nguyễn Hoàng Hà

TÊN BẢN VẼ/DRAWING TITLE  
**MẶT CẮT 1-1  
 MẶT CẮT 2-2  
 MẶT CẮT 3-3**

QLKT/TECHNICAL MANAGER	(Signature)
KS. NGUYỄN HOÀNG HÀ	
CHỦ TRÌ MAJOR	(Signature)
KTS. NGUYỄN ĐÌNH QUỐC	
THIẾT KẾ/DESIGNER	(Signature)
KS. THÁI NGỌC ANH TUẤN	
VẼ/DRAWER	(Signature)
KS. THÁI NGỌC ANH TUẤN	
KIỂM TRA/CHECKER	(Signature)
KTS. NGUYỄN ĐÌNH QUỐC	
SỐ HIỆU DỰ ÁN/JOB NO	TỶ LỆ/SCALE
NGÀY/DATE	H.C. REV
	SỐ HIỆU BẢN VẼ/DWG NO

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Ngày....tháng....năm.....

Người lập

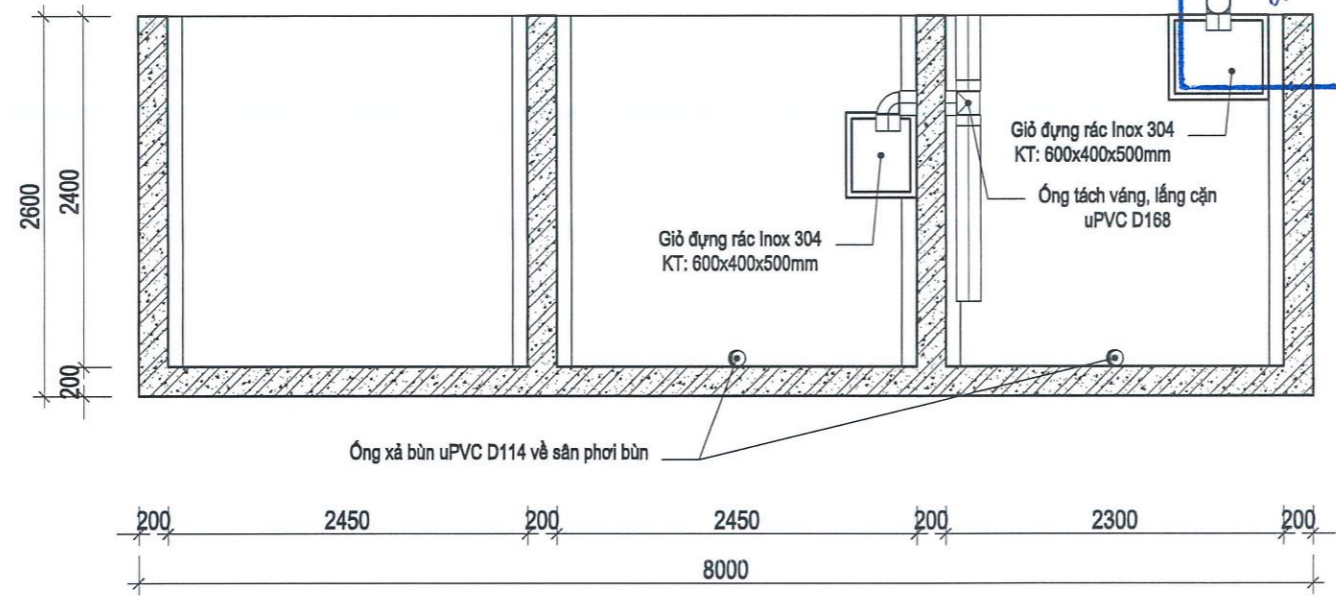
Chỉ huy trưởng công trình

Tư vấn giám sát

*Thái Ngọc Anh Tuấn*

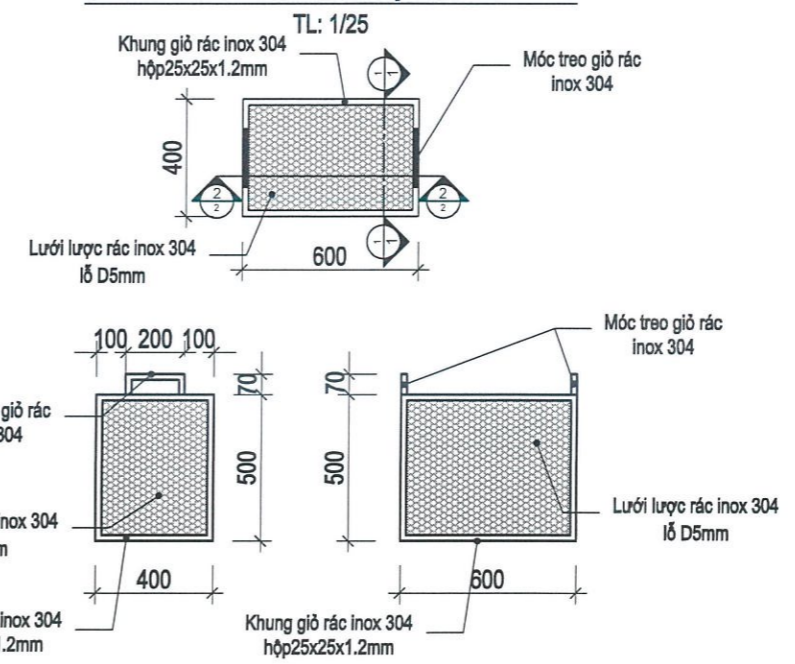
*Nguyễn Hoàng Hà*

**MẶT CẮT 4-4**  
TL: 1/50

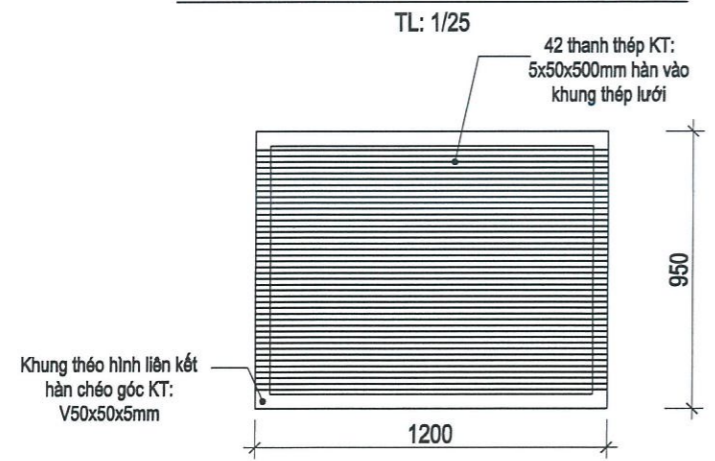


GHI CHÚ/GENERAL NOTES	
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH/PURPOSE OF ISSUE	
THIẾT KẾ CƠ SỞ/CONCEPT DESIGN	<input type="checkbox"/>
THIẾT KẾ THI CÔNG/CONSTRUCTIONS DESIGN	<input type="checkbox"/>
ĐIỀU CHỈNH/DESCRIPTION OF REVISION	<input type="checkbox"/>
HOÀN CÔNG/AS-BUILT	<input checked="" type="checkbox"/>
ĐIỀU CHỈNH/DESCRIPTION OF REVISION	NGƯỜI CHỈNH/REVISOR
CÔNG TRÌNH/PROJECT	
CUNG CẤP VÀ THI CÔNG CẢI TẠO, NÂNG CẤP THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ HỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI CHẾ BIẾN QUẢ CÀ PHÊ TƯỚI CÔNG SUẤT 120M <sup>3</sup> /NGÀY.ĐÊM	
ĐỊA ĐIỂM/LOCATION	
KM 19, THÔN CỢP, XÃ HƯỚNG PHỤNG, HUYỆN HƯỚNG HÒA, TỈNH QUẢNG TRỊ	
CHỦ ĐẦU TƯ/OWNER	
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LỆ DUNG	
ĐỊA CHỈ/ADD	
KM 19, THÔN CỢP, XÃ HƯỚNG PHỤNG, HUYỆN HƯỚNG HÒA, TỈNH QUẢNG TRỊ	
GIÁM ĐỐC/DIRECTOR	
ĐƠN VỊ THI CÔNG /CONSTRUCTION	
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG TRUNG NAM	
ĐỊA CHỈ/ADD	
CSC - INTC - LÊ TRONG TÂN - P. HÒA PHÁT - TAM LÊ - TP. ĐÀ NẴNG CN 88/07/3 THANH LỘC 40 - KHU PHỐ 1 P. THANH LỘC - Q. 12 - TP. HCM Số 0943 117.357 - 0932 677.537 - Hotline: 18001744 Email: trunghaenvco@gmail.com	
CÔNG TY T. N. H. H. GIẢM ĐỐC/DIRECTOR	
M. S. D. N. 030911755	
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG	
TÊN BẢN VẼ/DRAWING TITLE	
<b>MẶT CẮT 4-4 CHI TIẾT GIA CÔNG SONG/GIỎ RÁC</b>	
QLKT TECHNICAL MANAGER	<i>Nguyễn Hoàng Hà</i>
KS. NGUYỄN HOÀNG HÀ	
CHỦ TRÌ MAJOR	<i>Nguyễn Hoàng Hà</i>
KTS. NGUYỄN ĐÌNH QUỐC	
THIẾT KẾ/DESIGNER	<i>Thái Ngọc Anh Tuấn</i>
KS. THÁI NGỌC ANH TUẤN	
VẼ DRAWER	<i>Thái Ngọc Anh Tuấn</i>
KS. THÁI NGỌC ANH TUẤN	
KIỂM TRA CHECKER	<i>Nguyễn Đình Quốc</i>
KTS. NGUYỄN ĐÌNH QUỐC	
SỐ HIỆU DỰ ÁN/JOB NO	TỶ LỆ SCALE HC REV
NGÀY/DATE	SỐ HIỆU BẢN VẼ/DWG NO

**CHI TIẾT GIỎ ĐỰNG RÁC**

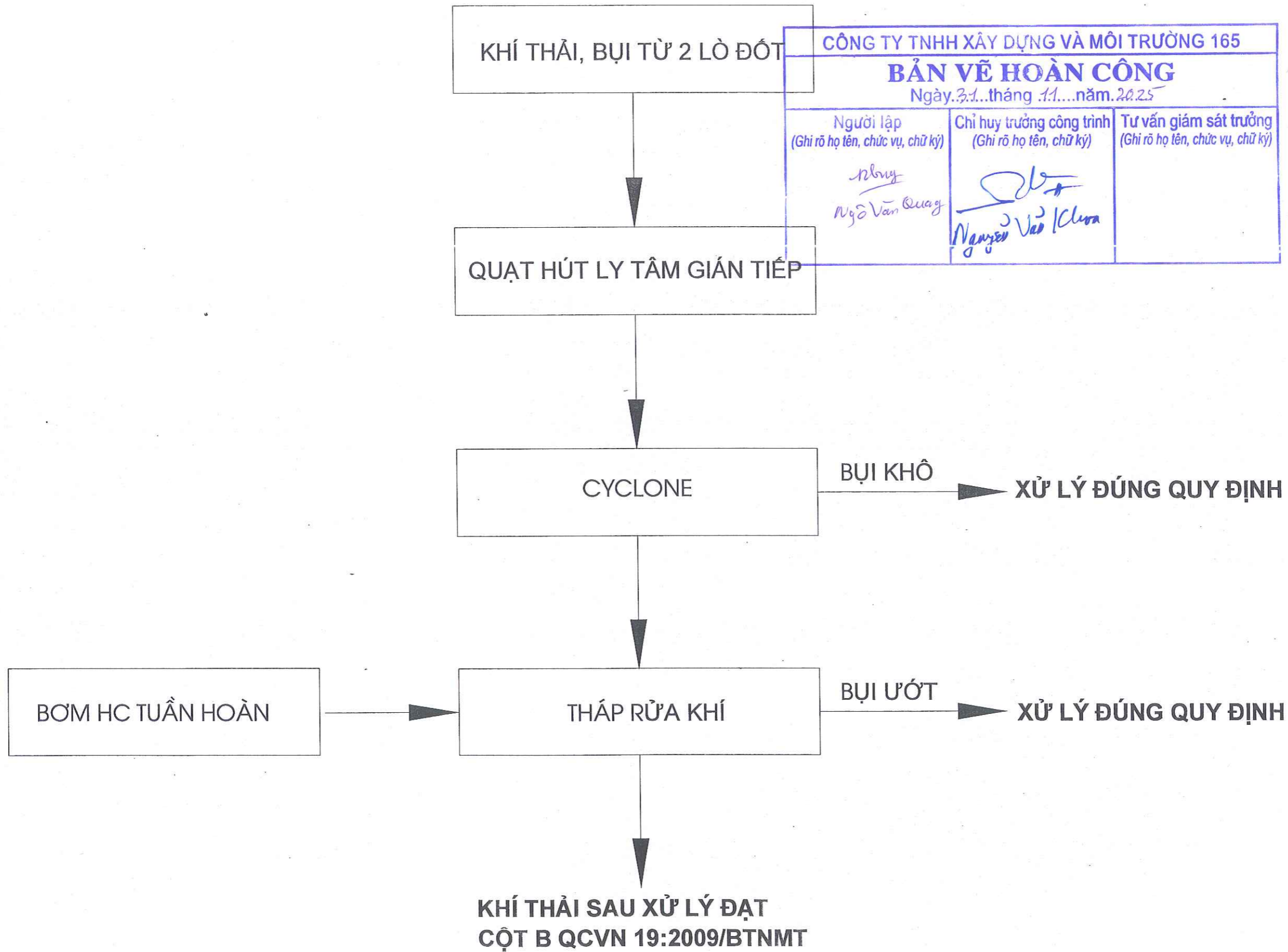


**CHI TIẾT LƯỚI CHẮN RÁC**



**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**  
M. S. D. N. 030911755  
T. N. H. H.  
GIẢM ĐỐC/DIRECTOR  
Nguyễn Hoàng Hà

# SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HTXL KHÍ THẢI, BỤI LÒ ĐỐT



**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG 165**

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
Ngày 31 tháng 11 năm 2025

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) <i>Nguyễn Văn Quang</i>	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chữ ký) <i>Nguyễn Văn Khoa</i>	Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
--	--	--

TÊN CÔNG TRÌNH:  
THIẾT KẾ, CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI, BỤI LÒ ĐỐT TẠI NHÀ MÁY SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN CÀ PHÊ LỆ DUNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:  
THÔN CỢP, XÃ HƯỚNG PHÙNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

CHỦ ĐẦU TƯ:  
ĐOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LỆ DUNG  
D.N.T. VÀ DỊCH VỤ LỆ DUNG  
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LỆ DUNG  
Nguyễn Thị Lệ

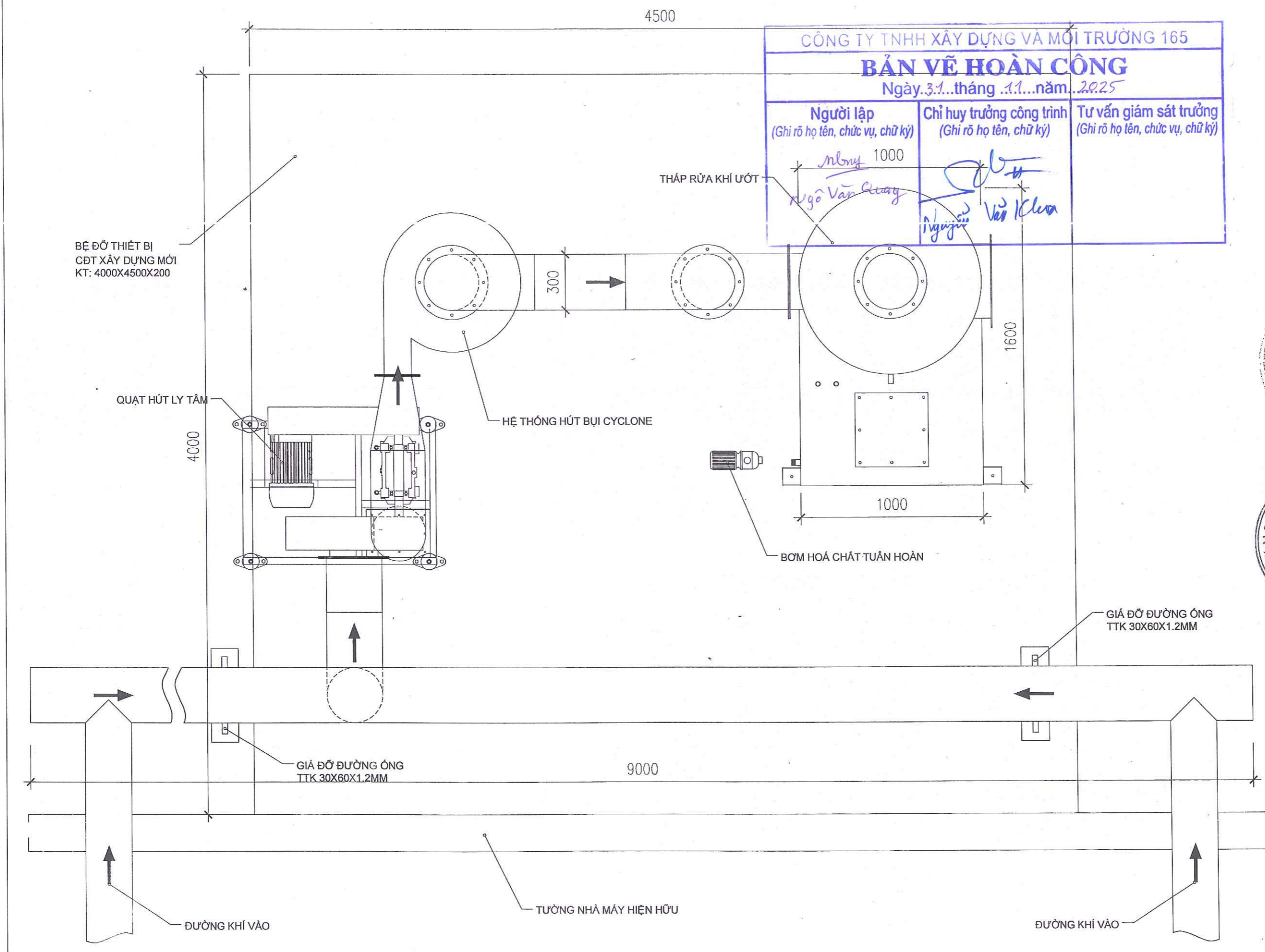
NHÀ THẦU:  
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG 165  
ĐỊA CHỈ: SỐ 31A NG. 11, QUẬN LƯƠNG BANG, TP. HỒ CHÍ MINH  
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG 165  
PHẠM BÁ THẮNG

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ:	<i>Nguyễn Văn Khoa</i>
NGUYỄN VĂN KHOA	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:	<i>Nguyễn Văn Khoa</i>
NGUYỄN VĂN KHOA	
THIẾT KẾ:	<i>Lê Đức Trung</i>
LÊ ĐỨC TRUNG	
KIỂM TRA:	<i>Nguyễn Văn Khoa</i>
NGUYỄN VĂN KHOA	

TÊN BẢN VẼ:  
**SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ**

GIAI ĐOẠN: BVT/KTC	KÝ HIỆU BẢN VẼ: CN-01/ĐC
HOÀN THÀNH 2025	

# MẶT BẰNG TỔNG THỂ



CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG 165		
<b>BẢN VẼ HOÀN CÔNG</b>		
Ngày 3.1...tháng 11...năm 2025		
<b>Người lập</b> (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) Ngô Văn Quang	<b>Chỉ huy trưởng công trình</b> (Ghi rõ họ tên, chữ ký) Nguyễn Văn Khoa	<b>Tư vấn giám sát trưởng</b> (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) Lê Đức Trung

**TÊN CÔNG TRÌNH:**

THIẾT KẾ, CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI, BỤI LÒ ĐỐT TẠI NHÀ MÁY SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN CÀ PHÊ LỆ DUNG

**ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:**

THÔN CỢP, XÃ HƯỚNG PHÙNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

**CHỦ ĐẦU TƯ:**

DOANH NGHIỆP TỰ NHÂN THƯƠNG MẠI Đ. N. VÀ DỊCH VỤ LỆ DUNG

HƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LỆ DUNG

Nguyễn Thị Lệ

**NHÀ THẦU:**

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG 165

Địa chỉ: 60/31 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đồng Đa, Thành Phố Hà Nội

GIÁM ĐỐC: Phạm Bá Tháng

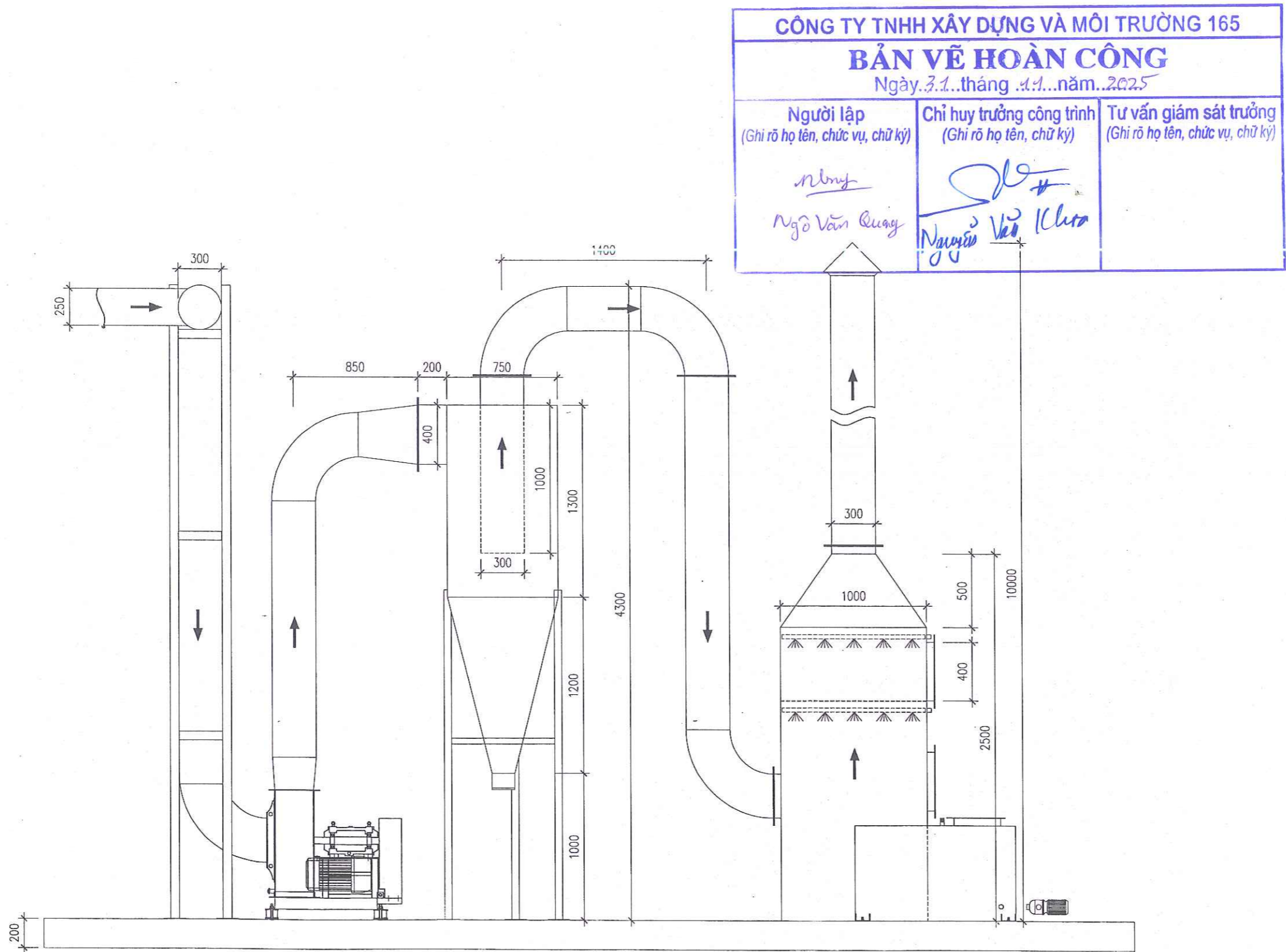
NGUYỄN VĂN KHOA	Ob
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:	Ob
NGUYỄN VĂN KHOA	
THIẾT KẾ:	
LÊ ĐỨC TRUNG	
KIỂM TRA:	
NGUYỄN VĂN KHOA	Ob

**TÊN BẢN VẼ:**

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

<b>GIẢI ĐOẠN:</b>	<b>KÝ HIỆU BẢN VẼ:</b>
BVTKC	CN-02/ĐC
<b>HOÀN THÀNH</b>	
2025	

# SƠ ĐỒ ĐƯỜNG KHÍ THẢI, BỤI LÒ ĐỐT



<b>CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG 165</b>		
<b>BẢN VẼ HOÀN CÔNG</b>		
Ngày 3.1...tháng 1.1...năm 2025		
Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  <i>Nguyễn Văn Quang</i> Ngô Văn Quang	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chữ ký)  <i>Nguyễn Văn Khoa</i> Nguyễn Văn Khoa	Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)

TÊN CÔNG TRÌNH:  
THIẾT KẾ, CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI, BỤI LÒ ĐỐT TẠI NHÀ MÁY SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN CÀ PHÊ LỆ DUNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:  
THÔN CỢP, XÃ HƯỚNG PHỤNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

CHỦ ĐẦU TƯ:  
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI D.N. VÀ DỊCH VỤ LÊ DUNG  
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LÊ DUNG  
*Nguyễn Thị Lệ*

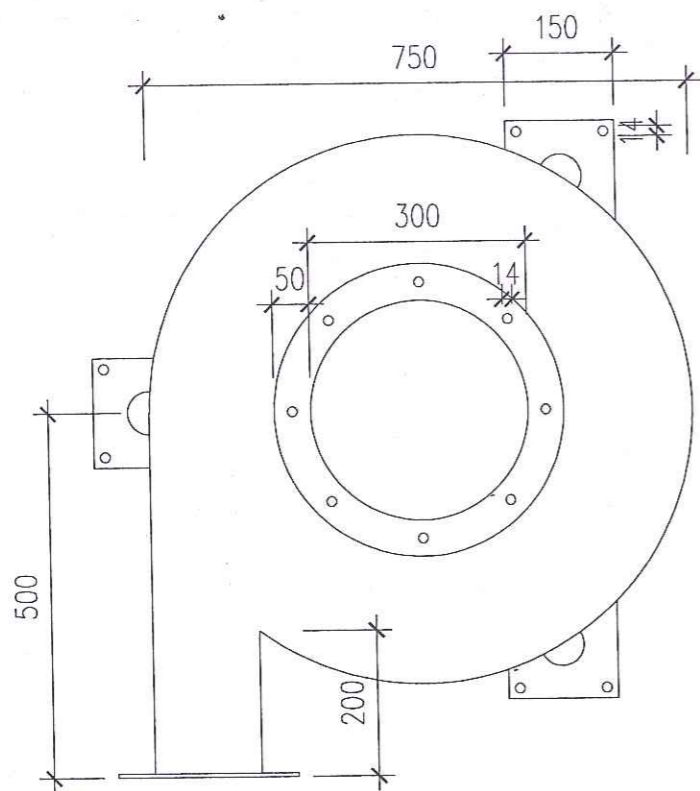
NHÀ THẦU:  
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG 165  
ĐỊA CHỈ: 80/10 Đ. NGUYỄN LƯƠNG BANG, PHƯỜNG ĐÔNG ĐÀ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG 165  
PHẠM BÁ THẮNG  
GIÁM ĐỐC:  
*Phạm Bá Thắng*

GHÉP NHIỆM THIẾT KẾ:	<i>Nguyễn Văn Khoa</i>
NGUYỄN VĂN KHOA	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:	<i>Nguyễn Văn Khoa</i>
NGUYỄN VĂN KHOA	
THIẾT KẾ:	<i>Lê Đức Trung</i>
LÊ ĐỨC TRUNG	
KIỂM TRA:	<i>Nguyễn Văn Khoa</i>
NGUYỄN VĂN KHOA	

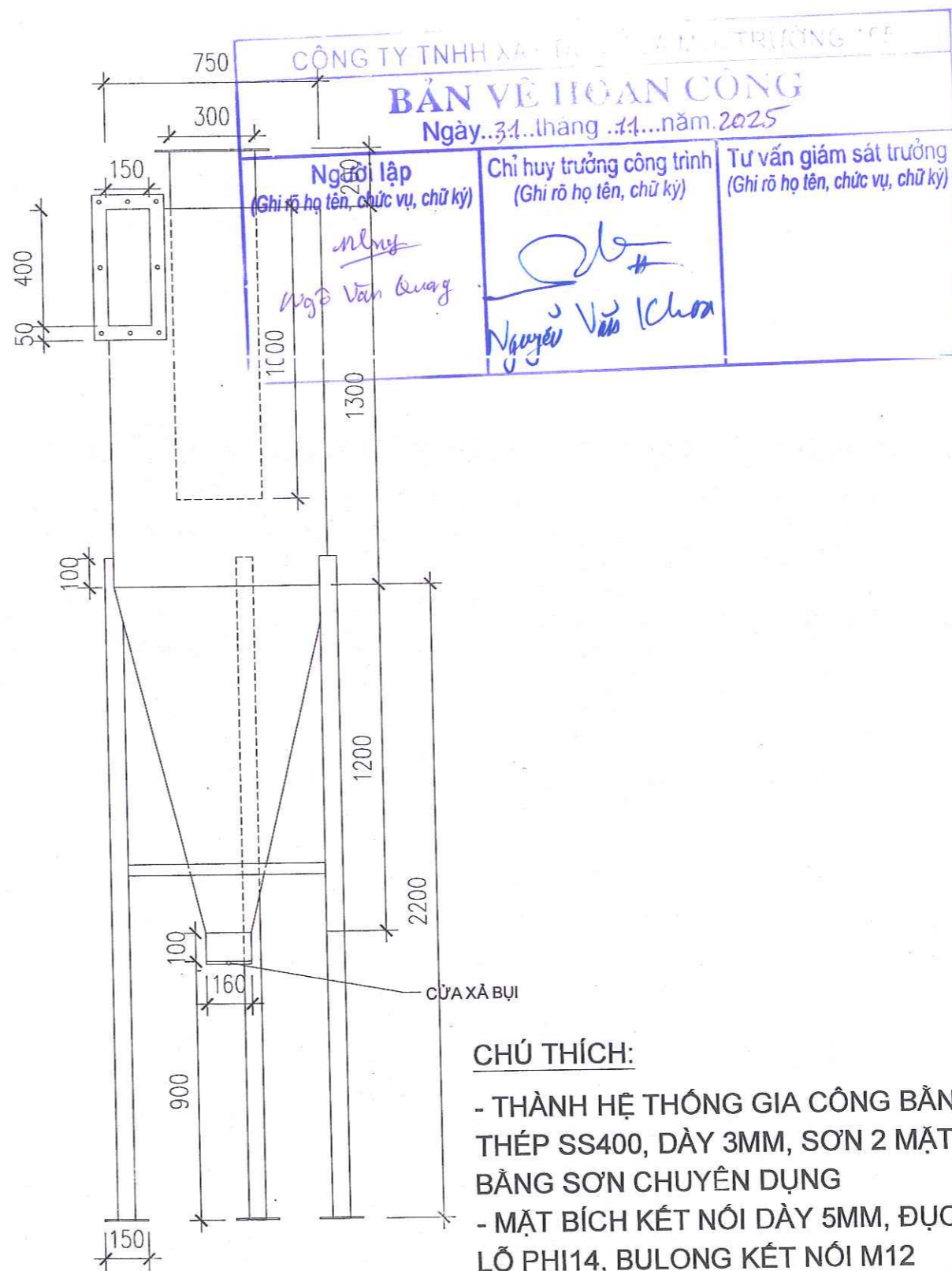
TÊN BẢN VẼ:  
SƠ ĐỒ ĐƯỜNG KHÍ THẢI, BỤI LÒ ĐỐT

GIAI ĐOẠN: BVT/KTC	KÝ HIỆU BẢN VẼ: CN-03/ĐC
HOÀN THÀNH 2025	

# CHI TIẾT HỆ THỐNG HÚT BỤI CYCLONE



MẶT BẰNG



MẶT ĐỨNG

## CHÚ THÍCH:

- THÀNH HỆ THỐNG GIA CÔNG BẰNG THÉP SS400, DÀY 3MM, SƠN 2 MẶT BẰNG SƠN CHUYÊN DỤNG
- MẶT BÍCH KẾT NỐI DÀY 5MM, ĐỤC LỖ PHI14, BULONG KẾT NỐI M12
- GIÁ ĐỠ HỆ THỐNG GIA CÔNG BẰNG ỐNG THÉP ĐEN DN50 DÀY 3MM, SƠN CHỐNG RỈ MẶT NGOÀI, HÀN KÍN MẶT TRÊN

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG 165

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

Ngày..31..tháng ..11...năm.2025

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) Nguyễn Văn Khoa	Chỉ huy trưởng công trình (Ghi rõ họ tên, chữ ký) Nguyễn Văn Khoa	Tư vấn giám sát trưởng (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
--	---	--

TÊN CÔNG TRÌNH:

THIẾT KẾ, CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI, BỤI LÒ ĐỐT TẠI NHÀ MÁY SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN CÀ PHÊ LỆ DUNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

THÔN CỢP, XÃ HƯỚNG PHỤNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

CHỦ ĐẦU TƯ:

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LỆ DUNG

Nguyễn Thị Lệ

NHÀ THẦU:

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG 165

ĐỊA CHỈ: SỐ 31A NG. 115 NGUYỄN LƯƠNG BẢNG, QUẬN ĐÔNG ĐÀ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC: Phạm Bá Tháng

M.S.D.N: 0988900000

GĐA - TP HÀ NỘI

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ:

NGUYỄN VĂN KHOA

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:

NGUYỄN VĂN KHOA

THIẾT KẾ:

LÊ ĐỨC TRUNG

KIỂM TRA:

NGUYỄN VĂN KHOA

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT HỆ THỐNG HÚT BỤI CYCLONE

GIAI ĐOẠN:

BVT/KTC

HOÀN THÀNH

2025

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

CN-04

# CHI TIẾT THÁP RỬA KHÍ

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG 165

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 31 tháng 11 năm 2025

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)  Nông Nguyễn Văn Quang	Chủ dự án công trình (Ghi rõ họ tên, chữ ký)  Nguyễn Văn Khoa	Tư vấn giám sát (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
---	--	---

TÊN CÔNG TRÌNH:

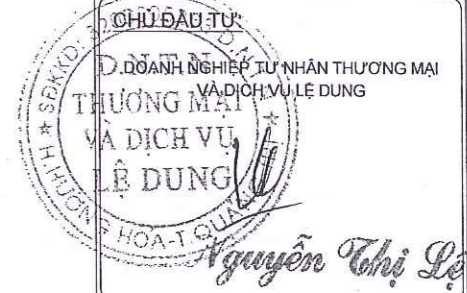
THIẾT KẾ, CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT  
THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI,  
BỤI LÒ ĐỐT TẠI NHÀ MÁY SẢN XUẤT,  
CHẾ BIẾN CÀ PHÊ LỆ DUNG

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

THÔN CỢP, XÃ HƯỚNG PHÙNG,  
TỈNH QUẢNG TRỊ

CHỦ ĐẦU TƯ:

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN THƯƠNG MẠI  
VÀ DỊCH VỤ LỆ DUNG



NHÀ THẦU:

CÔNG TY TNHH  
XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG 165  
ĐỊA CHỈ: SỐ 17, NGÕ 15 NGUYỄN LƯƠNG BẢNG,  
PHƯỜNG ĐÔNG ĐÀ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI



CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ:

NGUYỄN VĂN KHOA	
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:	
NGUYỄN VĂN KHOA	
THIẾT KẾ:	
LÊ ĐỨC TRUNG	
KIỂM TRA:	
NGUYỄN VĂN KHOA	

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT THÁP RỬA KHÍ

GIẢI ĐOẠN:

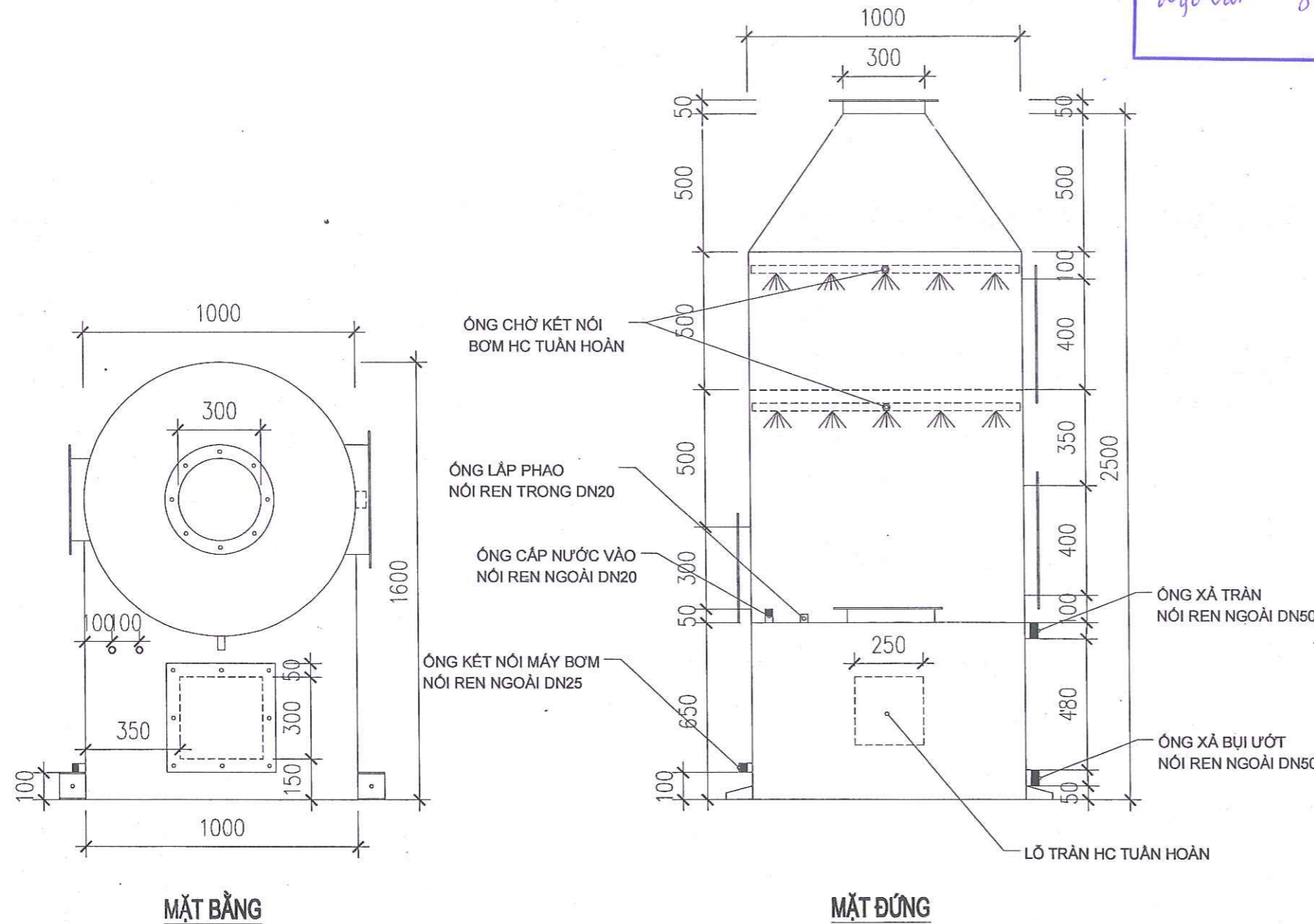
BVTKTC

HOÀN THÀNH

2025

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

CN-05



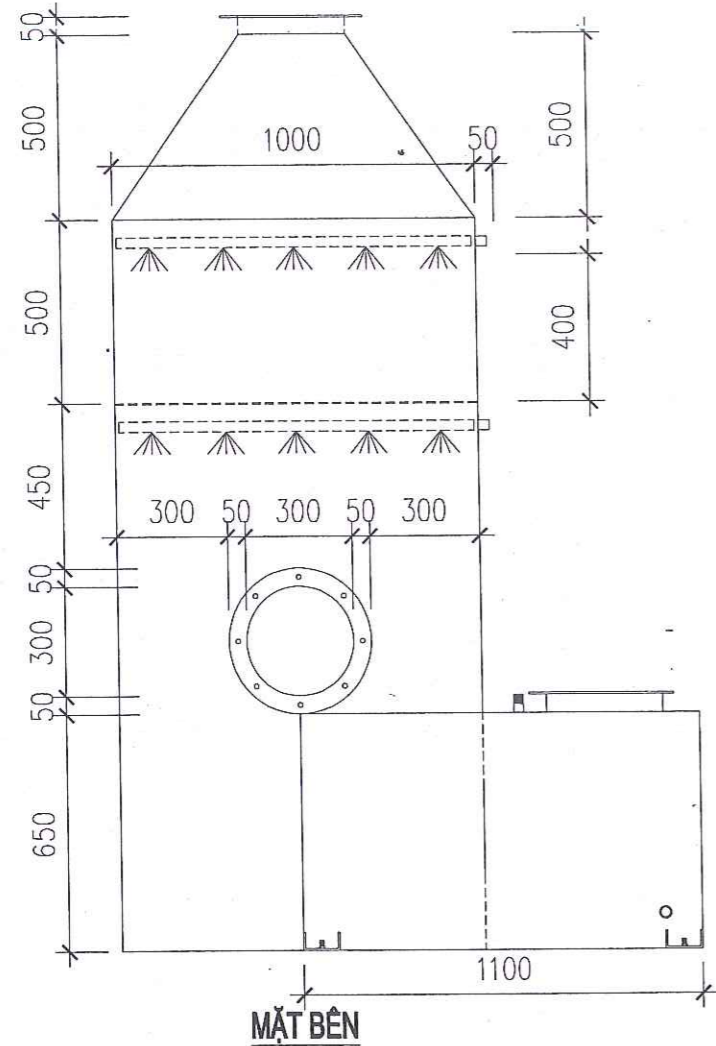
## CHÚ THÍCH:

- THÀNH HỆ THỐNG GIA CÔNG BẰNG THÉP SS400, DÀY 3MM, SƠN 2 MẶT BẰNG SƠN CHUYÊN DỤNG
- MẶT BÍCH KẾT NỐI DÀY 5MM, ĐỤC LỖ PHI14, BULONG KẾT NỐI M12
- LƯỚI PHÂN PHỐI NƯỚC LÀ LƯỚI NHỰA DẠNG MẮT CÁO, ỐNG PHÂN PHỐI NƯỚC BẰNG NHỰA UPVC, BÉT PHUN HÌNH XOĂN ỐC

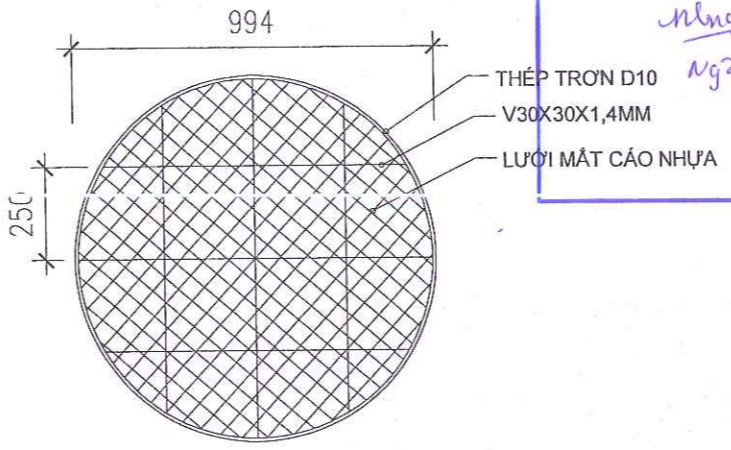
# CHI TIẾT THÁP RỬA KHÍ

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG 165**  
**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
 Ngày 31...tháng 11...năm 2025

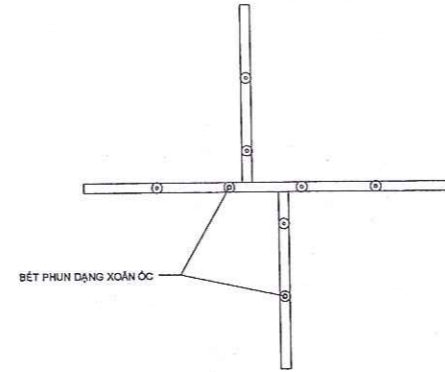
<b>Người lập</b> (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) Ông Nguyễn Quang	<b>Chỉ huy trưởng công trình</b> (Ghi rõ họ tên, chữ ký) Nguyễn Văn Khoa	<b>Tư vấn giám sát</b> (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký) Lê Đức Trung
--	--	--



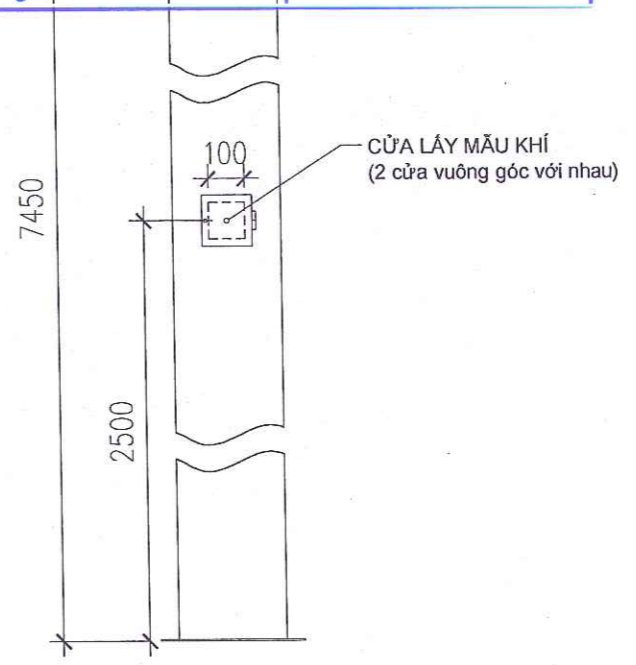
**MẶT BÊN**



**CHI TIẾT LƯỚI PHÂN PHỐI NƯỚC**



**CHI TIẾT ỐNG PHÂN PHỐI NƯỚC**



**CHI TIẾT ỐNG THOÁT KHÍ**

- CHÚ THÍCH:**
- THÀNH HỆ THỐNG GIA CÔNG BẰNG THÉP SS400, DÀY 3MM, SƠN 2 MẶT BẰNG SƠN CHUYÊN DỤNG
  - MẶT BÍCH KẾT NỐI DÀY 5MM, ĐỤC LỖ PHI14, BULONG KẾT NỐI M12
  - LƯỚI PHÂN PHỐI NƯỚC LÀ LƯỚI NHỰA DẠNG MẮT CÁO, ỐNG PHÂN PHỐI NƯỚC BẰNG NHỰA UPVC, BÉT PHUN HÌNH XOẢN ỐC

**TÊN CÔNG TRÌNH:**  
 THIẾT KẾ, CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI, BỤI LÒ ĐỐT TẠI NHÀ MÁY SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN CÀ PHÊ LỆ DUNG

**ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:**  
 THÔN CỘP, XÃ HƯỚNG PHÙNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

**CHỦ ĐẦU TƯ:**  
 ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ DỊCH VỤ LỆ DUNG  
 NGUYỄN THỊ LỆ

**NHÀ THẦU:**  
 CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG 165  
 ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ DỊCH VỤ LỆ DUNG  
 NGUYỄN VĂN KHOA

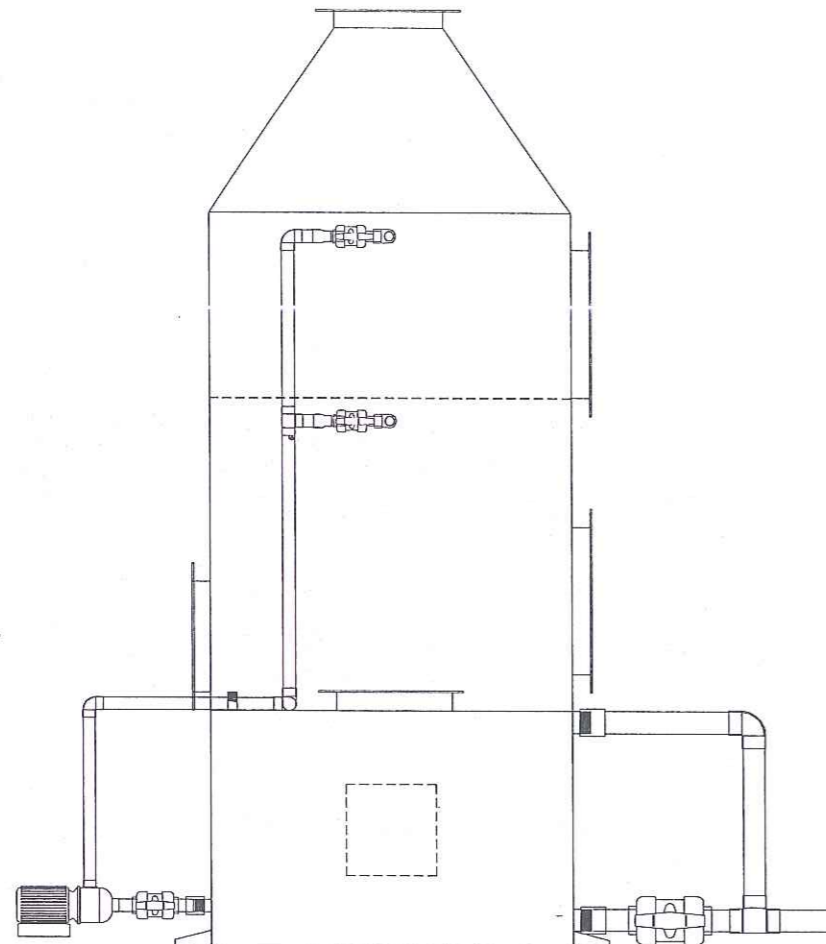
**GIÁM ĐỐC:**  
 CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG 165  
 PHẠM ĐÀ THẮNG

<b>NGƯỜI THIẾT KẾ:</b> NGUYỄN VĂN KHOA	[Signature]
<b>CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:</b> NGUYỄN VĂN KHOA	[Signature]
<b>THIẾT KẾ:</b> LÊ ĐỨC TRUNG	[Signature]
<b>KIỂM TRA:</b> NGUYỄN VĂN KHOA	[Signature]

**TÊN BẢN VẼ:**  
 CHI TIẾT THÁP RỬA KHÍ

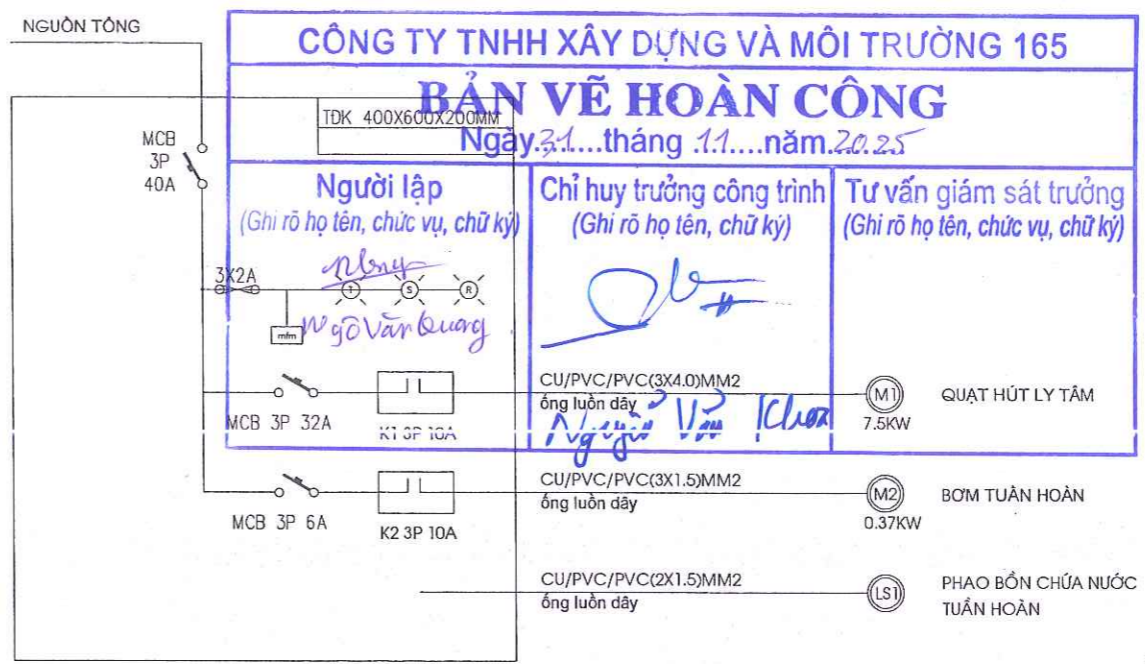
<b>GIẢI ĐOẠN:</b> BVT/KTC	<b>KÝ HIỆU BẢN VẼ:</b> CN-06
<b>HOÀN THÀNH:</b> 2025	

# SƠ ĐỒ ĐẦU NỐI, THỐNG KÊ VẬT TƯ



SƠ ĐỒ ĐẦU NỐI BƠM TUẦN HOÀN, ỚNG XẢ BỤI ỚT

Thống kê vật tư uPVC			
STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	SỐ LƯỢNG
1	Van uPVC D60	Cái	1
2	Cút uPVC D60	Cái	1
3	Tê uPVC D60	Cái	1
4	Nối ren trong uPVC D60	Cái	2
5	Van uPVC D34	Cái	1
6	Cút uPVC D34	Cái	4
7	Tê uPVC D60	Cái	1
8	Nối ren trong uPVC D34	Cái	1
9	Nối ren ngoài uPVC D34	Cái	2
10	Van uPVC D27	Cái	3
11	Cút uPVC D27	Cái	3
12	Nối giảm uPVC 34-27	Cái	2
13	Nối ren trong uPVC D27	Cái	3



SƠ ĐỒ ĐẦU NỐI TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN

Thống kê vật tư tủ điện điều khiển			
STT	TÊN THIẾT BỊ	ĐVT	SỐ LƯỢNG
1	MCB 3 pha LS 40a LS	Cái	1
2	MCB 3 pha LS 6a LS	Cái	1
3	MCB 3 pha LS 32a LS	Cái	1
4	MCB 1 pha 6A LS	Cái	1
5	Công tắc tơ 6a ls	Cái	1
6	Công tắc tơ 22a ls	Cái	1
7	Rơ le nhiệt 12-18a ls	Cái	1
8	Rơ le nhiệt 1-1.6a ls	Cái	1
9	Đèn báo Giga 220vac màu đỏ	Cái	1
10	Đèn báo Giga 220vac màu xanh	Cái	3
11	Đèn báo Giga 220vac màu vàng	Cái	3
12	Bộ bảo vệ mắt pha omron	Cái	1
13	Nút dừng khẩn cấp giga	Cái	1
14	Cầu chì bảo vệ đèn báo 2a	Cái	3
15	Công tắc 3 chế độ giga	Cái	2
16	Vỏ tủ điện 400x600x200mm 1 lớp cánh trong nhà	Cái	1
17	Vật tư phụ dây điện.đầu cos.tem...	Hệ Thống	1
18	Nhãn công đầu nối	Hệ Thống	1
19	Dây điện 3x4mm, đầu quạt ly tâm	M	10
20	Dây điện 3x1.5mm, đầu bơm tuần hoàn	M	12
21	Dây điện 1x1.5mm, đầu phao	M	12
21	Ống luồn dây upvc 27	cây	6

**TÊN CÔNG TRÌNH:**  
 THIẾT KẾ, CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI, BỤI LÒ ĐỐT TẠI NHÀ MÁY SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN CÀ PHÊ LỆ DUNG

**ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:**  
 THÔN CỢP, XÃ HƯỜNG PHỤNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

**CHỦ ĐẦU TƯ:**  
 CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ LỆ DUNG  
 NGUYỄN THỊ LỆ

**NHÀ THẦU:**  
 CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ MÔI TRƯỜNG 165  
 PHẠM BÁ THẮNG

**THIẾT KẾ:**  
 NGUYỄN VĂN KHOA

**KIỂM TRA:**  
 NGUYỄN VĂN KHOA

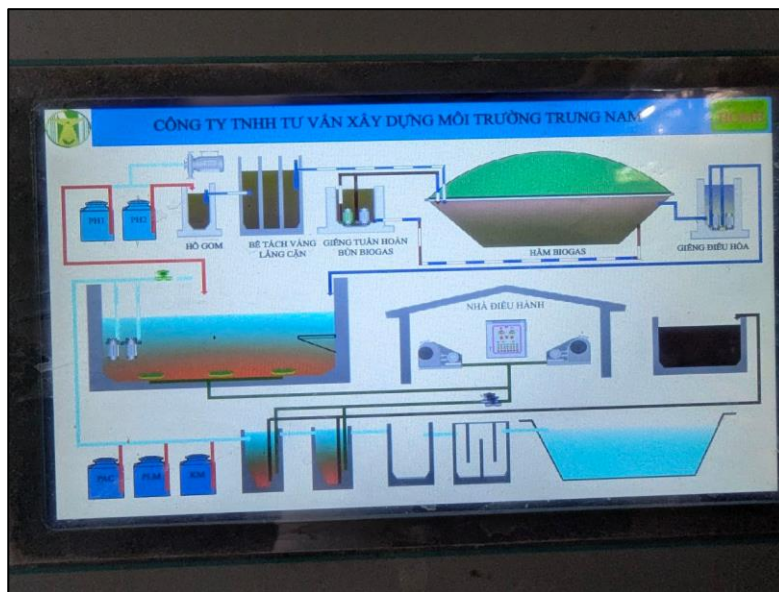
**TÊN BẢN VẼ:**  
 SƠ ĐỒ ĐẦU NỐI, THỐNG KÊ VẬT TƯ

**GIAI ĐOẠN:** BVT/KTC  
**HOÀN THÀNH:** 2025  
**KÝ HIỆU BẢN VẼ:** CN-07

# HÌNH ẢNH CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ



# HÌNH ẢNH CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ



## HÌNH ẢNH CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

